

THÔNG THIÊN HỌC ĐẾN VỚI TÔI NHƯ THẾ NÀO (HOW THEOSOPHY CAME TO ME)

Tác giả C. W. LEADBEATER

1967

Nhà Xuất bản Thông Thiên Học Adyar, Madras 20, Ấn Độ

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

Ở Hi Lạp cổ đại.

Thái độ buổi đầu của tôi.

Những sự khảo cứu cá nhân.

Thần linh học.

Một câu chuyện kể về bà Blavatsky

CHƯƠNG II

“Thế giới Huyền bí”.

Tôi gia nhập Hội như thế nào.

Ông A. P. Sinnett.

Ông M. M. Chatterji.

Ông Eglinton.

Một bức thư gửi Chơn sư

CHƯƠNG III

Công việc thực tiễn.

Tiền sĩ Kingsford.

Tôi gặp vị Sáng lập ra Hội chúng ta.

CHƯƠNG IV

Bà Blavatsky

CHƯƠNG V

Bức thư được trả lời.

Hiện tượng lạ đầu tiên của tôi.

Lệnh lên đường.

Bị cách ly.

Chúng tôi gặp lại nhau

CHƯƠNG VI

Một sự thay đổi đột ngột bất ngờ.

Tàu chở thư Khedive.

Ismailia.

Một thông điệp.

Một chút bụi đất.

Một sự thay đổi đột ngột khác nữa.

Một Huynh trưởng.

Một nghi lễ dễ sợ.

Bà biết tiếng Ả rập.

Những hiện tượng lạ.

Một trải nghiệm đặc trưng

CHƯƠNG VII

Chúng tôi du hành tới Ấn độ.

Tôi trở thành Phật tử.

Tam qui.

Ngũ giới.

Tu viện trưởng Sumangala.

Đặt chân tới Madras.

Cuộc đón tiếp chúng tôi.

Ở Sảnh đường Pachiappa.

CHƯƠNG VIII

Cuối cùng tới Adyar.

Sảnh đường của Tổng hành dinh.

Đại hội đầu tiên mà tôi dự.

Thăm viếng Miến Điện.

Một sự kiện nhỏ kỳ diệu.

Sinh hoạt của chúng tôi ở Miến Điện.

Hai nhà lãnh đạo tôn giáo.

Hành trình trở về của chúng tôi.

CHƯƠNG IX

Bất ổn ở Adyar.

Bà Blavatsky lên đường.

Các Chơn sư hiện hình.

Một sự thay đổi nhiệm màu.

Một sinh hoạt trong cô tịch.

Diễn biến phát triển bất ngờ.

Rèn luyện thân thông

CHƯƠNG I

Ờ HI LẠP CỔ ĐẠI

Lần đầu tiên tôi tiếp xúc với điều gì đó có thể dứt khoát được gọi là Thông Thiên Học vào năm 504 trước Công Nguyên, khi tôi có vinh dự và thích thú kỳ lạ đến viếng thăm triết gia vĩ đại Pythagore. Tôi sinh ra ở một trong những gia đình Eupatridæ tại Athens - một gia đình có hoàn cảnh rất thuận lợi và hiển ra những cơ hội thuận tiện để tiến bộ. Cuộc viếng thăm này là diễn biến quan trọng nhất vào thời tôi còn trai trẻ và nó xảy ra như sau. Một quyền thuộc của tôi đề nghị dắt tôi cùng với một đứa em nhỏ hơn một hai tuổi đi du hành trên một chuyến tàu mà ông ta là một thành viên sở hữu. Đó là chuyến du hành đi buôn bán trong số các đảo của Hi Lạp qua tới tận bờ biển Á Châu và với những phương pháp an nhàn thời đó thì nó phải mất tới gần một năm, trong thời gian ấy chúng tôi viếng thăm nhiều nơi, thường ngoạn chảnh những nhiều phong cảnh đẹp đẽ mà còn nhiều đền thờ lộng lẫy được trang hoàng với đồ kiến trúc tuyệt vời. Trong số những đảo khác mà chúng tôi gọi là Samos thì ở đó chúng tôi thấy triết gia Pythagore vĩ đại, lúc bấy giờ là người cao tuổi và rất gần đất xa trời. Một số sử gia nghĩ rằng bậc hiền triết này chết khi trường Krotona của ông bị thành

kiến của dân chúng phá hoại; còn những người khác công nhận rằng ông sống sót sau thảm họa này và tin rằng mãi về sau ông mới chết ở Metapontum. Chẳng có ý tưởng nào có vẻ là chính xác; khi quá già ông rời bỏ trường ở Magna Græcia rồi quay về quê hương bản quán ở Samos để chấm dứt cuộc đời nơi ông đã sinh ra, thế là xảy ra việc chúng tôi có rất nhiều đặc quyền khi gặp ông trong cuộc hành trình của mình. Lúc bấy giờ đệ tử chính của ông là Kleineas (giờ đây là Chon su Djwal Kul); Kleineas vô cùng tử tế đối với chúng tôi, kiên nhẫn trả lời mọi thắc mắc tha thiết của chúng tôi, giải thích cho chúng tôi hệ thống triết học của Pythagore. Chúng tôi ngay tức khắc bị thu hút mạnh mẽ nhất hướng tới giáo huấn được xiển dương và nôn nóng muốn được gia nhập trường. Kleineas bảo chúng tôi rằng một chi nhánh của trường chẳng bao lâu nữa sẽ khai trương ở Athens; trong thời gian chờ đợi ông giáo huấn chúng tôi khá nhiều về luân lý, về thuyết luân hồi và bí nhiệm của những con số. Chẳng bao lâu sau thì tàu bè của chúng tôi đã sẵn sàng vượt biển (may mắn thay nó cần phải sửa chữa) và chúng tôi tiếc nuối cáo từ Pythagore và Kleineas. Chúng tôi hết sức vui sướng và nể sợ khi được triệu tập từ biệt ông; triết gia già nua ban phước cho chúng tôi và nói một cách rất nhấn mạnh: “Chúng ta sẽ gặp lại nhau”. Chỉ trong vòng một hai năm sau chúng tôi nghe tin ông đã chết, thế là chúng tôi thường thắc mắc liệu ông nói như vậy ngụ ý là gì, nhưng trong kiếp này khi lần đầu tiên tôi có đặc quyền được gặp Chon su Kuthumi thì Ngài gọi cho ký ức của tôi nhớ lại cái cảnh tượng đã lâu rồi đó và bảo rằng: “Chẳng phải ta đã cho con biết chúng ta sẽ gặp lại nhau hay sao?” Ngay sau khi Pythagore chết, Kleineas đã hoàn thành lời hứa là đến lập nên một trường triết học ở Athens và tự nhiên là tôi cùng với em tôi ở trong số những học trò đầu tiên của ông. Một số lớn học trò bị cuốn hút bởi giáo huấn của ông, và triết lý này chiếm một địa vị rất cao trong tư tưởng đương thời. Ngoại trừ điều thực sự cần thiết để quản lý bất động sản của gia đình, tôi hầu như dành hết trọn thời giờ của mình để nghiên cứu và giảng dạy triết lý ấy, và quả thật đã kế nghiệp khi ông Kleineas qua đời.

THÁI ĐỘ BUỔI ĐẦU CỦA TÔI

Có thể do dành đặc quyền cho tư tưởng cao siêu này, nên tôi đã có một thời kỳ dài rất bất thường ở cõi trời tới hơn 2.300 năm. Tôi không thể nói sự kiện đó ảnh hưởng tới kiếp này của tôi đến mức nào, nhưng tôi nhập thể kiếp này mà dứt khoát không nhớ gì về tất cả những điều tôi đã học được qua việc trả giá biết bao nhiêu thời gian và công sức. Trong thời thơ ấu, tôi thật tuyệt nhiên chẳng biết gì về những đề tài này, nhưng giờ đây khi nhìn lại thời kỳ đó tôi có thể thấy rằng bản thân tôi có một loạt những niềm xác tín mà hiển nhiên là tôi đã mang theo từ kiếp trước. Vào khoảng giữa thế kỷ vừa qua, đó là một thời kỳ duy vật phổ biến, không tin tưởng hoặc ít ra cũng không chắc chắn về những vấn đề tôn giáo, khinh bỉ chối bỏ khả năng có bất kỳ loại biểu lộ phi vật lý nào. Ngay cả khi còn tằm bé tôi đã biết rằng người ta tranh cãi kịch liệt với nhau về sự tồn tại của Thượng Đế và khả năng có thể có một điều gì đó nơi con người còn sống sót sau khi chết. Nhưng khi tôi nghe người ta tranh luận như vậy, tôi âm thầm tự hỏi làm sao mà thiên hạ lại có thể điên rồ đến như thế, bởi vì bản thân tôi có một niềm xác tín nội tâm không lay chuyển về những vấn đề này, mặc dù tôi không thể cãi lý để bảo vệ đức tin của mình hay quả thật đưa ra được bất cứ lý lẽ nào để hậu thuẫn cho nó. Nhưng tôi biết rằng có Thượng Đế, Ngài rất nhân từ và sự chết không phải là hết. Ngay cả từ tuổi đó, tôi đã có thể suy diễn ra từ những niềm xác tín này rằng dù sao đi nữa mọi chuyện phải tốt, mặc dù rất thường khi thì sự việc đang xấu đi. Tôi còn nhớ rất rõ

tôi đã khiếp đảm xiết bao (và tôi e rằng mình cũng hết sức giận dữ) khi một đứa trẻ bạn chơi đùa của tôi giới thiệu với tôi đề ý tới thuyết địa ngục. Tôi mau mắn cãi lại nó, nhưng nó cứ khẳng khẳng cho rằng điều này ắt phải đúng vì cha nó bảo như vậy. Tôi về nhà mà rất công phần, hỏi ý kiến chính cha tôi về cái điều dễ sợ không thể tin được này; nhưng ông chỉ mỉm cười khoan dung và bảo rằng: “Được thôi con ơi, bản thân ta cũng chẳng lúc nào tin vào điều đó, nhưng có nhiều người nghĩ như vậy và chẳng hỏi đâu ra sức thuyết phục họ; con phải chịu đựng điều đó thôi”. Thế là từng bước tôi học biết được rằng cho dù mạnh mẽ đến đâu đi chẳng nữa, niềm xác tín nội tâm của chính mình cũng bất lực để tranh cãi lại ý kiến chính thống. Một mẫu nhỏ kỳ diệu khác về việc hồi tưởng lại một phần mà tôi dường như đã mang theo từ cái kiếp trước ở Hy Lạp. Khi còn nhỏ tôi thường nằm mơ thấy một căn nhà nào đó, hoàn toàn không giống như bất kỳ căn nhà nào mà tôi quen thuộc vào lúc ấy trên cõi vật lý, bởi vì nó được xây dựng xung quanh một vườn trung tâm (có những vòi nước, pho tượng và bụi cây) còn mọi căn phòng đều nhìn ra vườn. Có lẽ tôi thường nằm mơ thấy nó một tuần hết ba lần và tôi biết mọi căn phòng trong đó cũng như mọi người sống ở đó. Tôi thường xuyên mô tả điều này cho mẹ tôi và còn vẽ ra họa đồ về nó nữa. Chúng tôi gọi nó là căn nhà mơ ước của tôi. Khi tôi lớn lên thì càng ngày tôi càng ít nằm mơ thấy nó, cho đến khi cuối cùng nó hoàn toàn mờ nhạt đi khỏi ký ức của tôi. Nhưng có một ngày mãi về sau này để minh họa cho một điều gì đó, Sư phụ của tôi chỉ cho tôi một bức hình căn nhà mà tôi đã sống ở đó trong kiếp trước và tôi ngay tức khắc nhận ra được nó. Mặc dù như tôi có nói, tôi có niềm xác tín nội tâm hoàn toàn về sinh hoạt sau khi chết, chẳng bao lâu sau tôi đã nhận ra rằng muốn tranh luận vấn đề này với những người khác thì ắt có lợi thế rất nhiều nếu ta có được một điều gì đó về bản chất của những bằng chứng trên cõi vật lý mà ta tạo ra được. Tôi thấy rằng bằng chứng đó có thể tìm ra được nếu ta sẵn lòng dành một số lượng thời gian và công sức nào đấy để đi tìm nó. Tôi còn nhớ khi tôi rất nhỏ, tôi có đọc qua một bản sao tác phẩm *Khía cạnh U minh của Thiên nhiên* của bà Crove và tôi đọc một cách rất hứng thú; tôi thấy có vẻ là nếu tôi có cơ hội khảo cứu trực tiếp những trường hợp giống như trường hợp mà bà mô tả thì chắc chắn là theo thời gian tôi có thể đạt tới một điều gì đó xác định mà tôi có thể trích dẫn để đáp ứng được những thắc mắc.

NHỮNG SỰ KHẢO CỨU CÁ NHÂN

Thỉnh thoảng trong một tờ báo nào đó có ra mắt một bài tường trình về ma xuất hiện hoặc những diễn biến kỳ lạ trong một căn nhà bị ma ám và bất cứ khi nào tôi chú ý tới một điều gì đó thuộc loại này tôi bèn nhanh chóng đi tới nơi tác động, phỏng vấn bất cứ nhân chứng nào mà tôi tìm thấy được, và dành nhiều thời gian công sức để cố gắng tự thân mình gặp gỡ con ma hiện ra đó. Dĩ nhiên phần lớn cơ hội thì tôi đều trắng tay hoặc là không có bằng chứng nào có giá trị hoặc là con ma từ chối không xuất hiện theo ý ta muốn. Ngay cả khi có nhân chứng mà tôi thấy một câu chuyện đáng tin cậy một cách phải chăng để y kể lại thì dường như con ma không ở lại đủ lâu để nói hoặc làm điều gì đó đặc biệt đáng chú ý; hay có lẽ chính nhân chứng cũng không ở lại đủ lâu chỗ ấy. Thế nhưng trong cái sự tẻ nhạt đáng chán của nhiều sự thất bại đó, thỉnh thoảng cũng có một ốc đảo sáng ngời dứt khoát là thành công, và chẳng bao lâu sau tôi thu thập được một số bằng chứng trực tiếp hoàn toàn thuyết phục được mình nếu tôi cần thuyết phục. Đồng thời tôi cũng khảo cứu một số trường hợp được gọi là “thấu thị”, chủ yếu của đám dân miền sơn cước; và ở đó tôi cũng lại thấy

rằng rất dễ cho bất cứ người nào không có thành kiến mà sẵn lòng bỏ chút ít công sức thì sẽ thỏa mãn về tính chân thực của những hiện tượng lạ.

THẦN LINH HỌC

Tiếp thay vào thời kỳ đó tôi hoàn toàn không biết có một đường lối điều tra khả hữu khác - đó là thần linh học. Theo như tôi còn nhớ được thì lần đầu tiên tôi nghe nói chuyện như vậy có liên quan tới những buổi lên đồng do ông D. D. Home thực hiện với Hoàng đế Napoleon Đệ Tam. Một loạt những bài báo mô tả hiện tượng này được Đại đức Maurice Davies viết cho tờ báo Điện tín Hàng ngày; nhưng những phát biểu mà ông đưa ra vào lúc đó dường như không thể tin được đối với tôi và khi đọc to một trong những bài báo đó cho mẹ tôi nghe vào một buổi chiều tối, tôi phát biểu ý kiến rất nghi ngờ liệu sự mô tả như vậy có thể chính xác hay chẳng. Tuy nhiên bài báo chấm dứt bằng nhận xét rằng, bất cứ ai cảm thấy không thể tin được câu chuyện này có thể dễ dàng tự thuyết phục mình về khả năng đó bằng cách tụ tập một đám bạn lại rồi dẫn dụ họ ngồi im quanh một cái bàn nhỏ hoặc là trong bóng tối hoặc là trong ánh sáng mờ mờ, lòng bàn tay dựa nhẹ trên mặt bàn. Người ta còn bảo rằng có một kế hoạch dễ hơn nữa là đặt trên bàn một cái nón thông thường làm bằng lụa, vành nón ngửa lên trên, rồi để cho hai ba người đặt nhẹ bàn tay lên trên vành nón. Người ta quả quyết rằng cái nón hoặc cái bàn chẳng bao lâu sau sẽ bắt đầu quay và bằng cách đó chứng minh được sự tồn tại của một lực không chịu sự kiểm soát của bất cứ người nào có mặt. Điều này nghe ra rất đơn giản cho nên mẹ tôi gợi ý rằng vì trời vừa chập tối và thời gian này có vẻ thích hợp, chúng tôi nên làm thí nghiệm ngay. Theo lời bà, tôi lấy một cái bàn nhỏ hình tròn, có một cái chân bàn ở giữa mà công dụng thông thường của nó là để đỡ một bình hoa có cắm một cây hoa huệ tây lớn. Tôi mang vào đó một cái nón bằng lụa của chính mình lấy từ trên cái kệ trong phòng rồi đặt nó lên trên bàn, và chúng tôi đặt tay lên trên vành nón theo như qui định. Ngoài mẹ tôi và chính tôi ra, người duy nhất có mặt là một bé trai 12 tuổi mà sau này chúng tôi mới phát hiện đó là một đồng tử có khả năng rất nhiều, nhưng lúc bấy giờ tôi chẳng biết gì về đồng tử. Tôi chẳng nghĩ rằng bất cứ ai trong chúng tôi trông mong có một kết quả nào nữa và tôi biết rằng mình vô cùng kinh ngạc khi cái nón quay một cách dứt khoát nhưng nhẹ nhàng trên bề mặt nhẵn bóng của cái bàn. Mỗi chúng tôi đều nghĩ rằng người kia phải làm nó chuyển động một cách vô ý thức, nhưng chẳng bao lâu vấn đề này đã được xác lập đối với chúng tôi, vì nó quay tít mạnh đến nỗi chúng tôi khó lòng giữ được bàn tay đặt trên nó. Theo gợi ý của tôi, chúng tôi nhấc bàn tay lên, cái nón cũng bốc lên bên dưới bàn tay dường như thể bám chặt vào bàn tay và vẫn còn treo lơ lửng vào khoảng vài phân Anh cách mặt bàn trong vài khoảnh khắc trước khi rơi bịch xuống mặt bàn. Diễn biến phát triển mới mẻ này làm tôi còn kinh ngạc hơn nữa, và tôi cố gắng cũng thu được kết quả này một lần nữa. Trong một vài phút cái nón không chịu đáp ứng, nhưng cuối cùng khi nó bốc lên giống như trước thì nó lại mang theo cả cái bàn cùng với nó! Đây là cái nón bằng lụa quen thuộc của chính tôi mà trước đó tôi chưa bao giờ ngờ được nó có bất kỳ tính chất huyền bí nào, nó treo lơ lửng một cách huyền bí trong không khí bám vào những đầu ngón tay của chúng tôi; không bằng lòng với sự thách đố luật hấp dẫn trọng trường này của chính nó, nó còn bám chặt vào cái bàn ở đỉnh nón rồi lại nhấc cái bàn lên nữa. Tôi liếc nhìn xuống chân bàn, chân bàn cách cái thảm trên sàn 6 phân Anh và không có chân người nào chạm vào chân bàn hoặc ở gần chân bàn! Tôi thò bàn chân của chính mình vào khoảng cách ở giữa nhưng chắc chắn rằng ở đó chẳng có gì, dù sao đi nữa cũng không

có gì cảm nhận được trên cõi vật lý. Dĩ nhiên khi cái nón lần đầu tiên di chuyển thì tôi thoáng nghĩ rằng bằng một cách nào đó thằng bé phải lừa gạt chúng tôi; nhưng thứ nhất là nó hiển nhiên không làm như vậy, và thứ hai là nó không thể tạo ra kết quả đó mà không ai quan sát được. Sau khoảng hai phút thì cái bàn rớt ra khỏi cái nón, và hầu như ngay tức khắc cái nón cũng rớt xuống cái bàn, nhưng thí nghiệm này được lặp lại nhiều lần với khoảng cách vài phút. Thế rồi cái bàn lắc lư dữ dội, hất cái nón ra - đây rõ ràng là điều bóng gió gợi ý cho chúng tôi, nếu bất kỳ ai trong chúng tôi biết đúng mức để tiếp thu điều bóng gió đó. Nhưng không ai trong chúng tôi có bất kỳ ý kiến nào phải làm gì kế tiếp, mặc dù chúng tôi hết sức chú ý tới những chuyển động phi thường này. Bản thân tôi không nghĩ hiện tượng lạ này là một biểu lộ của người chết mà chỉ coi đó là việc khám phá ra một lực mới kỳ lạ nào đây. Sự khởi đầu khá phù phiếm này khiến tôi tiến hành điều tra thêm nữa và chẳng bao lâu sau tôi phát hiện ra rằng có rất nhiều tài liệu dành cho đề tài này, và tôi có thể tiến hành khảo cứu nhiều hơn nữa qua những buổi lên đồng có những đồng tử chính qui. Có nhiên tôi cũng gặp một số trường hợp bịp bợm nào đấy, hơn nữa còn là ngu xuẩn, nhưng chẳng bao lâu sau tôi có thể mãn nguyện không còn nghi ngờ gì nữa là ít ra có một số biểu lộ do tác động của những người mà ta gọi là những người đã chết. Hầu như không có một hiện tượng nào mà tôi từng đọc thấy trong sách vở thần linh học hoặc nghe thấy trong giới thần linh học mà bản thân tôi không chứng kiến trong những điều kiện dứt khoát là trắc nghiệm. Bất cứ bạn đọc nào muốn có một bài tường trình đầy đủ hơn về công trình khảo cứu của tôi cùng với những kết quả của nó ắt tìm thấy điều đó trong quyển sách Bên kia của tử của tôi hoặc trong một phần nhỏ của quyển sách này được xuất bản riêng rẽ với tựa đề Thần linh học và Thông Thiên Học. Tôi đã tường thuật khá tỉ mỉ một số diễn biến trong khi tôi còn trẻ để xác minh cho bạn đọc cái thái độ tâm trí đó của tôi khi Thông Thiên Học cuối cùng đến với tôi mà tôi thiết tưởng rằng nó giải thích được cái cách thức mà ngay tức khắc tôi phản ứng với Thông Thiên Học. Có lẽ tôi nên đề cập tới một diễn biến khác nữa trong sinh hoạt tiên-Thông Thiên Học của tôi; mặc dù diễn biến này tự thân nó không quan trọng nhưng nó tiền định tôi chấp nhận nhiều điều mà bằng không tôi có thể nghi ngờ.

MỘT CÂU CHUYỆN KỂ VỀ BÀ BLAVATSKY

Chính cái tin tức đầu tiên mà tôi đã từng nghe nói tới vị sáng lập vĩ đại của chúng ta, bà Blavatsky, đó là tin kỳ diệu và đặc trưng mà việc nghe tới nó là một diễn biến quan trọng nhất trong đời tôi, mặc dù lúc bấy giờ tôi chưa biết. Một người bạn lực lưỡng thời tôi còn đi học, lấy nghề đi biển làm chuyên nghiệp và vào khoảng năm 1879, y là thuyền phó trên một chiếc tàu duyên hải thuộc Công ty Hàng hải Tàu thủy Anh Ấn. Trong chuyến du hành từ Bombay tới Colombo, bà Blavatsky ngẫu nhiên đi trên tàu thủy ấy, thế là bạn tôi được tiếp xúc với nhân cách kỳ diệu này. Y kể cho tôi hai câu chuyện rất lý thú về bà. Đường như có một buổi chiều tối, y ở trên cầu tàu cố gắng vô vọng để châm lửa cho một tẩu thuốc trong cơn gió lộng. Vì đang trực nên y không thể rời cầu tàu, do đó y quẹt hết que diêm này tới que diêm khác để rồi chỉ thấy ngọn lửa ngay tức khắc tắt phụt trước cơn gió lốc. Cuối cùng với biểu lộ sốt ruột y từ bỏ toan tính ấy. Khi đứng thẳng người lên thì y thấy ngay phía dưới mình có một hình tượng đen đúa được quấn chặt trong một chiếc áo khoác và bà Blavatsky cao giọng gọi y: “Vậy là ông không thể châm lửa được phải không? Y trả lời: “Không, Tôi chẳng tin rằng có bất cứ ai giữ cho que diêm vẫn cháy lửa dưới cơn gió như thế này”. Bà Blavatsky bảo: “Cứ thử một lần nữa xem sao ?” Y cười phá lên, nhưng lại quẹt một que

diêm khác và y đoán chắc với tôi rằng giữa cơn gió lốc mà không được che chở, que diêm bốc cháy với một ngọn lửa ổn định soi sáng tới những ngón tay giữ nó. Y sững sờ đến nỗi rất cuộc y quên bèn đi việc chăm lửa cho tàu thuốc, nhưng bà Blavatsky chỉ cười phá lên rồi quay đi. Có một dịp khác trong chuyến du hành, khi có mặt bà Blavatsky, thuyền phó nhất ngẫu nhiên đề cập tới điều mình sẽ làm trong chuyến du hành trở về từ Calcutta. (Tàu thủy thường đi vòng bờ biển từ Bombay tới Calcutta rồi trở lại). Bà ngắt lời y và bảo rằng: “Không, ông sẽ không làm điều đó đâu vì ông sẽ không du hành trở lại. Khi ông đến Calcutta ông sẽ được bổ nhiệm làm thuyền trưởng một tàu thủy khác, và ông sẽ đi theo một hướng khác hẳn”. Viên thuyền phó nhất trả lời: “Thưa bà, tôi hết lòng mong ước là bà nói đúng, nhưng chuyện này không thể được. Quả thật tôi có chứng chỉ thuyền trưởng, nhưng còn có nhiều người xếp hàng trước tôi trong danh sách được thăng chức. Và lại tôi đã ký một giao kèo phục vụ chạy đường duyên hải trong 5 năm”. Bà Blavatsky trả lời: “Nói chuyện đó không quan trọng, ông ắt thấy mọi chuyện sẽ xảy ra đúng như tôi nói”. Và nó xảy ra thật, vì khi tàu thủy tới Calcutta thì người ta phát hiện thấy rằng bất ngờ có chỗ trống (Tôi thiết tưởng do sự đột tử của một thuyền trưởng) và không có ai trong tầm tay ngoại trừ viên thuyền phó nhất ấy để lấp vào chỗ trống đó. Thế là lời tiên tri có vẻ không thể được, lại được hoàn tất theo sát nghĩa. Nhiều năm về sau, khi tôi trên đường từ Java tới Ấn Độ cùng với ông van Manen, thì tôi đi trên tàu thủy mà thuyền trưởng của nó chính là người đã từng là viên thuyền phó nhất trong chuyện kể của bạn tôi, và y kể cho tôi câu chuyện này theo quan điểm của y bổ sung chính xác cho nguyên bản. Đây là những điều tự thân chúng không quan trọng lắm nhưng chúng hàm ý nhiều điều và ảnh hưởng gián tiếp của chúng đối với tôi thật là đáng kể. Ấy là vì trong vòng chưa đầy một năm sau cuộc đàm thoại đó, quyển sách Thế giới Huyền bí của ông A. P. Sinnett đã lọt vào tay tôi và ngay khi tôi thấy tên tuổi bà Blavatsky được đề cập trong quyển sách này thì tôi tức khắc nhớ lại những câu chuyện mà người bạn đã kể cho tôi nghe. Tự nhiên là cái bằng chứng trực tiếp mạnh mẽ mà tôi đã có được về thần thông của bà tiên định tới công nhận khả năng có những sự việc mới mẻ kỳ lạ khác mà ông Sinnett có viết ra; thế là hai chuyện nhỏ nhỏ này đóng vai trò quan trọng trong cuộc đời của tôi vì chúng chuẩn bị cho tôi háo hức ngay tức khắc chấp nhận những chân lý của Thông Thiên Học.

CHƯƠNG II

“THẾ GIỚI HUYỀN BÍ”

Tôi đã bảo rằng quyển sách Thông Thiên Học đầu tiên lọt vào tay tôi là quyển Thế giới Huyền bí của ông A. P. Sinnett. Tôi thấy nó được quảng cáo trong một danh mục những quyển sách đã qua sử dụng, và bị thu hút rất nhiều bởi tựa đề đó, vì vậy tôi tức khắc đặt mua nó và cũng đủ may mắn để có được nó. Tự nhiên là những câu chuyện chứa trong đó làm tôi quan tâm sâu sắc, nhưng sự quyến rũ thực sự của nó là ở nơi những thoáng thấy do nó cung cấp cho ta một hệ thống triết lý kỳ diệu và một loại khoa học nội giới dường như thực sự giải thích được cuộc đời một cách thuần lý và giải thích được nhiều hiện tượng lạ mà tôi đã quan sát thấy. Dĩ nhiên tôi nôn nóng muốn học rất nhiều điều hơn nữa về vấn đề này, nhưng tôi hoàn toàn bất ngờ với những đường lối của thế giới văn học, cho nên tôi tuyệt nhiên chẳng biết làm sao để bắt đầu thu thập thêm thông tin. Nhờ trải nghiệm sau này, giờ đây tôi có thể thấy rằng thật đơn giản khi viết một bức thư ngắn cho tác giả rồi gửi tới

nhà xuất bản để nhờ chuyên dùm, nhưng một giải pháp như thế về điều khó khăn này không xảy ra với tôi. Vào cuối quyển sách ông Sinnett có nhận xét rằng: Một số bạn đọc quan tâm nhưng không nhanh chóng nhận thức được mình có thể hành động thực tế ra sao, ắt có thể thắc mắc liệu mình có thể làm được gì để chứng tỏ lòng trân trọng đối với cơ hội này. Tôi xin trả lời dựa theo mô hình huấn lệnh nổi tiếng của ngài Robert Peel: “Hãy đăng ký, đăng ký, đăng ký, đăng ký!”. Hãy tiến bước đầu tiên hướng về việc đáp ứng với lời đề nghị xuất phát từ thế giới huyền bí - đăng ký, đăng ký, đăng ký; nói cách khác, hãy gia nhập Hội Thông Thiên Học - đây là hiệp hội duy nhất hiện nay được liên kết bởi bất kỳ mối liên kết duy nhất nào đã được công nhận với Hội đoàn Huynh Đệ Chơn sư ở Tây Tạng. Tôi rất nôn nóng muốn theo lời khuyên ấy, nhưng lại thấy tuyệt nhiên không dễ làm như vậy. Tác giả bảo rằng có một Hội ở Luân Đôn, nhưng không cung cấp địa chỉ và tôi hoài công tìm địa chỉ trong sách Địa chỉ Vàng của Bưu điện. Tôi dò hỏi nhiều người bạn nhưng ngẫu nhiên chẳng thấy ai có thể giúp tôi tìm kiếm được điều đó. Tuy nhiên sau đây, tôi ở Tô Cách Lan điều tra về bằng chứng của thuật thấu thị nơi vùng sơn cước và theo biểu kiến chỉ nhờ may mắn nhất (nhưng tôi nghi ngờ liệu có điều gì đã từng xảy ra do may mắn chẳng) tôi thấy trên bàn trong phòng đọc sách của một khách sạn có một bảng của tạp chí thần linh học nhỏ xíu hầu như chẳng lớn hơn một tờ bướm; tôi thiết tưởng nó tên là Các Tia Ánh Sáng hoặc một tên gì đó giống như vậy. Trong ấy có lời loan báo đề cập tới Tiến sĩ Anna Kingsford, Chi trưởng của Chi bộ Luân Đôn Hội Thông Thiên Học, cùng với việc xác định rằng bà là vợ của vị mục sư giám quản một vùng nào đó ở vùng phía Tây hay một thị trấn mà tôi thiết tưởng tên là Atcham. Tự nhiên là tôi chụp lấy manh mối đó và ngay tức khắc viết thư cho bà, gửi theo địa chỉ địa phận giám quản đó để hỏi thêm thông tin. Phải mất một thời gian trước khi tôi nhận được hồi âm bởi vì sau này tôi mới biết Tiến sĩ Kingsford đi vắng khỏi lục địa để nghỉ lễ; và ngay cả khi có thông tin hồi âm, thì đó tỏ ra chỉ là một bản thông tin in sẵn - tuy nhiên rất đẹp với nhiều hình vẽ. Nhưng nó cũng cung cấp được thông tin mà tôi muốn biết, đó là địa chỉ của Thư ký ở Luân Đôn, nó còn cho tôi biết thêm rằng để gia nhập Hội tôi phải được hai hội viên đề cử và bảo lãnh.

TÔI GIA NHẬP HỘI NHƯ THẾ NÀO

Thư ký là ông Kirby (không phải là ông Kirby nổi tiếng sau này liên quan tới công việc ở Ý, mà là đồng tác giả của quyển Côn trùng học của Kirby và Spence, một quyển sách mà tôi đã nghiên cứu thời còn thơ ấu). Tôi nhanh chóng viết thư cho ông, nêu rõ ràng tôi muốn gia nhập Hội, nhưng chẳng may không quen biết bất cứ hội viên có sẵn nào, vậy tôi phải làm sao bây giờ? Tôi lại phải chờ một thời gian dài mới có thư hồi âm, bởi vì ông cũng xuất ngoại (tôi thiết tưởng đi leo núi ở Thụy Sĩ) nhưng sau cùng, ông trả lời một cách nghiêm khắc rằng qui tắc không thể vi phạm và cũng không phải có ngoại lệ; nhưng sau khi nghĩ lại ông gợi ý rằng tôi có thể gọi điện thoại hoặc là cho ông A. P. Sinnett hay là ông G. B. Finch. Tôi chọn theo gợi ý này và viết một bức thư ngắn cho ông Sinnett, tuy nhiên hầu như cũng chẳng dám hi vọng rằng ông có thật sự là tác giả đã gây ấn tượng rất sâu sắc đối với tôi. Câu trả lời của ông ngay tức khắc xác định điều này rõ ràng, ông mời tôi đến Luân Đôn để gặp ông. Chỉ mới gần đây ông từ Ấn Độ trở về và lúc bấy giờ ông đang tạm trú ở nhà bà mẹ vợ là bà Edensor ở Royal Crescent, Notting Hill. Ông tiếp đãi tôi một cách tử tế và thân mật hết sức, và dĩ nhiên chúng tôi nói chuyện nhiều về sách ở của ông (bởi vì lúc bấy giờ tôi cũng đã tìm thấy quyển Phật giáo Bí truyền) và sự khai thị kỳ diệu chứa trong

đó. Tôi càng nghe nói về Thông Thiên Học thì tôi càng háo hức muốn học hết mọi điều có thể nói cho tôi biết được; nhưng khi tôi đề cập tới việc gia nhập Hội Thông Thiên Học, thì ông Sinnett trở nên rất nghiêm trang và phát biểu ý kiến rằng, coi vậy chứ khó, xét vì tôi là một giáo sĩ. Tôi lấy làm lạ tại sao Hội lại phân biệt đối xử các hội viên dựa theo lớp áo; và rốt cuộc tôi rụt rè đánh bạo nêu thắc mắc ấy. Ông Sinnett trả lời: “Được thôi, bạn thấy đấy, chúng tôi có thói quen bàn luận mọi đề tài và mọi tín ngưỡng ngay từ đầu không có tiên kiến nào hết; và tôi e rằng trong buổi họp của chúng tôi bạn rất có thể nghe thấy nhiều điều làm cho bạn bị kích động sâu sắc”. Nhiều năm trước tôi cũng đã từng tham dự một số bài thuyết trình của bà Besant ở Sân đường Khoa học tại Khu phố cổ đường City và tôi thiết tưởng rằng sau đó thì không một điều gì các hội viên Hội Thông Thiên Học nói mà lại có thể xúc phạm tôi rất nặng nề. Vì vậy tôi mỉm cười trấn an ông rằng tôi hi vọng mình không phải là cái loại giáo sĩ ấy, và tôi hoàn toàn sẵn sàng tham dự vào bất kỳ cuộc thảo luận nào có thể xuất hiện bất chấp đức tin của người bàn luận. Nghe như vậy ông Sinnett mới phần nào thư giãn và thậm chí bảo rằng nếu thật sự như vậy thì ông rất thích thú khi tiếp nhận một giáo sĩ; nhưng trước khi cuối cùng tiến một bước quyết định như thế ông phải tham khảo ý kiến của Hội đồng. Thế là chúng tôi phải bỏ lửng vấn đề ở đó và tôi phải quay về giáo xứ miền quê của tôi ở Hampshire cách đó 50 dặm.

ÔNG A. P. SINNETT

Tuy nhiên chỉ nội trong một tuần, tôi đã nhận được một bức thư của ông Sinnett bảo rằng đa số Hội đồng đã đồng ý nhận tôi vào Hội, và nếu tôi muốn chu toàn những hình thức cần thiết thì ông vui lòng đề nghị tôi nhận ông làm người giới thiệu và bảo lãnh, ông còn khuyên tôi thêm nữa hãy gọi điện thoại cho ông G. B. Finch, có lẽ ông sẽ bảo lãnh cho đơn gia nhập của tôi nếu tôi gây ấn tượng thuận lợi đối với ông. Ông Finch cũng tỏ ra tử tế như ông Sinnett, và chẳng bao lâu sau tôi được cho biết rằng cuối cùng tôi được nhận là hội viên của Hội Thông Thiên Học và nếu tôi có mặt ở nhà ông vào một buổi tối nào đó thì tôi có thể được khai tâm. Vào lúc đó ông Sinnett đã dọn nhà về nhà riêng của mình ở Vườn Ladbroke, và tôi đã đi đúng tới đó, chỉnh lại cái giờ đã qui định theo đúng mức. Tôi thấy rằng mình được khai tâm vào những bí nhiệm của Hội cùng với hai ứng viên khác là vợ chồng giáo sư Crookes. Ngay cả lúc bấy giờ tôi cũng lấy làm vinh hạnh khi được nhận vào Hội cùng với một khoa học gia lỗi lạc như thế, bởi vì mặc dù giáo sư Crookes chưa phải là Ngài William, thì tôi cũng biết tiếng ông là người khám phá ra thallium, phát minh ra phóng xạ kế và là cha đẻ của chất phóng xạ. Gia nhập Hội vào thời đó là một công trình khá dễ sợ. Chúng tôi thấy căn phòng khách rộng lớn ở nhà ông Sinnett đặc nghẹt người quá mức, quả thật đám đông người tràn ngập ra tới chỗ đậu xe và lấn lên một chút tới cầu thang. Tôi giả định có thể có tới chừng 200 người có mặt, bao gồm một số người có danh tiếng rất lẫy lừng như Giáo sư Myers, C. C. Massey, Stainton Moses và những người khác. Ba chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế trường kỷ giữa đám đông, còn ông Sinnett sau khi thuyết trình mục tiêu và công việc của Hội một cách thân mật đều truyền thụ đúng đắn cho chúng tôi một loạt những dấu hiệu và mật khẩu, nhờ đó chúng tôi có thể nhận ra các hội viên đồng tu của mình ở bất cứ nơi đâu trên thế giới. Từ đó trở đi những dấu hiệu và mật khẩu này đã không còn được sử dụng ở hầu hết mọi nước, mặc dù tôi nghĩ rằng bà Hội trưởng của chúng ta vẫn còn truyền thụ chúng cho bất kỳ ứng viên nào mà bà tiếp nhận ở Ấn Độ. Sau buổi đó thì tôi rất ít vắng mặt ở những buổi họp của Chi bộ, hầu như tuần nào cũng lên Luân Đôn. Quả thật ông

Sinnett hiểu khách đến nổi mời tôi thường trực tối ăn tối và nghỉ qua đêm ở nhà ông vào những dịp đó, vì tôi sống cách xa Luân Đôn tới 50 dặm. Vào những buổi ăn tối và những phiên họp diễn ra sau đó, tôi gặp gỡ nhiều người nổi tiếng, nghe thấy nhiều cuộc đàm thoại thú vị và mang nhiều thông tin hữu ích nhất. Phải nhớ rằng vào lúc đó thì toàn thể giáo huấn đều mới tinh đối với chúng tôi, có nhiều vấn đề mà thông tin của chúng tôi rất bất toàn, vì vậy có nhiều chỗ rộng rãi để thảo luận. Các dãy hành tinh, các cõi khác nhau trong thiên nhiên và tình trạng tâm thức trên mỗi cõi đó, tất cả những chuyện này đến với chúng tôi là một sự khai thị mới mẻ và chúng tôi rất khó khăn khi làm hài hòa những phát biểu rải rác có trong những câu trả lời mà nhiều câu hỏi đã được ông Sinnett tiếp nhận. Lúc bảy giờ vàng mặt trời là bà Hội trưởng hiện nay chưa lộ dạng trên đường chân trời của Thông Thiên Học, cho nên chúng tôi chẳng có ai gỡ rối những nút thắt loằng ngoằng hay khiến cho những phát biểu xét theo biểu kiến là mâu thuẫn trở nên hài hòa. Tôi còn nhớ mình đã tạo ra một sự giựt gân nho nhỏ trong buổi ăn tối khi loan báo rằng tôi thấy dường như lộ trình hiển nhiên mà mỗi người trong chúng ta nên đặt ra trước mắt mình là dứt khoát có ý định trở thành đệ tử của một trong các đại Chơn sư. Xét về biểu kiến thì lời gợi ý ấy gây ra cú sốc khá mạnh đối với những người có mặt, cho nên người ta lặng thinh tiếp thu nó; và chỉ sau khi có sự tạm ngưng khá lâu thì ông Sinnett mới nhận xét rằng, ông giả định rằng người Âu Tây khó lòng có hi vọng về bất cứ điều gì thuộc loại đó ở tình trạng kiến thức hiện nay của chúng ta - điều này cũng đúng thôi, nhưng tôi thiết tưởng chúng ta ít nhất cũng có thể dứt khoát quay mặt về hướng đó. Những buổi họp ở Chi bộ Luân Đôn vào thời đó, hầu như là nguồn thông tin duy nhất của chúng tôi về Thông Thiên Học. Tôi nghĩ rằng chúng tôi là một nhóm học viên hăm hở ngoại lệ, nhưng thật ra không thật sự có rất nhiều điều để cho chúng tôi nghiên cứu. Ngoài hai quyển sách của ông Sinnett, chúng tôi có tác phẩm đồ sộ của bà Blavatsky là bộ Vén Màn Bí Mật Nữ thần Isis, cùng với một quyển sách rất hay của Tiên sĩ Anna Kingsford tên là Con đường Hoàn hảo tức Tìm thấy Chúa Kitô. Quyển sách vừa nêu có nhiều thông tin nhưng nó được trình bày theo một quan điểm khác hẳn quan điểm trong sách của ông Sinnett, và đối với hầu hết chúng tôi thì khó theo đuổi hơn nhiều. Bộ Vén Màn Bí Mật Nữ thần Isis là một mớ hồ lớn những vấn đề thú vị nhất, nhưng chúng tôi thấy rất khó để suy diễn từ đó bất cứ điều gì có thể được gọi là một hệ thống mạch lạc và xác định. Nhưng chúng tôi phấn đấu đến mức tối đa và một ít lâu sau chúng tôi rất phấn khởi khi nghe tin rằng Chơn sư Kuthumi rất hài lòng với sự tinh tấn của chúng tôi, cho nên sẽ biệt phái từ Ấn Độ một trong những đệ tử của Ngài để giúp chúng tôi làm việc.

ÔNG M. M. CHATTERJI

Đệ tử này là ông Mohini Mohun Chatterji, một luật sư còn trẻ ở Calcutta, ông tới Luân Đôn cùng với Đại tá Olcott vào đầu năm 1884. Tôi phải nói rằng ông tỏ ra rất hữu ích đối với chúng tôi và chính từ những bài thuyết trình của ông mà lần đầu tiên chúng tôi có được một ý niệm rõ ràng về Con đường Điem đạo và những yêu cầu của nó. Một phát biểu về những vấn đề này qua lời của ông xuất hiện trong phần đầu tiên của tác phẩm nổi tiếng Văn kiện của Chi bộ Luân Đôn. Tôi còn nhớ rõ cái dịp ông lần đầu tiên xuất hiện ở một trong những buổi tiếp tân chiều tối của ông Sinnett. Đại tá Olcott và Mohini đứng trên tấm thảm trước lò sưởi ngay đối diện với vĩ lò, còn vào khoảng chừng 200 người được tiếp đón và giới thiệu với họ từng người một. Trong số khách mời có ông Oscar Wilde nổi tiếng, ông luôn luôn gây ấn tượng là muốn mình phải đặc sắc (nếu không phải là dị hợm) cả về phong

cách lần y phục. Vào dịp đó, tôi còn nhớ ông mặc áo nhung đen, quần ống túm lên tới tận đầu gối và đi vớ trắng. Ông tiến tới chỗ Mohini khi được giới thiệu, bèn lịch sự cúi đầu và khi cáo từ nói bằng một giọng thì thào như đóng tuồng trên sân khấu cố ý cho người khác nghe, nhất là với bà Sinnett: “Tôi chưa bao giờ vỡ lẽ ra trước đó, rằng thật là làm lỗi xiết bao khi chúng ta sinh ra là người da trắng”. Mohini vốn là người dòng dõi Bà La Môn hoàn toàn không quen với phong tục Âu Tây và tôi tin rằng ông tỏ ra rất khó chịu khi để cho cái đám đông lũ Tây dương uống rượu bắt tay mình. Ông trông có vẻ rất ốm yếu nhưng chịu đựng nó một cách rất cao cả, và dĩ nhiên không ai trong chúng tôi có được ý niệm nào đó xem vấn đề này là thế nào. Ông kiên nhẫn trả lời rất nhiều điều đối với ông dường như là những thắc mắc rất ngu xuẩn và vô minh không thể tin được. Rồi rút lui với dáng vẻ bay bổng như vị anh hùng vào buổi chiều tối, hầu hết các bà mệnh phụ già đều nhìn ông với vẻ kính sợ.

ÔNG EGLINTON

Trong quá trình điều tra về thần linh học, tôi đã được tiếp xúc với hầu hết những đồng tử lỗi lạc nhất thời đó và (như tôi có nói trước) đã chứng kiến mọi hiện tượng lạ thông thường mà người ta có thể đọc thấy trong sách vở viết về đề tài này. Một đồng tử mà tôi giao tiếp nhiều nhất là ông Eglinton, và mặc dù tôi có nghe nhiều chuyện kể chống lại ông nhưng tôi phải chứng nhận rằng trong mọi cuộc giao tiếp của chính ông với tôi, tôi thấy ông là người thẳng thắn nhất, biết điều và lịch sự. Ông có nhiều cái gọi là vong linh kiểm soát - một vong linh là cô gái da đỏ tự xưng là Daisy, nói liếng thoảng vào đủ mọi dịp dù thích hợp hay không. Một vong linh khác là một người Ả Rập cao lớn, tên là Abdullah, cao hơn 6 bộ Anh nhiều, y chẳng nói chẳng rằng mà chỉ tạo ra những hiện tượng lạ đáng chú ý và thường phô diễn thành tích chứng tỏ mình rất mạnh. Tôi đã chứng kiến y cùng một lúc nhắc bổng hai người nặng, mỗi người trên mỗi bàn tay. Vong linh kiểm soát thứ ba thường xuất hiện là Ernest, y tương đối hiếm khi hiện hình nhưng thường nói bằng một giọng trực tiếp và viết một thủ bút đặc trưng là có giáo dục. Một ngày kia trong khi đàm đạo với y, tôi nghe nói một điều gì đó đề cập tới các Chơn sư Minh Triết, Ernest nói về các Ngài với sự kính cẩn sâu sắc nhất và bảo rằng y có nhiều dịp được đặc quyền nhìn thấy các Ngài. Tôi ngay tức khắc hỏi xem liệu y có sẵn lòng đảm nhiệm việc chuyên bất kỳ thông điệp hoặc bức thư nào cho các Ngài hay chẳng, và y bảo rằng y sẵn lòng làm như thế và sẽ chuyển thư khi có cơ hội, nhưng y không thể nói chính xác khi nào mới có cơ hội. Ở đây tôi có thể nói đến việc liên quan tới vấn đề đó, là sau này tôi có ví dụ nổi bật về tính không đáng tin cậy của mọi sự giao tiếp như thế. Một thời gian dài sau đây có một nhà thần linh học viết thư cho Tạp chí Ánh sáng giải thích rằng, không thể có những người như các Chơn sư, bởi vì Ernest dứt khoát bảo rằng không có Chơn sư. Tôi viết thư cũng cho tờ báo ấy bảo rằng cũng chính cái thẩm quyền vô giá này đã cho tôi biết rằng có các Chơn sư và Ernest đã phản ánh tư tưởng của người thắc mắc vì những thực thể như vậy thường làm như thế. Trở lại với câu chuyện của mình, tôi ngay tức khắc tạm thời chấp nhận đề xuất của Ernest. Tôi bảo rằng tôi sẽ viết một bức thư cho một trong các Chơn sư rồi giao nó cho y, nếu người bạn và người thầy của tôi là ông Sinnett tán thành. Khi nghe nói tới danh xưng này thì các “vong linh” hết sức bối rối. Daisy đặc biệt rất giận dữ và tuyên bố rằng cô chẳng dính dáng gì tới ông Sinnett trong bất kỳ tình huống nào; cô hết sức công phẫn bảo rằng: “Tại sao ư, bởi vì ông gọi chúng tôi là âm ma!” Song le tôi nhã nhặn bám lấy lập trường của mình cho rằng mọi

điều mà tôi biết về Thông Thiên Học đều đến với tôi thông qua ông Sinnett và vì thế cho nên tôi thấy mình không có lý do chính đáng khi đi lòn sau lưng ông bằng bất cứ cách nào hoặc ra sức tìm một phương tiện giao tiếp nào khác mà trước hết không tham khảo ý kiến của ông. Cuối cùng mặc dù hết sức miễn cưỡng các vong linh cũng đồng ý với chuyện này và buổi lên đồng chẳng bao lâu sau đó kết thúc. Khi ông Eglinton ra khỏi cơn xuất thần thì tôi hỏi ông làm sao tôi có thể gửi một bức thư cho Ernest được, và ông nói ngay tức khắc rằng nếu tôi giao cho ông bức thư thì ông sẽ bỏ nó vào trong một cái hộp nào đó, treo lưng lẳng dựa vào bức vách mà Ernest sẽ lấy thư ra khỏi hộp khi nào y muốn. Thế rồi tôi điện thoại cho ông Sinnett hỏi ý kiến ông về mọi điều này. Ông ngay tức khắc háo hức quan tâm tới nó và khuyên tôi hãy nhanh chóng chấp nhận lời đề xuất để xem chuyện gì sẽ xảy ra.

MỘT BỨC THƯ GỬI CHON SƯ

Vì thế cho nên tôi về nhà và viết ba bức thư. Bức thứ nhất gửi Chon sư K. H. hết sức kính cẩn cho Ngài biết rằng kể từ khi lần đầu tiên nghe nói tới Thông Thiên Học, thì tôi chỉ có một ước muốn duy nhất là xin làm đệ tử của Ngài. Tôi cho Ngài biết hoàn cảnh của tôi vào lúc ấy và thắc mắc xem liệu thời gian cần thiết bảy năm dự bị mà tôi có nghe nói phải diễn ra ở Ấn Độ hay chẳng. Tôi bỏ bức thư này vào một phong bì nhỏ và dùng dấu niêm phong riêng của mình để niêm phong kỹ nó lại. Thế rồi tôi lại đút nó vào trong những bức thư gửi Ernest, trong bức thư này tôi nhắc y nhớ lại lời hứa của mình và yêu cầu y chuyển giao bức thư này dùm tôi, rồi chuyển lại thư hồi âm nếu có. Bức thư thứ nhì tôi cũng niêm phong giống như bức thư đầu tiên và đến lượt tôi bỏ tất cả vào trong một bức thư ngắn gửi Eglinton, yêu cầu ông ta bỏ nó vào cái hộp của mình rồi cho tôi biết liệu có bất cứ sự chú ý nào liên quan tới nó hay chẳng. Qua đường bưu điện, tôi nhận được một bức thư ngắn hồi âm của ông Eglinton bảo rằng ông đã bỏ bức thư ngắn gửi Ernest vào trong cái hộp của mình và nó đã biến mất rồi, hơn nữa nếu có thư hồi âm nào đến thì ông sẽ ngay tức khắc chuyển cho tôi. Vài ngày sau, tôi nhận được một bức thư chuyển bằng tay do một người tôi không quen biết, và khi nhận thư mở nó ra thì tôi phát hiện được, xét theo biểu kiến, thư riêng của tôi gửi cho Ernest chưa được mở ra, danh xưng “Ernest” trên phong bì bị gạt đi và tên của chính tôi được viết bên dưới đó bằng bút chì. Bạn tôi và tôi ngay tức khắc khảo sát dấu niêm phong bằng kính hiển vi và không thể dò ra được bất cứ chỉ dẫn nào cho thấy có ai đó đã can thiệp vào bức thư, và cả hai chúng tôi đồng ý rằng bức thư hoàn toàn không thể được mở ra; thế nhưng khi cắt phong bì mở nó ra thì tôi phát hiện được rằng bức thư tôi gửi Chon sư đã biến mất. Mọi thứ tôi tìm thấy bên trong là bức thư riêng của tôi gửi Ernest cùng với một vài lời lẽ bằng thủ bút nổi tiếng của Ernest viết trên trang bỏ trắng với nội dung rằng bức thư của tôi đã được chuyển giao tới tận Chon sư Vĩ đại, và nếu trong tương lai người ta nghĩ rằng tôi xứng đáng nhận được hồi âm thì Ernest sẽ vui lòng chuyển lại cho tôi. Tôi đợi trong vài tháng, nhưng chẳng có thư hồi âm và bất cứ khi nào tôi đến dự buổi lên đồng của Eglinton mà ngẫu nhiên gặp Ernest thì tôi luôn luôn hỏi y xem liệu đến bao giờ tôi mới trông mong có được hồi âm. Y luôn luôn bảo rằng đã chuyển giao thư tôi rồi, nhưng chẳng nói gì tới thư hồi âm và thế nên y chẳng thể làm được gì hơn nữa. Sáu tháng sau tôi có nhận được một hồi âm, nhưng không phải thông qua Ernest và trong bức thư hồi âm Chon sư bảo rằng mặc dù Ngài không nhận được thư của tôi (Ngài cũng nhận xét rằng, xét vì bản thân của người giao thư thì rất có thể là Ngài không nhận được), nhưng Ngài vẫn biết điều tôi đã viết trong đó và bây giờ Ngài tiến hành trả lời. Chẳng bao lâu nữa, tôi mới cần

phải giải thích Ngài hồi âm ra sao và do đó tôi phải tiến những bước như thế nào; nhưng trước khi tôi có thể giải thích vấn đề này thì tôi phải quay sang việc miêu tả một số diễn tiến khác đã xảy ra trong thời gian ấy khi tôi đang chờ đợi hi vọng nhận được hồi âm.

CHƯƠNG III

CÔNG VIỆC THỰC TIỄN

Tự nhiên là ngay khi tôi có được những nguyên lý chủ yếu của Thông Thiên Học theo như chúng tôi biết lúc bấy giờ vốn đã xác lập trong tâm trí tôi, thì tôi dứt khoát đặt ra mục tiêu trước mắt mình là cho dù tương lai có kéo dài đi xa đến đâu chẳng nữa thì tôi vẫn phải tiến tới gần Dưới Chơn Đức Thầy. Tôi đâm ra háo hức muốn biết liệu tôi có thể làm một điều gì đó để giúp vào công việc thực tiễn của Hội hay chẳng. Tôi trình bày thắc mắc này với ông Sinnett và để trả lời thì ông mở một cái ngăn kéo lớn ra chứa chật ních những bức thư, rồi bảo rằng: “Những bức thư này đều thắc mắc về Thông Thiên Học, hằng ngày chúng cứ tuôn đổ tới tôi từ khắp nơi trên thế giới; tôi vật lộn với chúng một cách yếu ớt và mỗi ngày chỉ trả lời được vài thư, nhưng tôi hoàn toàn không thể đối phó được với dòng thác thư này. Tôi đã bị trễ hẹn trả lời tới mức này rồi và hiển nhiên là tôi chẳng bao giờ khắc phục được cái đồng thư tích lũy ấy, vì cứ mỗi ngày trôi qua là chồng thư bị trễ hẹn trả lời lại càng ngày càng tăng lên. Nếu bạn sẵn lòng đảm nhiệm cái việc sắp xếp nho nhỏ này lại, rồi trả lời thư bằng hết sức mình thì bạn quả thật đang phục vụ một cách quan trọng cho một số lớn người”. Dĩ nhiên tôi phản đối điều đó do hầu như tôi chưa biết đủ để đảm đương cái chức vụ xiển dương giáo lý, nhưng ông Sinnett trả lời rằng: “Bạn đã đọc hết sách vở rồi, bạn đã tham dự hầu hết những phiên họp; tôi chắc chắn rằng bạn biết về giáo huấn chẳng kém gì chính tôi, vả lại đây là trường hợp được ăn cả ngã về không. Do còn phải làm nhiều công việc khác nữa, cho nên tôi chẳng bao giờ xử trí được đồng thư này; trong khi đó ở cái nơi ẩn dật trong giáo xứ miền quê của bạn, bạn có thể xoay sở để ít ra cũng xử trí được một số thư, và nói cho cùng thì chúng ta có thể luôn luôn tham khảo ý kiến nhau về bất kỳ vấn đề gai góc nào xuất hiện.” Ông đã nói đúng ở chỗ tôi đã dùng hết sức bình sinh để làm quen với cái giáo huấn kỳ diệu này. Tôi đã đọc hết cả hai quyển sách của ông, không phải một lần mà nhiều lần; tôi thiết tưởng mỗi lần đọc tôi lại càng trân trọng giá trị của chúng hơn và lĩnh hội được minh bạch hơn những ý tưởng truyền bá trong đó. Thế là tôi nhét những bức thư này (có 437 bức thư) vào đây một cái vali rồi đem chúng về Hampshire. Tôi tiến hành công việc một cách hăm hở - tôi còn nhớ mỗi đêm mình được phép ngủ có bốn tiếng đồng hồ - và rốt cuộc tôi đã thật sự đọc hết chúng rồi trả lời. Đây là một nhiệm vụ rất nặng nề, bởi vì thời đó không có máy đánh chữ, cho nên mỗi chữ trong hàng ngàn bức thư trả lời phải được cặm cuội viết bằng tay. Một số thắc mắc dễ trả lời, còn một số khó trả lời; trong nhiều trường hợp cần phải giải thích dài dòng bởi vì người thắc mắc có vẻ lĩnh hội giáo huấn theo một cách hoàn toàn sai lạc; nhưng tôi thiết tưởng tôi đã làm hết sức mình. Cố nhiên tôi lại nhận được cả đồng thư trả lời khiến cho cái đồng thư trong ngăn kéo đã chiếm hết thời giờ của tôi trong nhiều tháng. Tôi có thể bảo rằng một số lớn những tân hội viên đều là do kết quả của việc thư từ qua lại này và tôi cũng thêm vào phần lớn danh sách bạn bè của tôi cũng như chính kho dự trữ của riêng tôi về kiến thức Thông Thiên Học được phong phú lên, bởi vì không có cách nào học một chủ đề rót ráo hơn là việc cố gắng dạy chủ đề này cho người khác.

TIẾN SĨ KINGSFORD

Tôi xin chuyển từ những chuyện tương đối lặt vặt này sang một diễn tiến có tầm quan trọng thật sự, tức là lần đầu tiên tôi gặp bà Blavatsky. Nhưng ngay cả trước khi tôi có thể mô tả việc đó thì tôi phải nói vài lời giải thích sơ bộ. Mặc dù Tiến sĩ Kingsford là Chi trưởng Chi bộ Luân Đôn, bà tuyệt nhiên không hoàn toàn đồng ý với sự giáo huấn mà các hội viên đang nghiên cứu. Thông tin của ông Sinnett đến với ông từ các Đạo sư Phương Đông dưới dạng Á Đông, và để trả lời cho một loạt ít nhiều những câu hỏi ngẫu nhiên mà ông đã nêu ra; trong khi đó điều mà Tiến sĩ Kingsford giảng dạy thì bà biết từ sự hồi tưởng của chính mình về điều bà đã học được trong kiếp trước. Sự tương đồng về những điều cốt tủy thật đáng chú ý, nhưng hình thức về giáo huấn lại khác hẳn và mỗi hình thức lại có một tập hợp thuật ngữ riêng của nó tuyệt nhiên không luôn luôn thay thế lẫn cho nhau được. Thông thường thì trong những buổi họp của chúng tôi, ông Sinnett thuyết trình hoặc phát biểu, nhưng trước khi chúng tôi được phép thảo luận hoặc thắc mắc muốn có thêm thông tin nữa về những vấn đề nghi vấn thì Tiến sĩ Kingsford luôn luôn khẳng khái phát biểu lại toàn bộ vấn đề bằng những thuật ngữ của mình và theo quan điểm của mình. Đối với hầu hết chúng tôi thì phát biểu theo Á Đông dễ hiểu hơn nhiều so với phát biểu theo Hermes; và đối với những đầu óc đang háo hức của chúng tôi thì cái chuyện rắc rối không cần thiết này có vẻ không tha thứ được, vì vậy những biện luận dài dòng của Tiến sĩ Kingsford được tiếp thu với sự sốt ruột nào đấy. Không bằng lòng với việc phát biểu theo kiểu của riêng mình, thỉnh thoảng bà còn tiến gần một cách nguy hiểm tới việc đả kích cách trình bày của ông Sinnett và thậm chí các Chơn sư là nguồn xuất phát ra cách đó. Ta dễ dàng hiểu được điều này có khuynh hướng khơi dậy sự công phẫn đáng kể trong tâm trí của hội viên. Có một dịp Chi bộ thông qua một nghị quyết lấy làm tiếc về cái thái độ được chọn dùng trong một tài liệu mà bà đã viết ra; toàn bộ vụ việc này tạo ra một xúc cảm không đáng mong muốn nhất và gây căng thẳng. Thậm chí chúng tôi đi xa đến mức cho xuất bản một tập sách trong đó phát biểu những trường hợp đối nghịch nhau và thậm chí Swami T. Subba Rao ở xa mãi tận bên Ấn Độ cũng tham gia vào việc tranh luận này. Tình hình ấy vẫn rành rành ra đó khi Đại tá Olcott và ông Mohini Mohun Chatterji từ Ấn Độ đến Luân Đôn và Chi bộ hầu như đã chia ra thành hai phe rất không đều, bởi vì những người duy nhất ủng hộ Tiến sĩ Kingsford chỉ có chú của bà là ông Maitland và một số người bạn riêng mà bà mang theo khi bà tham gia Chi bộ. Nếu chính bà Blavatsky mà bà ở đây với chúng tôi, thì có lẽ bà đã dàn xếp được cái cuộc tranh cãi bất tận này rồi; mặc dù bà đã rời Ấn Độ cùng với Đại tá Olcott, nhưng khi đến Paris bà lại bị đau nặng và thậm chí người ta giả định rằng tính mạng bà đang lâm nguy ghê gớm. Chẳng bao lâu sau chúng tôi đã đến lúc kết thúc năm tài chính và xuất hiện vấn đề bầu cử Chi trưởng cho 12 tháng kế tiếp. Tôi thiết tưởng hầu như người ta đồng lòng muốn Chi bộ này phải được bổ nhiệm người lãnh đạo thực sự nên là chính ông Sinnett; nhưng ông không sẵn lòng chấp nhận địa vị ấy, bởi vì trong một tập sách ông đã công khai phát biểu khá mạnh mẽ chống lại Tiến sĩ Kingsford và ông chẳng muốn đưa cái mối hiềm khích hầu như cá nhân này vào trong chính sách của Chi bộ. Khi đến đêm bầu cử thì ông Maitland đề nghị tái bổ nhiệm Tiến sĩ Kingsford, nhưng chỉ thấy có một hai hội viên ủng hộ điều này khiến cho Tiến sĩ Kingsford tỏ ra khó chịu mất tư cách. Thế rồi ông Sinnett đứng lên đề cử ông G. B. Finch, một luật sư biện hộ ở Nhà trọ Lincoln, thời đó là luật sư thầy cãi chính ở Cambridge. Vốn là một người có năng lực và tử tế, ông rất được lòng hội viên và quả thật là buổi họp ấy được tổ chức trong căn phòng dài thuộc dãy phòng ở nhà trọ Lincoln của ông.

Ngay tức khắc ông được đa số áp đảo bầu cho, thế rồi chúng tôi bổ nhiệm ông Sinnett làm thư ký và tiến hành công việc buổi chiều. Tuy nhiên Tiến sĩ Kingsford hiển nhiên là rất bất bình với kết quả của việc bầu cử, cho nên bà liên tục ngắt lời càng ngày càng hung hăng hơn bao giờ hết. Ông Hội trưởng Sáng lập viên bản thân ngồi trên ghế Chủ tọa, nhưng có vẻ hoàn toàn chẳng biết làm sao để xử trí mệnh phụ này; thế là phiên họp cứ kéo dài lê thê một cách tẻ nhạt và vô ích. Như tôi có nói căn phòng dài và cánh cửa ra vào ở một bên nhưng ở phía gần đầu nút xa so với diễn đàn. Căn phòng chật đầy những băng ghế dài được thuê mượn tạm bợ để phục vụ cho buổi họp. Thế mà ngẫu nhiên là bạn tôi, ông Varley cùng với tôi lại đi trễ vài phút nên vào phòng ngay sau khi phiên họp đã bắt đầu. Vậy là chúng tôi chuồn vào một băng ghế dài còn trống ngay phía đối diện cửa ra vào và gần kề ngay sát chúng tôi chỉ có hai ba hội viên, mặc dù ở đâu nút phía trên của căn phòng ken đặc người. Đại tá Olcott và Mohini làm hết sức mình để rút ra được một điều gì đó có ý nghĩa và có ích từ một cuộc tranh luận gây rất nhiều mệt mỏi và chẳng có ích lợi gì hết. Tôi giả định rằng ở đầu bên kia của căn phòng chúng tôi cũng chẳng chú ý gì cho lắm tới phiên họp. Thành linh cửa ra vào phía đối diện chúng tôi mở toang ra và một bà đầy đà mặc y phục màu đen nhanh chóng bước vào ngồi xuống đầu bên kia ghế dài của chúng tôi.

TÔI GẶP VỊ SÁNG LẬP RA HỘI CHÚNG TA

Bà ngồi lắng nghe cuộc cãi cọ trên diễn đàn trong vài phút, thế rồi bắt đầu rõ rệt tỏ vẻ là sốt ruột. Bởi vì dường như trước mắt chẳng có chuyện cải thiện nào, cho nên bà bèn nhảy bật ra khỏi ghế ngồi, hét lên bằng một giọng như người chỉ huy quân đội gọi một tiếng thôi “Mohini!”, thế rồi bà bước thẳng ra khỏi cửa ra vào đi qua hành lang. Mohini vốn uy nghiêm và đầy tư cách co giò chạy hết tốc lực xuống dọc căn phòng, rồi ngay khi tới chỗ hành lang bèn không kiềm chế được phủ phục dưới thềm ở ngay chân của mệnh phụ mặc y phục đen. Nhiều người đứng dậy nháo nhác chẳng biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng một lúc sau thì chính ông Sinnett cũng chạy xuống cửa ra vào, bước ra trao đổi một vài lời, thế rồi lại bước vào phòng. Ông đứng ngay đầu bên kia ghế dài chúng tôi và nói bằng một giọng rõ ràng những lời lẽ định mệnh: “Tôi xin giới thiệu với toàn thể Chi bộ Luân Đôn - đây là bà Blavatsky”. Phong cảnh thật là khôn tả, các hội viên bưng bưng vui vẻ, thế nhưng đồng thời cũng nề sợ; bu quanh bà Sáng lập viên vĩ đại của chúng ta; một vài người hôn tay bà, nhiều người quì gối trước mặt bà, có hai ba người khóc sụt sùi như bị cơn cuồng thần kinh. Tuy nhiên chỉ sau vài phút, bà đã sốt ruột cáo biệt họ để rồi được Đại tá Olcott dẫn lên diễn đàn. Sau khi trả lời vài thắc mắc, bà đòi hỏi ông Olcott hãy giải thích cho bà về tính cách không thỏa đáng của phiên họp mà bà đã chiếu cố đến một cách bất ngờ như vậy. Đại tá Olcott và ông Sinnett ra sức giải thích, nhưng bà ra lệnh ngắn gọn cho họ kết thúc phiên họp, rồi triệu tập các chức sắc đến hội kiến bà ngay tức khắc. Các hội viên ra về trong tình trạng kích thích như điên dại, còn các chức sắc chờ đợi bà ở một trong những phòng khách kế cận. Thế mà vì tôi được mời ngủ lại đêm ở nhà ông Sinnett và mặc dù là một hội viên mới chưa quan trọng, tôi vẫn phải ở lại cùng với những người quan trọng hơn, vậy là ngẫu nhiên tôi được chứng kiến phong cách rất đáng chú ý tiếp sau. Bà Blavatsky yêu cầu có tường trình đầy đủ về tình trạng của Chi bộ, về những sự khác nhau giữa ông Sinnett và Tiến sĩ Kingsford. Sau khi đã tiếp thu được vấn đề và tiến hành đánh giá cả hai người này y như thể đó là một cặp học trò hư đốn, rồi cuối cùng thực sự yêu cầu cả hai phải bắt tay nhau trước mặt chúng tôi như thể đó là dấu hiệu những sự khác nhau của họ đã được giải quyết

trong tình thân hữu; song le bà ra lệnh là Tiến sĩ Kingsford nên tạo ra một Chi bộ của riêng mình, trong đó giáo lý có thể được bàn luận độc quyền theo quan điểm của riêng bà. Lệnh này được thi hành trong vòng vài ngày, và Chi bộ mới mang tên Chi bộ Hermes. Theo như tôi còn nhớ thì tôi thiết tưởng nó chưa bao giờ có nhiều hơn một số rất nhỏ hội viên, và tôi tưởng tượng rằng chẳng bao lâu nữa nó sẽ bốc hơi biến mất luôn. Bà Blavatsky và Đại tá Olcott đều đi kèm với nhóm chúng tôi về nhà ông Sinnett, rồi ở lại cho tới khuya, bà Blavatsky mạnh mẽ lên án sự không hữu hiệu của các quan chức không điều hành được phiên họp tốt hơn. Cố nhiên tôi được giới thiệu với bà và ông Sinnett nhân cơ hội đó kể cho bà nghe bức thư của tôi gửi Tạp chí thần linh học là Tạp chí Ánh sáng nói về đề tài vong linh Ernest phủ nhận các Chơn sư. Khi bà nghe cái chuyện lật vật ấy thì bà nhìn tôi với vẻ rất dò xét rồi nhận xét rằng: “Tôi không nghĩ gì nhiều tới giới tu sĩ, nhưng tôi thấy hầu hết họ đều đạo đức giả, ngu tín và ngu đần, nhưng đây là một hành động dũng cảm và tôi cảm ơn bạn về điều đó. Bạn đã khởi đầu rất tốt, có lẽ bạn còn làm được một điều gì đó”. Các bạn có thể chắc chắn rằng sau buổi ấy, tôi không bỏ lỡ một cơ hội nào để tham dự bất kỳ phiên họp nào mà bà có mặt, mặc dù tôi quá rụt rè để dẫn tới và nêu thắc mắc, song le tôi vẫn háo hức lắng nghe mọi lời lẽ thốt ra từ miệng bà và tôi thiết tưởng rằng bằng cách ấy tôi đã học được rất nhiều điều. Ước gì tôi có thể truyền đạt cho các bạn đọc quan niệm thỏa đáng nào đó xem bà là gì đối với tôi và đối với tất cả chúng ta vốn có được đặc ân là tiếp xúc mật thiết với bà - ân tượng quả thật là ghê gớm mà bà đã tác động lên chúng ta, khơi dậy lòng thương yêu sâu sắc và sự phấn khởi nhiệt thành của chúng ta. Chỉ một vài người có biết bà bằng xương bằng thịt giờ đây còn sống, và tôi thiết tưởng chúng ta có bốn phận và đặc quyền ngay tức khắc cố gắng trao truyền cho các huynh đệ non trẻ hơn ít ra là một vài ý tưởng để cho họ có thể kiến tạo xung quanh đó hình ảnh trong tâm trí của mình về bà Sáng lập viên vĩ đại, bởi vì nghiệp quả của họ không cho phép họ thấy bà bằng xương bằng thịt.

CHƯƠNG IV

BÀ BLAVATSKY

Tôi xin nhất thời quan sát bà như một kẻ bàng quan nếu có thể được. Nói thành thực ra thì tôi chẳng nghĩ mình có thể làm được như vậy, vì tôi yêu thương bà một cách sâu sắc nhất và kính trọng bà hơn bất cứ ai khác ngoài các Chơn sư vĩ đại của bà và của tôi. Như vậy có lẽ tôi không thể quan sát bà một cách vô tư từ bên ngoài, nhưng ít ra tôi cũng cố gắng làm như thế. Tôi đã thấy có nhiều người lạ xấp vô bà, tôi sẽ cố gắng nói cho các bạn biết tôi đã nhìn thấy điều gì được phản ánh trên khuôn mặt và trong tâm trí họ. Điều đầu tiên gây ấn tượng cho tất cả những người này cũng như luôn luôn gây ấn tượng cho tôi, đó là quyền năng ghê gớm mà bà tỏa ra. Cái lúc người ta đến thấy mặt bà Blavatsky thì người ta cảm nhận được rằng đây là một người nào đó mà người ta trông cậy được, một người nào đó có thể làm việc được, đặc biệt là một trong những vĩ nhân trên thế giới, và tôi thiết tưởng rằng không ai trong chúng tôi lại không cảm nhận như vậy. Chắc chắn có nhiều người không đồng ý với nhiều điều mà bà nói; có những người khác trong chúng tôi lại nhiệt thành đi theo bà. Bà là người có cá tính mạnh mẽ đến nỗi tôi chưa bao giờ thấy ai trong số hàng ngàn người đã gặp thấy bà mà lại thờ ơ với bà. Một số người ghét cay ghét đắng bà, nhưng nhiều người hơn nữa chịu ấn tượng sâu sắc của bà. Nhiều người hầu như nể sợ bà, nhưng những người biết bà nhiều nhất lại yêu thương bà với một xúc động không bao giờ phai nhạt và

còn yêu thương bà mãi mãi. Mới gần đây tôi có thấy một số người biết rõ bà H. P. BLAVATSKY và dường như nơi mỗi người ấy ký ức về bà vẫn còn tươi thắm như ký ức trong tâm hồn chính tôi, và chúng tôi chưa bao giờ ngừng yêu thương bà. Cái ấn tượng mà bà tạo ra thật là khôn tả. Tôi có thể hiểu rõ là một số người sợ bà, bà nhìn người suốt qua người ta, hiển nhiên là bà thấy rõ mọi điều có nơi người ta - và có lẽ những người không thích như vậy. Tôi đã từng nghe bà thỉnh thoảng lại tiết lộ các điều gây lúng túng về những người mà bà tiếp chuyện. Tôi có bảo rằng cái cảm thức quyền lực áp đảo là điều đầu tiên mà người ta cảm nhận được; thế rồi thật khó nói kế tiếp là cái gì nhưng có một cảm thức về lòng dũng cảm không nao núng khi bà đã nói huých toẹt ra một cách mới mẻ thẳng thắn - người ta không thể nói như vậy là lỗ mãng, nhưng bà nói ra đúng cái điều mà bà nghĩ và đúng cái điều mà bà cảm nhận; lại nữa có những người không thích như vậy, họ thấy mình khá bị sốc khi phải đụng đầu vào sự thật trần trụi, nhưng đó chính là điều mà bà tặng cho họ. Ấn tượng đầu tiên là sức mạnh cuộn cuộn chảy ra và có lẽ là lòng dũng cảm, việc nói bộc trực, sự thẳng thắn là ấn tượng thứ nhì. Tôi giả định rằng hầu hết chúng ta đã nghe nói là bà thường bị kết tội lừa đảo bởi những kẻ không thích hoặc sợ bà, kẻ thù nghĩ rằng bà phạm tội lừa đảo, giả mạo và đủ thứ chuyện phi thường. Ngày nay những kẻ lập lại lời nói xấu đó đều là những người chưa bao giờ thấy bà và tôi dám bảo rằng nếu bất kỳ kẻ nào giờ đây nói tới bà mà có dịp gặp mặt bà trong một tiếng đồng hồ thì họ ắt vỡ lẽ ra được sự tào lao trong lời phi báng của mình. Tôi có thể hiểu được việc người ta đã nói chống lại bà về một số chuyện khác, chẳng hạn như đôi khi bà không đếm xỉa gì tới thành kiến của người khác, có lẽ thỉnh thoảng cũng là điều tốt cho thiên hạ khi thấy người ta lật tẩy thành kiến của mình, nhưng buộc tội bà là lừa đảo hoặc giả mạo thì hoàn toàn điên rồ đối với bất kỳ người nào trong chúng tôi đã từng biết bà. Thậm chí người ta còn bảo rằng bà là một gián điệp của Nga (thời đó người ta rất sợ Nga âm mưu gì đó ở Ấn Độ). Nếu trên trần thế này mà có một người nào đó hoàn toàn không thích hợp với việc làm gián điệp thì người ấy chính là bà Blavatsky. Bà không thể giữ bí mật được sự lừa gạt cần thiết chỉ trong vòng 10 phút, bà luôn luôn để lộ nó ra bởi cái sự ăn nói bộc trực hầu như man dại này của mình. Bất cứ ai từng biết bà và đã từng sống chung nhà với bà đều không thể nghĩ tới cái ý tưởng lừa gạt thuộc bất cứ kiểu gì liên quan tới bà Blavatsky, vì họ đã biết rõ bà nói huých toẹt ra chính cái điều mà bà nghĩ và cảm nhận. Sự tuyệt đối chân thực của bà là một trong những đặc điểm nổi bật nhất của cái tính tình kỳ diệu phức tạp của bà. Tôi nghĩ điều kế tiếp gây ấn tượng cho kẻ bàng quan đó là cái trí bà rất sắc sảo. Không có ngoại lệ nào, bà là người đàm đạo thú vị nhất mà tôi đã từng gặp và tôi đã gặp nhiều người rồi. Bà có cái năng khiếu đối đáp kỳ lạ nhất, có lẽ bà quá thừa cái năng khiếu ấy. Bà cũng có quá nhiều kiến thức về đủ thứ đề tài ngoài luồng - ở đây tôi ngụ ý những đề tài ít nhiều liên quan tới đường lối tư tưởng của chúng ta - nhưng thế thì cũng khó vỡ lẽ ra được cái phạm vi tư tưởng mà chúng ta bao trùm trong tựa đề Thông Thiên Học rộng lớn đến cỡ nào. Dù sao đi nữa thì điều này cũng liên quan tới việc biết một điều gì đó hoàn toàn theo một số lớn những đường lối khác hẳn. Bà Blavatsky có chính cái kiến thức ấy. Cho dù cuộc đàm đạo xoay chuyển theo đường lối nào đi chăng nữa thì bà Blavatsky luôn luôn có một điều gì đó để nói về chuyện ấy và đó luôn luôn là một điều gì đấy rõ rệt không thông thường. Cho dù bà có ra sao đi chăng nữa thì bà cũng chẳng bao giờ giống như bình thường. Bà luôn luôn có một điều gì đó mới mẻ, nổi bật, thú vị, không bình thường để kể cho chúng tôi. Bà đã đi du hành khắp thế giới chủ yếu ở những nơi trên thế giới ít ai biết tới, và bà nhớ mọi thứ, xét theo biểu kiến, ngay cả những diễn biến nhỏ nhất đã từng xảy ra cho bà. Bà có đủ loại giai thoại huy hoàng, bà là một người kể chuyện kỳ diệu có thể kể chuyện đời mình rất hay và nêu rõ quan điểm của

mình. Xét về phương diện ấy cũng như biết bao nhiêu phương diện khác, bà là một người đáng chú ý. Chẳng bao lâu sau, chỉ cần trò chuyện thân mật một chút nữa người ta cũng đụng phải cái trục lớn trung tâm trong cuộc đời bà là lòng tận tụy sùng tín nhiệt thành đối với Sư phụ. Bà nói về Ngài với một sự tôn kính thật đẹp đẽ - lại càng đẹp hơn do sự kiện người ta không thể mô tả bà Blavatsky chính xác là có bản chất kính cẩn. Ngược lại, bà luôn luôn nhìn thấy khía cạnh hài hước của bất cứ điều gì và mọi thứ. Ngoài cái sự kiện lớn trung tâm ấy ra đôi khi bà đùa giỡn về một số những điều mà một số chúng tôi coi là linh thiêng; nhưng đó là vì bà cực kỳ thẳng thắn khiến cho bà rất ghét bất cứ điều gì có bản chất vờ vịt và có nhiều điều được người ta tôn kính thì thực ra chỉ là rỗng tuếch, mặc dù có vẻ tương cận với sự khả kính. Cái bà gọi là sự khả kính tư sản, nói cho đúng hơn có bản chất vô giá trị đối với bà Blavatsky, bởi vì thường thường có quá nhiều sự đạo đức giả trong việc duy trì thể diện còn bên trong có những tư tưởng và xúc cảm chẳng khả kính chút nào hết. Trong những trường hợp như thế, bà bèn xé toạc bức màn che, lột trần sự thật ở bên dưới làm cho nạn nhân khốn khổ, không được hài lòng, vì đặc trưng ấy người ta không thể gọi bà là người kính cẩn. Nhưng cái lúc bà nói về Sư phụ mình thì giống như bà chuyên sang cung bậc nể sợ yêu thương và người ta có thể thấy rằng tình cảm của bà đối với Ngài chính là cuộc sống của bà đối với Ngài. Việc bà hoàn toàn tin cậy Ngài, yêu thương và kính trọng Ngài tương phản với sự kiện bà thông thường không biết tôn kính cái gì, ắt là một sự kiện rất đẹp mà ta chứng kiến. Tôi thiết tưởng đây là những sự kiện nổi bật nhất mà một người xa lạ ắt nhìn thấy nơi bà. Các hội viên còn trẻ khi lớn lên mà đọc sách của bà và vỡ lẽ ra một chút công ơn của bà đối với chúng ta thì những hội viên ấy có thể trích dẫn bà và bảo rằng bà là một người kỳ diệu xiết bao. Thế rồi rất có thể họ gặp những người bảo họ rằng bà đã bị lật tẩy và bị phát hiện là hành động lừa đảo. Mong sao những hội viên ấy sẽ hỏi kẻ nói xấu: “Bạn có biết bà không?” Họ ắt trả lời: “Ồ không, dĩ nhiên tôi không biết”. Những người nào có đọc bài này có thể đối đáp lại như sau: “Tôi đã đọc một bài tường trình do một người có biết bà rất nhiều; ông ấy bảo rằng mọi chuyện bịa đặt đó hoàn toàn không đúng sự thật - bà hoàn toàn không thể thực thi bất cứ hành động lừa đảo nào, bà không thể lừa gạt người ta theo cái cách thức được mô tả”. Tôi có thể cung cấp cho bạn nhiều ví dụ trong đó bà bị buộc tội là lừa gạt, và tôi có thể nói chính xác với bạn điều gì đã thực sự xảy ra và tôi có thể đoan chắc với bạn rằng trong vấn đề đó tuyệt nhiên không có sự lừa đảo. Bản thân tôi có biết nhiều chuyện. Bạn có thể nghe nói nhiều về một phúc trình nào đó của một Ủy viên trong Hội Khảo cứu Tâm linh, ông ta đi sang tận Ấn Độ để khảo cứu về trường hợp của bà. Nếu có ai trích dẫn điều này cho bạn thì bạn có thể bảo họ rằng tôi vẫn đang còn sống, lúc đó tôi ở Adyar khi cái người thanh niên ấy (tôi lấy làm tiếc mà bảo rằng y là một thanh niên rất kiêu ngạo) đến Ấn Độ để phúc trình và tôi có thể nói với bạn một vài điều về bản phúc trình ấy cho thấy nó không đáng tin cậy đến chừng nào, mặc dù tôi tin chắc rằng y có ý định trung thực. Tôi được biết rằng nhiều năm sau này, y công nhận với bà Hội trưởng của chúng ta hiện nay là nếu y đã biết nhiều về vấn đề tâm linh vào năm 1884 như y đã biết vào lúc phát biểu ý kiến thì bản phúc trình của y ắt đã khác hẳn. Y dứt khoát chống lại H. P. B. ở chỗ những bức thư xuất phát từ các Chơn sư, khi y bảo rằng chính bà đã viết ra những bức thư ấy. Bản thân tôi có nhận được những bức thư như thế khi bà ở cách xa hàng ngàn dặm. Tôi đã chứng kiến chúng xuất hiện khi bà có mặt và cũng đã nhìn thấy chúng xuất hiện khi bà ở nghìn trùng xa cách, và tôi biết qua bằng chứng không thể bác bỏ được rằng bà không viết ra những bức thư ấy. Tôi nói ra điều này vì tôi thiết tưởng thật có giá trị khi bạn có thể bảo rằng bạn đã tiếp kiến và biết một người nào đó sẵn sàng chứng nhận bằng cá nhân là không có sự lừa đảo về những điều như thế, chứng nhận của một nhân chứng đã tận mắt chứng

kiến ất có giá trị hơn thành kiến của nhiều người vốn không có mặt mà chỉ nghe những chuyện ấy qua lời người thứ ba hoặc thứ mười ba. Nên nhớ rằng nói về mặt con người thì nếu không có bà Blavatsky ắt không có Hội Thông Thiên Học, không có sự trình bày đủ mọi giáo huấn huy hoàng cho dân chúng ở Âu Mỹ. Có lẽ tôi phải nói một chút nhiều hơn lẽ ra nên nói, bởi vì các Đấng Cao Cả đứng đằng sau, cùng một lúc nỗ lực qua hai kênh tiếp dẫn, một là bà Blavatsky và hai là Tiến sĩ Anna Kingsford. Tôi biết cả hai người này, tôi chỉ có thể nói rằng trong khi cách trình bày của Tiến sĩ Kingsford thật là kỳ diệu và thú vị thì nó không gây nhiều ấn tượng, không nắm bắt được thế giới trong một chừng mực đáng kể nào đây. Còn sự tồn tại của Hội Thông Thiên Học cho thấy rằng cách trình bày của bà Blavatsky đạt được mục đích nêu trên. Ngay cả Hội Thông Thiên Học cũng chỉ trình bày một phần nhỏ trong công trình của bà; ấy là vì đối với mọi hội viên thì lại có thể có mười hoặc mười hai người không phải hội viên cũng đã đọc sách của bà và thu thập được nhiều kiến thức Thông Thiên Học. Như vậy giáo huấn của bà đã vượt ra ngoài qui mô của Hội Thông Thiên Học. Đó là điều mà bà Blavatsky đã làm cho chúng ta, vì vậy ta biết ơn bà bằng tình thương yêu và sự tưởng nhớ ân đức. Bà luôn luôn bảo cho ta biết rằng: “Đây là những sự kiện, nhưng đừng tin chúng bởi vì tôi nói như thế. Hãy sử dụng lý trí và cảm thức phân biệt phải trái thông thường của mình, hãy khiến cho giáo huấn được sống động và tự mình chứng tỏ được nó. Đừng bói móc, cần nhân hoặc chỉ trích mà hãy làm việc”. Chúng tôi chấp nhận thách đố của bà, nghe theo lời khuyên của bà thì chẳng bao lâu thấy rằng những phát biểu của bà được chứng minh và giáo huấn của bà là đúng thật. Vì vậy đối với các bạn, là những kẻ đi theo bà hiện nay, thì tôi xin bảo rằng: “Hãy đi và làm giống như vậy”. Tất cả các bạn phải biết chắc rằng chúng tôi chẳng bao giờ quên bà, hàng năm vào Ngày Hoa Sen Trắng, thể theo nguyện vọng của bà chúng tôi làm lễ tưởng niệm bà. Bà không yêu cầu bất cứ ai nói về bà, mặc dù tình thương và sự tôn kính của chúng tôi luôn luôn khiến chúng tôi làm như thế. Thậm chí bà cũng không yêu cầu người ta đọc sách của bà nhưng mà yêu cầu người ta đọc một điều gì đó trong Chí Tôn Ca và Ánh Đạo Phương Đông. Mãi tới nay điều này luôn luôn được thực hiện trong mọi Chi bộ Thông Thiên Học và tôi hi vọng rằng nó luôn luôn như thế và chúng ta sẽ chẳng bao giờ để cho ký ức về người Sáng lập mờ nhạt đi trong tâm trí của ta. Tôi muốn bạn vỡ lẽ ra sự thật ấy và luôn luôn nhớ kỹ nó là mọi điều mà chúng ta có và đã học hỏi được dưới bất cứ hình thức nào có thể đến với chúng ta hiện nay thì đó thật sự là do công ơn của bà Blavatsky.

CHƯƠNG V

BỨC THƯ ĐƯỢC TRẢ LỜI.

Các bạn ắt hẳn nhớ rằng trong một chương trước kia, tôi có đề cập tới một bức thư mà tôi gửi cho Chon sư Kuthumi rồi giao nó cho một vong linh tên là Ernest chuyển dùm. Rốt cuộc tôi cũng nhận được thư hồi âm nhưng không phải thông qua Ernest mà chỉ mãi tới tận một ngày trước khi bà Blavatsky lên đường đi Ấn Độ. Nguyên bản bức thư của Chon sư gửi cho tôi có ở trang 27 quyển sách Thư của các Chon sư Minh Triết mà tác giả là ông Jinarajadasa. Chon sư cho tôi biết rằng tôi không cần ở Ấn Độ trong vòng bảy năm dự bị và giai đoạn đó có thể diễn ra ở bất cứ nơi đâu. Ngài cảnh báo tôi rằng trên cương vị là một linh mục của Giáo hội Kitô, tôi có một phần chia nào đấy trong công nghiệp của đoàn thể đó và Ngài tiết lộ rõ rệt rằng nghiệp ấy có nhiều điều xấu ác ghê gớm. Ngài gợi ý rằng tôi có

thể đi Adyar trong vòng vài tháng để xem liệu tôi có thể làm việc với giới chức sắc ở Tổng hành dinh hay chẳng và Ngài còn nêu thêm một nhận xét có ý nghĩa: “Kẻ nào muốn rút ngắn thời gian dự bị thì phải hi sinh cho Thông Thiên Học”. Bức thư của Ngài kết thúc bằng những lời lẽ như sau: Con hỏi ta phải tuân theo những qui tắc nào trong thời gian dự bị và liệu con có dám hi vọng rằng chẳng bao lâu nữa nó sẽ bắt đầu; ta xin trả lời là con nắm giữ tương lai mình trong tay mình và trên kia ta có nói rằng mỗi ngày con sẽ dẹt nên số phận của mình. Nếu ta đòi hỏi rằng con phải làm điều này điều kia thay vì chỉ khuyến cáo, thì ta ắt chịu trách nhiệm về mọi hậu quả có thể bắt nguồn từ bước đi đó, còn con chỉ được một công trạng thứ yếu thôi. Vậy con hãy suy nghĩ để xem đâu là điều chân thực. Con hãy đặt số phận của chính mình vào trong lòng Công lý, đừng bao giờ e sợ vì đáp ứng của Công lý hoàn toàn chân thực. Muốn làm đệ tử thì cũng mang tính giáo dục như giai đoạn làm đệ tử dự bị và chỉ có đệ tử thực thụ thôi mới quyết định liệu giai đoạn này chấm dứt bằng quả vị Chơn sư hay thất bại. Do một ý niệm sai lầm về hệ thống của chúng tôi, đệ tử thực thụ rất thường khi chực chờ mệnh lệnh, phí phạm thời gian quý báu lẽ ra nên được dùng cho sự tinh tấn cá nhân. Chính nghĩa của chúng tôi cần có những người truyền giáo, kẻ sùng tín, tác nhân đại diện, có lẽ ngay cả thánh tử vì đạo nữa. Nhưng nó không thể đòi hỏi bất cứ ai làm điều ấy. Vậy thì giờ đây con hãy chọn lựa và nắm vững số phận của chính mình - mong sao việc nhớ tới Đức Thế Tôn Như Lai sẽ giúp cho con quyết định được điều tốt nhất. ¹[1] Tôi muốn nói để trả lời cho điều này là hoàn cảnh của tôi khiến tôi không thể tới Adyar lưu ngụ trong vòng ba tháng rồi trở lại làm việc ở cái chỗ mà lúc ấy tôi đã dần thân vào; nhưng tôi hoàn toàn sẵn lòng vứt bỏ hết cái công việc đó và tận hiến trọn cả đời tôi để phụng sự Ngài. Ernest hiển nhiên là đã không đáp ứng được tôi, cho nên tôi không còn cách nào khác là gửi thông điệp cho Chơn sư phải nhờ bà Blavatsky chuyển dùm; và vì bà sắp phải rời nước Anh để rồi hôm sau lên đường đi Ấn Độ cho nên tôi vội vã tới Luân Đôn để gặp bà. Tôi thật khó khăn để dẫn dụ bà đọc bức thư, vì bà nói rất dứt khoát rằng việc giao tiếp như thế chỉ dự định dành cho người nhận thư. Song le, tôi bắt buộc phải năn nỉ và cuối cùng bà cũng đọc, rồi hỏi tôi xem tôi muốn được hỏi âm ra sao. Tôi trả lời với nội dung nêu trên và hỏi bà xem thông tin như vậy có thể được chuyển tới Chơn sư như thế nào. Bà trả lời rằng Chơn sư đã biết nó rồi, dĩ nhiên bà đề cập tới mối quan hệ vô cùng mật thiết của bà đối với Ngài sao cho bất cứ điều gì có trong tâm thức bà cũng ở trong tâm thức Ngài khi Ngài muốn. Thế rồi bà bảo tôi hãy chờ bà, đừng bỏ mặc bà vì bất cứ lý do gì. Bà bám cứng lấy điều kiện đó, thậm chí bảo tôi đi theo bà vào tận phòng ngủ khi bà đi cất cái mũ và khi cần có một xe ngựa thì bà từ chối không để cho tôi rời phòng đi ra cửa huýt còi gọi xe. Vào lúc ấy tôi tự nhiên không thể hiểu được mục đích của điều này, nhưng sau đó tôi vỡ lẽ ra rằng bà muốn tôi có thể nói rằng bà chưa bao giờ ở ngoài tầm nhìn của tôi trong một lúc từ cái khi bà đọc thư của tôi cho đến khi tôi nhận được thư hỏi âm của Chơn sư. Tôi còn nhớ như in trong óc rằng chuyện giống như mới ngày hôm qua việc tôi cùng với bà đi trên cái xe ngựa đó và tôi cảm thấy e thẹn bối rối, một phần là vì có vinh hạnh được đi với bà và một phần vì tôi e rằng mình gây nhiều điều bất tiện cho bà; ấy là vì tôi phải nép mình vào một cái góc nhỏ xíu, ngồi thu lu trong đó còn cái thân hình đồ sộ của bà ép phía bên kia thân của bà đè vào chiếc xe sao cho suốt cuộc hành trình lò xo cứ kêu kẹt mãi. Ông bà Coper Oakley cũng đi

^[1] Ông Jinarajadasa có thêm Chú thích sau đây: “Nhớ tới Đức Thế Tôn Như Lai” là một cụm từ nổi bật nhất mà chỉ nhiều năm dài sau khi nhận được bức thư, C. W. L. mới hiểu được nó. Nó đề cập tới những diễn biến trong các kiếp đã qua từ lâu rồi khi C. W. L. diện kiến Đức Thế Tôn mặt đối mặt. Đường như thể bằng cách này Chơn sư cố gắng đi lòn đằng sau phạm ngã của C. W. L. lên thẳng tới chơn ngã, trong đó tâm thức về những sự thật vĩ đại tồn tại dưới dạng kiến thức trực tiếp.

kèm theo bà trong cuộc hành trình tới Ấn Độ và chính là tôi phải đi với bà quả thật vào đêm rất khuya tới tận nhà của ông bà - tôi tin rằng đã sau nửa đêm - do đó tôi sẽ nói tới chuyện xảy ra rất sớm vào buổi sáng hôm sau.

HIỆN TƯỢNG LẠ ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Ngay cả vào cái giờ rất sớm ấy cũng có một số người bạn tận tụy tụ tập trong phòng khách của bà Oakley để tạm biệt bà Blavatsky, bản thân bà ngồi chễm chệ trong một chiếc ghế bành gần lò sưởi. Bà đang nói chuyện linh hoạt với những người có mặt và đang cuộn một điều thuốc lá; thế rồi thỉnh thoảng bàn tay phải của bà bị giật giật hướng về lò sưởi một cách rất đặc thù, lòng bàn tay ngửa lên. Bà kinh ngạc nhìn xuống, và cả tôi nữa vì tôi đang đứng gần bà, cùi tay dựa vào tấm che lò sưởi, nhiều người trong chúng tôi thấy rất rõ một loại hình dạng trắng mờ mờ như sương mù trong lòng bàn tay bà rồi nó ngưng tụ thành một mẩu giấy gấp lại; bà tức khắc đưa nó cho tôi bảo rằng: “Đây là thư hồi âm của bạn”. Dĩ nhiên mọi người trong phòng bu đông xúm lại, nhưng bà đẩy tôi ra bên ngoài đọc thơ và bảo rằng tôi không được cho bất cứ ai nhìn thấy nội dung của nó. Đó là một bức thư rất ngắn với nội dung như sau: “Bởi vì trực giác của con đã đưa con đi đúng hướng và khiến con hiểu rằng chính ta muốn con đi Adyar ngay tức khắc, cho nên ta có thể nói thêm nữa. Con càng đi sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Đừng để lỡ một ngày nhiều hơn mức con có thể chịu được. Nếu có thể được con nên lên tàu ngày thứ năm. Con sẽ gặp Upasika ở Alexandria ^[1]. Đừng để cho ai biết con lên đường và mong sao phước lành của Chúa và phước lành khiêm tốn của ta có thể che chở cho con tránh khỏi mọi điều xấu ác trong cuộc sống mới của con.

Thân chào, *đệ tử mới của ta.*

K. H.

LỆNH LÊN ĐƯỜNG

Trong những vấn đề huyền bí thì nghe lệnh là phải tuân lệnh. Bà Blavatsky sau này rời Luân Đôn vào cùng ngày ấy để đi Liverpool nơi bà đáp tàu thủy Clan Drummond. Trong khi đó tôi tui tít quanh những phòng bán vé tàu thủy để ra sức có được chuyến đi cho chính mình. Tàu thủy P. và O. phải lên đường vào thứ năm không còn một chỗ trống nào ở bất cứ hạng nào, cho nên tôi miễn cưỡng bắt buộc phải tìm chỗ khác. Sau khi tôi dò hỏi nhiều lần thì cơ hội duy nhất là phải đi tàu thủy Chuyển tin vào thời Maritimes tên là Erymanthe từ Marseille tới Alexandria, và muốn làm như vậy tôi phải rời Luân Đôn vào đêm ngày mùng bốn. Tôi hỏi hỏi về Hampshire để chuẩn bị hành lý và dàn xếp cuối cùng, tôi có thể nói rằng tôi không đi ngủ cho đến tận khi tôi đã rời nước Anh! Mohini và cô Francesca Arundale tới tận Trạm Charing Cross để tiễn tôi và tha thiết chúc lành cho tôi thượng lộ bình an với một cuộc sống mới kỳ lạ đang mở ra trước mắt mình.

^[1] Upasika nghĩa là một đệ tử mang xác nữ, Chơn sư thường gọi bà Blavatsky bằng tước hiệu đó.

BỊ CÁCH LY

Tôi tới Marseille theo lộ trình bình thường, chỉ có điều phát hiện ra rằng người ta giả định rằng ở thị trấn này đang có bệnh dịch tả. Tôi lên tàu Erymanthe và tôi còn nhớ hành trình vượt qua Địa trung hải khá gay go. Trong cuộc hành trình ấy, tôi đọc quyển Phật giáo Bí truyền đến lần thứ mười; chúng tôi đã nghiên cứu nó rất tỉ mỉ vào thời đó. Khi tới Alexandria tôi vô cùng kinh tởm khi phát hiện ra rằng vì có tin đồn Marseille có bệnh dịch tả, cho nên nhà cầm quyền Ai Cập có lệnh cách ly chúng tôi trong vòng năm ngày. Bạn có thể tưởng tượng tôi sốt ruột đến chừng nào vì e rằng sự chậm trễ có thể khiến tôi không gặp bà Blavatsky. Người ta không để cho chúng tôi ở thị trấn Alexandria mà đưa chúng tôi tới tận một vài trại lính ở Ramlech, nơi đó họ tính tiền chúng tôi một bảng Anh một ngày và cung cấp tiện nghi rất không thỏa đáng. Cố nhiên tất cả chúng tôi đều đang khỏe mạnh và tin chắc rằng toàn bộ vụ việc này chỉ là một trò hề được dàn dựng để móc túi chúng tôi, và nụ cười toe toét của các quan chức Ai Cập cho thấy rằng họ hoàn toàn lợi dụng tình huống đó. Ở cái nơi duy nhất mà chúng tôi có thể giao tiếp được với thế giới bên ngoài có một hàng rào kép mà bộ phận của nó có lẽ cách nhau năm thước Anh. Có một loại đường rầy nhỏ bằng gỗ chạy từ hàng rào này sang hàng rào kia với một cái hộp có một dây thừng cột vào mỗi bên để được kéo lên kéo xuống mang theo đồ tương tể từ bên ngoài, chuyển giao thư của chúng tôi và bất cứ đồ đạc nào mà chúng tôi muốn mua. Trong hộp có một bát nước lớn, chúng tôi được lệnh quăng vào đó bất kỳ đồng tiền nào chúng tôi muốn trả để mua đồ, còn thư từ mà chúng tôi gửi ra cho bưu điện bị chọc thủng hai ba chỗ và bị xông khói tỉ mỉ. Chuyện như vậy thật quá lố bịch và chúng tôi cứ giữ một thái độ hơi điều cốt với kẻ tham dự khi khăng khăng bảo rằng bất cứ lúc nào có sự thay đổi đến với chúng tôi thì hãy quăng nó vào nước! Nhờ vào một trong những bức thư bị cắt xén, tôi giao tiếp được với tòa lãnh sự Anh và được cho biết rằng bà Blavatsky cùng với đoàn tùy tùng đã đến rồi, nhưng lại đi tới Port Said và chờ chúng tôi ở đó. Ngay khi chúng tôi được phóng thích thì tôi bèn đi ngay tới khách sạn Abbat để tắm rửa thỏa thích và ăn uống thoải mái rồi mới tiến hành dò hỏi việc quá cảnh tới Port Said. Thời đó không có đường rầy xe lửa và tôi thấy cơ hội kế tiếp của mình lại là phải đi tàu thủy Erymanthe, nó cũng bị giữ lại cách ly giống như chúng tôi. Chúng tôi chắc chắn có được thoải mái hơn nhiều nếu người ta có ý thức để cho chúng tôi ở trên tàu, nhưng vì chúng tôi là hành khách đi tới Alexandria cho nên người ta không làm như vậy; vả lại nếu làm như thế thì trong trường hợp này tàu thủy - thay vì nhà cầm quyền Ai Cập - ắt thu được của chúng tôi mỗi ngày một bảng Anh.

CHÚNG TÔI GẶP LẠI NHAU

Cũng chiều hôm đó, chúng tôi lên đường và tới Port Said vào sáng ngày hôm sau, ông A. J. Cooper Oakley đến gặp tôi, đưa tôi lên bờ tới một khách sạn nơi tôi thấy bà Blavatsky và bà Oakley ngồi ở hàng hiên. Lời dặn dò cuối cùng của bà đối với tôi ở Luân Đôn là: “Mong sao bạn không phụ lòng tôi” và bây giờ bà chào đón tôi như sau: “Tốt thôi! Leadbeater, vậy là bất chấp mọi khó khăn bạn đã thực sự đến đây”. Tôi trả lời rằng cố nhiên là tôi đến vì tôi đã hứa là tôi phải giữ lời; bà chỉ trả lời như sau: “Tốt cho bạn thôi!”; rồi lại đắm chìm vào cuộc thảo luận sinh động - bất cứ sự thảo luận nào có bà Blavatsky tham gia đều luôn luôn là sinh động - cuộc thảo luận này hiển nhiên là bị cắt đứt khi tôi tới. Mặc dù bà không nói gì nhiều hơn, thế nhưng rõ ràng là bà bằng lòng vì tôi đã tới và có vẻ coi sự có mặt của tôi thập thụt bà là một loại quân bài trong ván bài mà bà phải chơi. Bà đang cấp tốc

phải trở về Ấn Độ để bác bỏ những lời nói xấu độc ác của các nhà truyền giáo thuộc Trường Kitô giáo và bà có vẻ xét thấy việc mang theo một giáo sĩ thuộc Giáo hội đã xác lập - giáo sĩ này đã từ bỏ một địa vị bảnh chọe trong Giáo hội ấy để trở thành kẻ nhiệt tình theo học với bà - dù sao đi nữa việc đó cũng là một lập luận bênh vực cho bà.

CHƯƠNG VI

MỘT SỰ THAY ĐỔI ĐỘT NGỘT BẤT NGỜ

Chương vừa qua kết thúc với việc tôi gặp bà Blavatsky ở một khách sạn tại Port Said, ở đó tôi rất trông mong rằng chúng tôi có thể yên bình chờ đợi cho đến khi tàu thủy tới. Lúc bấy giờ tôi chưa biết rõ bà Blavatsky như sau này, cho nên có lẽ tôi đã chẳng cảm thấy lạ quan hơn. Tôi rút vào phòng ngủ rồi đuổi ra mấy chục con muỗi vo ve bên trong cái màn che giường của tôi và đã nhìn thấy phía trước khoái chí với ý tưởng đêm nay sẽ được ngủ yên. Song le, chẳng bao lâu sau khi trời tối sẫm thì bà Blavatsky lại có một tia chớp lóe đột ngột cảm hứng đến với bà từ nội giới. Bà thường gán chúng cho một trong các đảng mà bà gọi là các Huynh đệ - thuật ngữ bà dùng bao hàm chẳng những một số các Chơn sư mà còn là một số đệ tử Chơn sư nữa. Trong trường hợp này lời bóng gió mà bà nhận được làm đảo lộn hoàn toàn kế hoạch của chúng tôi, vì bà nhận được lệnh rằng thay vì im lặng chờ đợi tàu thủy, chúng tôi phải đi ngay tới Cairo nơi chúng tôi có được một thông tin nào đấy rất có ích lợi cho bà để đối phó với những kẻ giúp việc phản bội là Coulombs.

TÀU CHỜ THƯ KHEDIVE

Vào thời đó không có đường rầy xe lửa xuất phát từ Port Said, và cách duy nhất mà chúng tôi có thể đi tới Cairo là đi xuống kinh đào Suez xa mãi tới tận Ismailia, rồi từ đó chúng tôi có thể đáp xe lửa đi về thủ đô. Cuộc hành trình đi xuống kinh đào được thực hiện trong một chiếc tàu thủy nhỏ xíu hơi giống như tàu kéo được vinh danh là tàu chờ thư Khedive. Mỗi đêm nó rời Port Said vào lúc nửa đêm rồi tới Ismailia vào sáng sớm. Mặc dù có tên đao to búa lớn nhưng có lẽ nó là cái tàu dơ dáy nhất mà tôi đã từng gặp, nhưng cố nhiên chúng tôi phải tận dụng nó. Ở nơi trang nghiêm nhất có một cái lều nhỏ vào khoảng 10 bộ vuông mà chúng tôi gọi là cái phòng chính, rồi từ đó mở ra phía sau có một loại tủ đứng được gọi tên là căn phòng dành cho quý bà. Tuy nhiên nó không có cửa sổ, cho nên khi cửa ra vào đóng lại thì nó tối đen như mực. Chúng tôi dành phòng này cho bà Blavatsky. Ông Oakley vốn quá mệt mỏi và tôi thiết tưởng là ông khá bị xáo trộn bởi việc đột nhiên thay đổi kế hoạch, cho nên buông mình xuống một cái ghế làm bằng gỗ cứng ở một bên của phòng chính, trong khi đó bà Oakley và tôi vì đã nhìn thấy đội quân khổng lồ những con gián đã chiếm đầy cả hai phòng cho nên đi đi lại lại qua đêm chỉ một vài thước Anh trên cái bong tàu lộ thiên, nó chỉ dành cho chúng tôi mỗi bước đi được sáu bước ở mỗi phía thì đã hết giới hạn của việc đi lại. Thỉnh thoảng chúng tôi ngừng lại liếc nhìn ông Oakley, nhưng ông vẫn ngủ ngon lành, mặc dù hoàn toàn bị bu kín bởi những con gián dễ sợ mà chúng tôi đã nói tới cũng như những con vật khác. Bà Oakley là một người đặc biệt khó tính trong sinh hoạt thường nhật khá nản chí, có lẽ cũng tự nhiên thôi; vì vậy tôi làm hết sức mình để an ủi bà bằng những bức tranh sáng lạn về sự huy hoàng và đẹp đẽ mà tôi hi

vọng đang chờ đón chúng tôi ở Ấn Độ. Chuyện này diễn tiến được vài tiếng đồng hồ cho đến khi sự tẻ nhạt ấy đột ngột bị phá vỡ bởi những tiếng kêu thảm thương của bà Blavatsky trong phòng riêng của bà. Bà Oakley ngay tức khắc dừng cảm xông vào đương đầu với một đám côn trùng mà chỉ tạm thời nhún vai, nhưng bà thấy bà Blavatsky rất yếu và rất đau đớn lớn tiếng yêu sách về tiện nghi, mà trên cái tàu kéo nhỏ chết tiệt này thì ở đâu ra mà có. May mắn thay trạm dừng kế tiếp của chúng tôi là ở tại làng Kantara - nơi mà chuyến tàu chở khách hành hương từ Cairo tới Jerusalem băng ngang qua kênh đào; chúng tôi lợi dụng vị thuyền trưởng của cái tàu ma quái ấy đang chờ đợi chúng tôi ở đó trong vài phút. Dĩ nhiên chẳng có gì mang bản chất là một câu tàu hoặc thậm chí là bến tàu, nhưng ở đâu đó cũng có một tấm ván để leo lên cầu tàu, đó là một tấm ván xây dựng thông thường có lẽ rộng một bộ Anh; ông Oakley và tôi phải khiêng vị lãnh đạo bất hạnh của chúng ta lên bờ bằng phương tiện ấy (vào lúc đó bà cân nặng tới 245 cân Anh; tôi biết điều này vì tôi có cân bà trên cái cân của người bán thịt trên bong tàu thủy Navarino vài ngày sau đó). Các bạn hãy tưởng tượng rằng đây là một chuyện căng thẳng xiết bao, ngôn ngữ của bà Blavatsky vào dịp này rõ rệt là đây sức mạnh hơn là sự ngọt ngào. Nhưng bằng một cách nào đấy chúng tôi cũng thành tựu được chiến tích này và đưa bà lên bờ an toàn rồi trở lại bong tàu sau đó một chút - thậm chí đây còn là một việc nghiêm trọng hơn bởi vì tấm ván rõ rệt là dốc lên. Bà được đưa thẳng vào cái chỗ thoải mái của mình, còn bà Oakley dừng cảm ngồi kế bên bà cho đến khi bà ngủ thiếp đi. Tôi tin rằng ông Oakley cũng lại ngủ tiếp, còn vợ ông ngay khi có thể rời chỗ vị lãnh đạo của chúng ta bèn đi lại bước trên bong tàu cùng với chúng tôi cho đến khi có ánh sáng vàng lợt của buổi sáng ở Ai Cập, thì chúng tôi mới bỏ neo tại bến tàu ở Ismailia.

ISMAILIA

Có một thời khoảng vài tiếng đồng hồ trước khi xe lửa của chúng tôi khởi hành, vì vậy dường như là hợp lý khi chúng tôi đi tới khách sạn và dùng bữa sáng. Vào lúc đó ở thị trấn này có hai khách sạn và đám cò khách sạn liếng thoắng mời gọi trên bến tàu. Ông Oakley mà chúng tôi giả định là doanh nhân trong đám người chúng tôi tiến hành mặc cả với một trong đám cò khách sạn. Bà Blavatsky mặc dù vẫn còn xanh mét đã có thể xuống bãi biển đi lò dò lên xuống bên tàu, nhưng bà có vẻ chẳng màng kết bạn với ai và thật ra ai thấy bà cũng dội. Chúng tôi thấy bà trao đổi vài lời với một hai viên chức và nhân viên khách sạn, khi một ít lâu sau có một chiếc xe ngựa rách nát chạy tới và chúng tôi muốn khởi hành đến khách sạn thì hai người đánh xe ngay tức khắc dán thân vào một cuộc ẩu đả dã man để giành giật hành lý chúng tôi. Khi chúng tôi gọi ông trưởng trạm tới can thiệp thì mới vỡ lẽ ra rằng trong khi ông Oakley dàn xếp với một trong hai người khuôn vác thì bà Blavatsky lại bắt mỗi người khác, và tự nhiên là vì bà nói tiếng Ả Rập cho nên chúng tôi chẳng biết gì về cuộc mặc cả của bà cho tới giờ lên đường. Vì vậy chúng tôi phải đi đến khách sạn mà bà đã chọn và vuốt ve tên cò bất hạnh kia đến mức tối đa. Rốt cuộc mọi vấn đề đều được giải quyết, dĩ nhiên bằng cách đút tiền cho cả đôi bên cãi nhau và cuối cùng chúng tôi cũng được phép khởi hành bình an để đi ăn sáng. Tội nghiệp bà Blavatsky vẫn còn hơi đau yếu và rõ rệt là tâm trạng không khá thoải mái lắm, nhưng bà công phẫn gạt bỏ khinh bỉ cái lời gợi ý rụt rè theo đó chúng tôi nên ở lại một ngày tại Ismailia để cho bà có thể phục hồi sức khỏe. Thế là sớm muộn gì chúng tôi cũng có chỗ ngồi trong chiếc xe lửa.

MỘT THÔNGIỆP

Khi cuộc du hành tiếp diễn thì bà Blavatsky dần dần phục hồi sức khỏe và bắt đầu nói chuyện một chút; những câu chuyện rõ rệt nhuộm màu sắc chịu ảnh hưởng của đêm hôm trước bởi vì vị lãnh đạo của chúng tôi đã đưa cho chúng tôi những lời tiên đoán u ám nhất về số phận tương lai của chúng tôi. Bà bảo rằng: “Ôi những người Âu Mỹ các bạn, các bạn cứ tưởng rằng mình sắp bước vào con đường Huyền bí học rồi đắc thắng vượt qua những rắc rối của nó; các bạn chẳng biết bao nhiêu về những gì ở phía trước mắt mình; các bạn đâu phải gặp những khốn khổ dọc đường mà tôi đã gặp. Người Ấn Độ biết mình phải trông mong gì và họ đã trải qua những trắc nghiệm và thử thách mà bạn có nằm mơ cũng chẳng bao giờ nghĩ tới; còn các bạn là những sinh vật khốn khổ yếu đuối liệu các bạn có thể làm được gì?” Bà tiếp tục những lời tiên tri này với một vẻ đơn điệu làm người ta phát điên lên, nhưng kẻ lắng nghe bà quá kính cẩn cho nên không dám đòi đề tài. Chúng tôi ngồi ở bốn góc của toa xe, bà Blavatsky đối diện với đầu máy, còn ông Oakley ngồi đối diện bà với vẻ cam chịu của một thánh tử vì đạo của Kitô hữu thời sơ khai; trong khi đó bà Oakley khóc sụt sùi với khuôn mặt càng ngày càng khiếp sợ thì ngồi đối diện với tôi. Về phần mình, tôi có cảm tưởng đang phải giương dù lên chông lại một cơn mưa rào, nhưng tôi hi vọng rằng xét cho cùng thì nhiều người khác đã bước vào con đường đó và đã đạt tới mục tiêu, cho nên dường như dầu tôi không thể đạt được mục tiêu trong kiếp này thì dù sao đi nữa tôi cũng xây dựng một nền móng tốt cho công việc của kiếp sau. Biết ra sao ngày sau! Vào cái thời tiền sử đó thì xe lửa thường được thắp sáng bằng những ngọn đèn dầu ám khói và ở giữa mái của mỗi toa xe có một lỗ tròn lớn mà những người phu xe nhét vào đó những chiếc đèn khi họ chạy dọc trên mái của những toa xe. Song le đây là xe lửa đang chạy ban ngày cho nên không có đèn và người ta có thể nhìn thấy bầu trời xanh qua cái lỗ hồng đó. Ngẫu nhiên là cả ông Oakley lẫn tôi đều đang dựa người vào cái góc của mình, cho nên cả hai chúng tôi đều thấy lập lại cái hiện tượng lạ mà tôi đã mô tả trước kia có diễn ra ở nước Anh; chúng tôi thấy một loại quả banh sương mù trắng trắng được hình thành trong cái lỗ ấy và một lúc sau nó ngưng tụ thành một mẩu giấy gấp lại rồi rơi xuống sàn trong toa xe của chúng tôi. Tôi tiến tới nhặt nó lên rồi giao nó ngay cho bà Blavatsky, coi như đương nhiên là bất kỳ sự giao tiếp nào có bản chất như vậy ắt phải dự tính dành cho bà. Bà ngay tức khắc giờ nó ra đọc và tôi thấy khuôn mặt bà có vẻ đỏ bừng lên. Bà bảo: “Ôi! Đây chính là điều mà tôi đã cố gắng cảnh báo quý bạn về những rắc rối đang chờ đợi trước mặt quý bạn”, rồi bà bà quăng tờ giấy cho tôi. Tôi hỏi: “Liệu tôi có được phép đọc nó không?” thì bà chỉ trả lời rằng: “Tại sao bạn lại nghĩ tôi đưa nó cho bạn?” Tôi đọc tờ giấy và thấy rằng đó là một bức thư ngắn do Chon sư Kuthumi ký tên, gợi ý rất nhã nhặn nhưng hoàn toàn dứt khoát rằng có lẽ thật tội nghiệp khi bà có những ứng viên đầy nhiệt huyết và nhiệt thành mà lại vẽ ra cho người ta một viễn cảnh u ám như vậy về đường đạo, cho dù nó có thể khó khăn đến đâu đi nữa thì rốt cuộc nó ắt phải đưa người ta tới niềm vui khôn tả. Thế rồi thông điệp kết thúc bằng một vài lời lẽ khen ngợi tử tế đích danh mỗi người chúng tôi. Rất tiếc là tôi không thể hoàn toàn chắc chắn về lời lẽ chính xác trong thông điệp ấy, nhưng tôi tin chắc rằng tôi đã mô phỏng chính xác nội dung cơ bản của nó. Câu chuyện ngắn gọn dành cho cá nhân tôi là như sau: “Hãy cho Leadbeater biết rằng ta rất bằng lòng với nhiệt tình và lòng tận tụy sùng tín của y”.

MỘT CHÚT BỤI ĐẤT

Tôi hầu như không cần nói rằng chúng tôi đều cảm thấy an ủi, phấn khởi và đầy lòng biết ơn; nhưng mặc dù không có lời quở trách nào nhẹ nhàng hơn nữa, song hiển nhiên là bà Blavatsky hoàn toàn đánh giá cao điều đó. Trước khi câu chuyện bắt đầu, bà đã đọc một quyển sách nào đấy mà bà muốn duyệt lại cho Tạp chí Nhà Thông Thiên Học và bà vẫn còn ngồi mở quyển sách ra đặt trên đầu gối, tay lăm lăm cầm con dao rọc giấy, giờ đây bà lại tiếp tục đọc và trong khi đọc thì dùng con dao rọc giấy phui cát bụi sa mạc (nó ừa vào qua cửa sổ mở) ra khỏi những trang sách. Khi có một luồng gió đặc biệt độc hại ừa vào thì ông Oakley tiến lên làm ra vẻ muốn đóng cửa sổ; nhưng bà Blavatsky nhìn ông kinh hãi rồi bảo bằng một giọng khinh thường không kèm chế: “Chẳng lẽ ông lại quan tâm tới một chút cát bụi đó sao?”. Ông Oakley khốn khổ co lại vào trong góc toa giống như con ốc rút mình vào trong vỏ, còn vị lãnh đạo của chúng ta không nói lời nào nữa cho tới khi đoàn tàu chúng tôi lừng lững tiến vào trạm Cairo. Đất bụi chắc chắn là khá thử thách, nhưng sau đó khi có nhận xét như vậy thì chúng tôi nghĩ tốt nhất là hãy âm thầm chịu đựng nó. Tôi còn nhớ rằng bà Oakley khốn khổ có mặc một trong những loại hàng hiệu mà quý bà gọi là con trăn có lông vũ; trước khi chúng tôi tới Cairo thì toàn bộ cái thứ ấy chỉ còn là một sợi dây cát bản thiêu không phân biệt được đám lông vũ nữa.

MỘT SỰ THAY ĐỔI ĐỘT NGỘT KHÁC NỮA

Ở Cairo chúng tôi leo lên xe ngựa rồi dĩ nhiên đi tới khách sạn Shepheard, đó là nơi nghỉ dưỡng thông thường của người Anh. Dường như có khoảng 30 - 40 người khác cũng nghĩ như vậy, vì chúng tôi thấy đại sảnh đường tiếp tân đặc nghẹt người, mọi thứ thật là hỗn độn. Hành lý của chúng tôi có khá nhiều - cũng được chất đống trên sàn ở giữa sảnh đường; bà Blavatsky ngồi trên đó, còn ông Oakley mở đường đi xuyên qua đám đống tới bàn làm việc của viên chức để thuê phòng cho chúng tôi. Ông chỉ vừa mới thành công khi làm được như vậy - thực ra ông vẫn còn đang chen lấn trong đám đống để tìm đường về phía chúng tôi - thì bà lại nhảy dựng lên từ chỗ ngồi và rồi rít gọi ông bảo rằng chúng ta tuyệt nhiên không được lưu ngụ ở Shepheard, thay vào đó phải tìm đường đi tới khách sạn Phương Đông mà đám người Coulombs đã lưu ngụ ở đấy trong khi ở Ai Cập - điều này gợi ý rằng ở căn nhà đó chúng tôi có thể thu thập được nhiều thông tin mà bà Blavatsky cần dùng tới khi bà phải đối phó với họ sau này. Dĩ nhiên điều này lại gây ra sự bối rối như thông lệ, ông Oakley khốn khổ phải trở lại hủy lệnh đặt phòng, rồi chúng tôi tìm đường đi tới khách sạn khác mặc dù không mang tính thời thượng lắm, nhưng vẫn tỏ ra đủ tiện nghi đúng mức. Nó tọa lạc ở Quảng trường Ezbekich và chúng tôi có một số phòng để chịu nhìn ra vườn. Chúng tôi ở lại đó trong nhiều ngày và lời gợi ý mà bà Blavatsky nêu ra cũng có nhiều kết quả, bởi vì bà có thể thu thập được từ ông bà chủ khách sạn hiện nay cũng như một số nhân viên phục vụ trong tòa nhà ấy vài năm có được nhiều chi tiết làm bằng chứng về hạnh kiểm không đáng tin cậy của những người đã lưu ngụ ở đó trước kia.

MỘT HUYNH TRƯỞNG

Chính trong căn phòng của bà Blavatsky ở khách sạn đó mà lần đầu tiên tôi đã thấy một trong những thành viên của Quân Tiên Hội. Trong khi đang ngồi bệt trên sàn cạnh chân

bà để lọc lựa một số tài liệu cho bà, tôi giật mình khi thấy đứng giữa chúng tôi là một người chắc chắn không bước vào qua cửa ra vào, vì lúc nào cửa cũng ở ngay trước mắt tôi và nó chưa được mở ra. Tôi nhảy nhồm lên, thốt ra một tiếng kêu sừng sốt, điều này khiến bà cười ngặt nghẽo và ôn tồn bảo: “Bạn ắt không đi xa được trên con đường Huyền bí học nếu bạn dễ dàng giật mình như vậy trước một chuyện lật vật như thế”. Rồi bà giới thiệu tôi với khách viếng thăm, vị này tỏ ra là đáng bây giờ là Chon sur Djwal Kul, mặc dù vào lúc ấy ngài chưa trải qua cuộc Điem đạo khiến ngài trở thành Chon sur. Xét về nhiều mặt, việc chúng tôi lưu ngụ ở Ai Cập là một trải nghiệm đáng chú ý nhất, vì bà Blavatsky thường xuyên cho chúng tôi biết nhiều điều về khía cạnh nội giới của những gì mà chúng tôi thấy ở đó. Trước kia bà có ở Ai Cập và quen thuộc rất nhiều với một số quan chức bao gồm cả Thủ tướng Nubar Pasha. Ông này rất tử tế, mời tất cả chúng tôi dùng bữa tối. Bà có vẻ cũng quen thân với lãnh sự Nga, ông Hitrovo, ông vô cùng tử tế và quan tâm tới bà, sáng nào cũng gửi cho bà một bó hoa lớn với những đóa hoa dễ thương và xét về mọi mặt đối xử với bà như một mệnh phụ đẳng cấp cao nhất. Lẽ dĩ nhiên bà quả thật như vậy ở xứ sở của chính bà. Bà cũng giới thiệu chúng tôi với ông Maspero, là vị Quản thủ Viện bảo tàng Boulak vào lúc bấy giờ. Tôi còn nhớ đặc biệt chúng tôi đi tham quan hết Viện bảo tàng cùng với nhà quý tộc này và bà Blavatsky đã có thể cung cấp cho ông rất nhiều thông tin đáng chú ý nhất về đủ thứ món quý hiếm đang được ông quản lý.

MỘT NGHI LỄ DỄ SỢ

Chúng tôi chứng kiến nhiều điều kỳ lạ và dĩ nhiên chúng tôi được lợi ích rất nhiều vì có bên mình một người hiểu rất rõ phong tục Đông phương, và có thể giải thích ý nghĩa của nhiều điều mà nếu không có bà thì chúng tôi không thể hiểu được. Tôi nhớ có một ngày chúng tôi nhìn ra ngoài cửa sổ khách sạn thì thấy một số người gọi là tín đồ Hồi giáo tụ tập lại thành vòng tròn trong khu vườn của quăng trường, tất cả đều quay mặt vào bên trong. Sau khi thốt lên một vài lời lầm bầm mào đầu, tất cả những người này bắt đầu trải qua một loại thao tác bạo động phi thường, giơ tay lên trên đầu cao hết mức, uốn người ra phía sau tối đa, rồi lại nghiêng mình về phía trước cho đến khi đầu ngón tay chạm vào mặt đất trước mặt họ. Mỗi khi họ thực hiện sự uốn éo cơ giật ấy thì họ đều đồng thanh hô vang danh xưng của Thượng Đế - “Al-lah-ha!”. Màn trình diễn đáng chú ý này tiếp tục trong khoảng nửa tiếng đồng hồ, thế rồi hoàn toàn đột ngột tất cả lại xoay sang bên trái sao cho mặc dù vẫn còn đứng thành một vòng họ đã người này đứng sau người kia. Rồi mỗi người lại đặt tay lên vai của người trước mặt và họ bắt đầu chạy vòng vòng, tất cả đều đồng thanh sủa như những con chó. Điều này có lẽ tiếp tục trong vòng năm phút, thế rồi một trong những người ấy ngã lăn quay ra khỏi vòng, rớt xuống đất trong một cơn vật lộn khủng khiếp sùi bọt mép. Chỉ ít lâu sau tất cả những người còn lại cũng ở tình trạng giống như vậy và phong cảnh thật là dễ sợ, sau đó không lâu thì hết người này tới người kia có vẻ phục hồi, ngồi phất lên nhìn quanh với một vẻ ngây dại và chẳng bao lâu sau họ giúp nhau đứng lên rồi lảo đảo đi mất. Nhưng cái chuyện lạ thường là ở chỗ mọi người khách đi ngang qua đường phố đông đúc ấy đều coi toàn thể chuyện này là đương nhiên, thậm chí chẳng có ai ngừng lại để quan sát những người ấy chứ đừng nói chi tới việc đề nghị giúp đỡ. Bà Blavatsky bảo chúng tôi rằng, họ thuộc về một giáo phái nào đấy vốn đang thực hành một màn trình diễn như vậy và nhờ vào đó họ tin rằng mình sẽ được nhập xác bởi một vài tinh linh mà trong tình huống đó có thể thu thập được từ đám tinh linh ấy đủ thứ thông tin hữu ích - chẳng hạn như có thể tìm

được một kho báu bị chôn giấu - hoặc họ có thể nhận được những lời khuyên về bất kỳ khó khăn nào mà họ ngẫu nhiên gặp phải. Bà cũng mô tả cho chúng tôi một cách ghê tởm nhất những tinh linh ngũ hành đặc biệt ma quái và gian tà tụ tập xung quanh qua cái nghi lễ dễ sợ ấy.

BÀ BIẾT TIẾNG Ả RẬP

Bà Blavatsky biết tiếng Ả Rập và bà thường làm cho chúng tôi vui vẻ rất nhiều bằng cách giúp cho chúng tôi những lời nhận xét riêng tư của đám thương nhân Ả Rập nghiêm trang và uy nghi khi họ ngồi tán gẫu với nhau ở chợ. Sau khi họ đã có lúc gọi chúng tôi là những con chó Kitô hữu, rồi nói bất kính về người quen thuộc trong nhiều thế hệ của chúng tôi đang mang xác nữ, thì bà nhã nhặn yêu cầu họ xem trong ngôn ngữ của chính họ liệu họ nghĩ ra sao đây có phải là cách thức của đứa con ngoan ngoãn của bậc đạo sư nói về những người mà y hi vọng thu lợi được nhiều qua việc buôn bán. Những người này luôn luôn tỏ ra lúng túng vì không trông mong rằng bất cứ người Âu Tây nào có thể hiểu được mình. Song tiếng Ả Rập dường như là ngôn ngữ Đông Phương duy nhất mà bà quen biết. Bà không biết tiếng Bắc phạt và nhiều khó khăn trong kho thuật ngữ Thông Thiên Học của chúng ta bắt nguồn từ sự kiện vào thời đó bà muốn mô tả điều mà bà nhìn thấy hoặc biết, rồi kê đó hỏi bất cứ người Ấn Độ nào ngẫu nhiên ở gần bà xem y gọi cái đó bằng danh xưng Bắc phạt nào. Rất thường khi nhà quý tộc ấy cung cấp cho bà cái thuật ngữ mà không hiểu rõ lắm bà ngụ ý muốn nói gì; và ngay cả khi hiểu thì ta phải nhớ rằng bà hỏi những tín đồ thuộc các trường phái triết học khác nhau và mỗi người trả lời theo cái sắc thái ý nghĩa được áp dụng cho thuật ngữ này trong giáo huấn của mình.

NHỮNG HIỆN TƯỢNG LẠ

Vào thời kỳ ấy có nhiều hiện tượng kỳ lạ thường xuyên diễn ra xung quanh bà. Trước hết bản thân bà là một điều nổi bật nhất trong mọi hiện tượng lạ vì bà cứ thay đổi liên tục. Có khi chính các Chơn sư mượn xác của bà, nói hoặc viết trực tiếp thông qua bà, cũng có khi chơn ngã của bà đang dần thân nơi nào khác thì một hai đệ tử ở trình độ thấp hơn bà lại mượn xác bà, thậm chí có một số trường hợp có một phụ nữ khác thường phụ trách việc này mà tôi nghĩ đó là một người Tây Tạng. Bản thân tôi thường thấy mọi sự thay đổi này diễn ra và tôi đã chứng kiến cái người mới nhập vào xác bà ngó quanh quất để khám phá ra tình hình sự việc mà y vừa mới xen vào, chẳng hạn như cố gắng bắt kịp mạch lạc của câu chuyện. Thế nhưng cho dù mọi điều đó xảy ra, bà tuyệt nhiên không giống như một đồng tử thông thường theo nghĩa của từ này, vì chủ nhân ông thật sự của thể xác ít nhiều lúc này cũng có đầy đủ ý thức ở trong phạm vi gần đó và hoàn toàn hiểu rõ điều gì đang xảy ra. Những thay đổi kỳ diệu này thỉnh thoảng gây ra những điều phiền phức lạ thường nhất. Người đệ tử đột ngột được kêu gọi mượn xác bà dĩ nhiên chẳng biết gì về điều được nói ra trước đó vài phút, cho nên thỉnh thoảng lại bộc lộ điều có vẻ là trắng trợn nói ngược lại. Tôi còn nhớ một câu chuyện mà sau này một hội viên ở chủ hộ Đường Avenue kể lại cho tôi minh họa những khó khăn mà chúng tôi gặp phải. Người kể chuyện là người có kinh nghiệm về pháp lý và do đó thường là đại biểu thay mặt cho chủ hộ hoặc cho bà Blavatsky khi có bất cứ chuyện gì giao tiếp với các luật sư.

MỘT TRẢI NGHIỆM ĐẶC TRƯNG

Vào một ngày nào đó có xuất hiện một doanh nghiệp giống như thế, tôi không biết bản chất chính xác của nó nhưng nó đòi hỏi bà Blavatsky phải ký nhiều tài liệu. Hội viên của chúng ta đặt những tài liệu này trước mặt bà và với một ý thức trách nhiệm pháp luật chân chính. Y cố gắng giải thích chúng cho bà nhưng bà có vẻ hoàn toàn không hiểu rõ và đẩy đám tài liệu sang bên một cách khá sốt ruột. Sau khi giả định rằng đã có được những chữ ký cần thiết, y rút lui và sắp sửa khởi hành đi lên thị trấn; nhưng vì thấy thời tiết lạnh hơn mức trông đợi cho nên y quyết định mặc một chiếc áo khoác ngoài và chạy lên cầu thang tới phòng mình để lấy áo. Trong khi chuyển tài liệu từ túi này sang túi kia, y máy móc đỡ xem tất cả những gì có trong đó, và may mắn thay y chú ý thấy rằng có một tài liệu chưa được ký. Thế là trên đường xuống cầu thang y rẽ vào phòng bà Blavatsky, một lần nữa y bảo rằng: “Ôi, H. P. B., đây là một tài liệu mà tôi đã bỏ sót, xin bà vui lòng ký vào nó?” Bà Blavatsky hỏi: “Tài liệu gì?” Y đáp: “Chỉ một tài liệu nữa mà bà vừa mới ký cách đây vài phút”. Bà trả lại một cách công phẫn: “Ông muốn nói gì? Tôi đâu có ký tên tài liệu nào”. Người hội viên bối rối phản đối: “Nhưng H. P. B., chúng đây này” và y trải những tài liệu ra trước mặt bà. Bà nói và có vẻ là đã nguôi giận: “Ồ! Tôi hiểu rồi! Nhưng chúng có ý nghĩa gì?” Người bạn của chúng ta lập lại lời giải thích và chẳng những chúng được hiểu đầy đủ lần này, mà lần này bà còn là một doanh nhân giỏi hơn cả hội viên và hỏi y những câu y không thể trả lời được. Chẳng lấy gì làm lạ là những người xa lạ đâu phải lúc nào cũng lĩnh hội được trọn cả tình hình. Tôi nhớ có một dịp mà bà mua tại chợ hương liệu ở Cairo một bình nhỏ xíu chứa tinh dầu hoa hồng để dùng cho phòng thờ phụng ở Adyar và phải trả hai bảng Anh. Khi chúng tôi ngồi ăn trưa ở khách sạn, sau đó nửa tiếng đồng hồ nơi một bàn nhỏ dành cho nhóm chúng tôi ở góc tường thì hai đồng tiền vàng bảng Anh từ trên không rơi xuống bàn và bà Blavatsky giải thích rằng bà được cho biết bà không nên tiêu xài tiền bạc cho các ngài như thế này, vì chúng tôi cần mỗi xu Anh mà mình có được trước khi tới Adyar - đây là một phát biểu chắc chắn là tỏ ra đúng đắn. Vào dịp này hay dịp khác, tôi có chứng kiến nhiều hiện tượng lạ có liên quan mật thiết tới bà Blavatsky. Tôi đã thấy bà phóng hiện những bức tranh và tài liệu viết tay, tôi cũng đã thấy bà dùng thần thông để tìm một vật bị mất. Có nhiều dịp tôi đã thấy những bức thư từ trên không rơi xuống khi có mặt bà, và tôi cũng phải xác nhận rằng tôi đã thấy một bức thư như thế rơi ở Tổng hành dinh Adyar khi bà đang ở nước Anh cách đó 6.000 dặm; và lại nữa, bản thân tôi nhiều lần có đặc quyền được sử dụng để giao những bức thư giống như thế sau khi bà từ trần. Vào buổi ban đầu của Hội thì thường có các thông điệp và giáo huấn của các Chơn sư, chúng tôi sinh hoạt ở một mức nhiệt thành rực rỡ mà những người đã gia nhập Hội từ khi bà qua đời khó lòng có thể tưởng tượng được. Những người trong chúng tôi có đặc quyền vô giá là tiếp xúc trực tiếp với các Chơn sư, tự nhiên là còn giữ lại cái lòng nhiệt thành ấy, nhưng chúng tôi không có quyền năng được như bà cho nên không dễ gì truyền đạt nó cho các hội viên mới gia nhập. Thỉnh thoảng, song le tôi cũng thắc mắc chẳng biết có bao nhiêu hội viên ngày nay thấy mình có thể chịu đựng được sự rèn luyện khá nghiêm khắc nhưng rất hữu hiệu mà bà đặt ra cho các đệ tử; tôi xin chứng nhận một vài sự thay đổi triệt để mà những phương pháp khắc nghiệt của bà tạo ra nơi tôi trong một thời khoản rất ngắn cũng như sự thật là chúng có tác dụng lâu dài! Khi tôi đến gặp bà, tôi chỉ là một cha xứ bình thường biết chơi quần vợt trên sân cỏ, có hảo ý và tôi tin là có lương tâm, nhưng vô cùng rụt rè e thẹn với mọi sự khiếp hãi của người Anh bình thường trước việc muốn cho mình nổi bật lên bằng bất cứ

cách nào hoặc giữ một địa vị lố bịch. Sau vài tuần chịu sự đối xử của bà, tôi đã đạt tới trình độ hoàn toàn chai đá trước sự chế nhạo và tuyệt nhiên không bàn tới việc bất cứ ai nghĩ gì về mình. Tôi ngụ ý điều đó hoàn toàn theo xác nghĩa, không phải là tôi đã học được cách chịu đựng sự bất đồng một cách khắc kỷ bất chấp nỗi đau trong nội tâm, mà là tôi thật sự không màng tới điều người ta suy nghĩ hoặc nói về mình, và quả thật tuyệt nhiên chẳng bao giờ xét tới vấn đề đó. Và tôi chưa bao giờ màng tới nó từ đó trở đi. Tôi thừa nhận rằng phương pháp của bà rất quyết liệt và rõ rệt là khó chịu vào thời ấy, nhưng tính hữu hiệu của nó thì khỏi bàn. Ngoại trừ các Chơn sư Minh triết, tôi chưa bao giờ biết tới ai có quyền năng rõ rệt tỏ ra như thế. Bà chắc chắn là khéo léo không phải theo nghĩa của một học giả bình thường, thế nhưng tôi đã từng nói rằng bà sở hữu một kho kiến thức hiển nhiên là vô tận và phi thường, và đủ thứ đề tài bất ngờ ngoài luồng. Bà là một người làm việc không mệt mỏi từ sáng tinh mơ cho tới đêm khuya; bà trông mong mọi người xung quanh mình cùng chia sẻ lòng nhiệt thành và sự nhẫn nhục tuyệt vời của mình. Bà hoàn toàn tận tụy, sùng tín với Sư phụ và công việc của Ngài, đó là nốt chủ âm của cuộc đời bà và mặc dù giờ đây bà đã khoác lấy một thân xác khác, nhưng nốt chủ âm ấy vẫn trở lên không thay đổi, và nếu bà được lệnh ra khỏi nơi ẩn cư của mình để một lần nữa chịu trách nhiệm về cái Hội mà bà đã sáng lập, thì chúng ta ắt thấy vang lên trong tai mình tiếng kèn hiệu triệu những người bạn cũ và mới của bà sao cho công việc vẫn tiếp tục trải qua suốt mọi thời đại.

CHƯƠNG VII

CHÚNG TÔI DU HÀNH TỚI AN ĐỘ

Việc chúng tôi lưu ngụ lại một cách thú vị ở Cairo đã chấm dứt khi có tin chiếc tàu thủy của chúng tôi là chiếc Navarino của hãng Anh Ấn vào một ngày nào đấy sẽ cập bến Port Said. Tôi được biệt phái tới đó là một loại tiền trạm để thu xếp trước một số tiện nghi đặc biệt cho bà Blavatsky; cùng với những người còn lại trong nhóm nho nhỏ chúng tôi; bà muốn tránh đi đường kênh đào để có thêm ngày giờ ở Cairo và cập bến ở Suez. Tôi đã hoàn thành cái chuyến đi lang thang nhỏ này và tôi thiết tưởng vị Thủ lãnh của chúng ta ắt rất hài lòng với tiện nghi được cung cấp, mặc dù dĩ nhiên nó còn kém xa phương tiện xa xỉ trên những chiếc tàu lớn hiện đại. Chúng tôi được bổ sung hành khách cho đầy tàu và tôi giả định rằng cả hành khách lẫn thuyền viên đều là cái đám đông bình thường mà người ta trông mong gặp gỡ trên bong một chuyến tàu Đông Phương. Thuyền trưởng có lẽ hơi bất thường, vì y là một người rất mộ đạo có đầu óc hẹp hòi theo thanh giáo cho nên tự nhiên là coi bà nghiêm khắc, không đồng ý với bà và có vẻ nhuốm nhiều màu sắc sợ hãi. Thái độ của y đối với nhóm chúng tôi rất dè dặt và lạnh lùng, trong trọn cả chuyến du hành thì không ai trong chúng tôi trao đổi với y nhiều hơn vài lời, song le đám thuyền viên thì dễ chịu hơn và tôi còn nhớ rằng bà Oakley vốn là nhà truyền giáo không mệt mỏi đã kết bạn với thuyền phó thứ ba là ông Wadge và thành công khiến cho ông ta chú ý tới Thông Thiên Học trong một chừng mực nho nhỏ, dù sao đi nữa cũng đủ khiến cho ông đọc một hai quyển sách, đến dự một buổi họp của chúng tôi ở Adyar và tôi thiết tưởng sau này có thư từ qua lại với bà. Trong đám hành khách có nhiều nhà truyền giáo và chỉ trừ một ngoại lệ, thì họ dường như rõ rệt có xu hướng coi chúng tôi là sứ giả của ông Hoàng Bóng Tối. Ngoại lệ này là một mục sư trẻ Wasley tên là Restorick mà tôi thường chơi quần vợt trên bong với ông; tôi thấy ông rất thân thiện và hợp lý phải chăng, sẵn lòng thảo luận một cách cay đắng về đủ loại vấn đề tôn giáo. Còn một loại hình khác hẳn là một nhà truyền giáo đầy tâm huyết nhưng hoàn

toàn vô học, xuất phát từ nước Mỹ tên là Daniel Smith, ông này không giấu giếm sự thật ông đã từng là thợ hồ nhưng vì thấy công việc vất vả quá và công việc dãi nắng dầm mưa gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của mình cho nên theo lời ông Chúa đã gọi ông đi rao giảng phúc âm cho dân ngoại. Có lẽ vì dốt nát cho nên ông thường ưa hung hăng, thường dẫn thân vào những cuộc cãi lý với bà Blavatsky, đây là một nguồn giải trí hấp dẫn cho đám hành khách. Tôi e rằng thủ lĩnh của chúng ta lấy làm khoái trí tình nghịch khi dẫn thân vào cuộc chuyện trò đó, và dẫn dụ ông ta phạm phải những phát biểu không thể có về mặt thần học. Bà biết rõ Kinh thánh nhiều hơn ông, cho nên thường xuyên trích dẫn những đoạn văn bất ngờ và ít ai biết khiến cho ông công phẫn phẫn đối: “Điều đó không có trong Kinh thánh! Tôi đoán chắc rằng nó không có trong Kinh thánh!”. Thế rồi bà Blavatsky quay sang tôi với một vẻ bình thần chết người: “Leadbeater, bạn đi vào phòng tôi lấy cuốn Kinh thánh của tôi ra đây”; thế rồi bà tiến hành làm cho ông ta rối mắt lên với các chương và câu kinh. Có một lần ông ta đại dốt đến nỗi quát lại rằng: “Được thôi! Dù sao đi nữa tôi cũng tin chắc rằng câu này không có trong bản Kinh thánh của tôi!” Nhưng đọt cười phá lên lan tràn khắp thính giả đã cảnh báo ông ta trong tương lai nên tránh một lời quả quyết táo bạo như vậy. Khi chúng tôi băng qua Ấn Độ Dương, thì tôi còn nhớ vào một buổi sáng sớm tôi đang dạo bước trên bong tàu với bà Blavatsky trong buổi bình minh huy hoàng ở vùng nhiệt đới, thì nhà truyền giáo có giá trị ấy lại xuất hiện ngay trên cầu thang, thế là bà ngay tức khắc hoan nghênh ông ta bằng lời lẽ: “Xem này ông Smith! Hãy nhìn quanh mình xem, hãy thưởng thức biển chói sáng bình minh với màu sắc dễ thương. Hãy xem Thiên Chúa của bạn tốt lành xiết bao. Chắc chắn vào một buổi sáng huy hoàng như thế này thì bạn không thể bảo tôi rằng tôi sắp bị đọa hỏa ngục đời đời!” Tôi phải nói công bằng về vị giáo sĩ Daniel khi thừa nhận rằng ông ta đỏ bừng mặt và trông có vẻ rất bối rối, nhưng ông dũng cảm giữ vững lập trường và trả lời rõ rệt là cố gắng: “Được thôi! Tôi xin lỗi bà, nhưng tôi đoán rằng bà sẽ bị đọa hỏa ngục đời đời”. Tự nhiên là nhân cách chói sáng và huy dũng của bà Blavatsky gây ấn tượng cho toàn thể mọi người thuyền viên cũng như hành khách (luôn luôn là ngoại trừ ông thuyền trưởng) và bất cứ khi nào bà tự ý xuất hiện trên bong tàu vào lúc thời tiết tốt, thì ba nhanh chóng tụ tập xung quanh mình một đám đông thính giả quan tâm, hỏi bà nhiều thắc mắc về đủ thứ đề tài và say mê lắng nghe bà kể chuyện mình đã trải nghiệm và phiêu lưu ở những xó xỉnh ngoài luồng trên thế giới. Nhất là vào ban đêm, họ luôn luôn yêu cầu kể chuyện ma quái siêu nhiên, bà kể chuyện hay và sống động, hải hùng thật sự đến nỗi thính giả rung mình thích thú, vừa hồi hộp vừa lo sợ, nhưng tôi chú ý thấy họ rõ rệt có khuynh hướng sau đó tụ tập lại với nhau và chẳng ai dám đi một mình qua hành lang tối om. Tàu Navarino chính xác không phải là tàu đi đại dương, nhưng cuối cùng thì chúng tôi cũng tới Colombo, nơi Đại tá Olcott gặp chúng tôi và giới thiệu tôi với những hội viên lãnh đạo Hội Thông Thiên Học Phật giáo ở đó. Đây là một thế hệ tiên phong những người làm việc và tôi giả định rằng hầu như không có bất kỳ nhà quý tộc Tích lan nào nổi bật trong chúng ta vào lúc ấy mà vẫn còn phát cao ngọn cờ của Hội trên cõi vật lý. Tôi còn nhớ đặc biệt là ông già Mohandiram (một viên chức đô thị quan trọng), ông William de Abrew (cha của ông Peter de Abrew nổi tiếng, vốn làm việc rất trung thành với chúng ta trong biết bao nhiêu năm), ông Don Carolis ở Mutwal, ông J. R. de Silva (vì một lý do nào đó Đại tá Olcott đặt cho ông biệt danh là bác sĩ, mặc dù nghề nghiệp của ông không phải như vậy), ông C. P. Gunawardana (lúc bấy giờ là Thư ký ở Chi nhánh Colombo của chúng ta), ông N. S. Fernando, ông Wijjasekara, ông Hendrik de Silva và những người khác mà bấy giờ tôi cũng chẳng nhớ tên, mặc dù tôi vẫn còn nhớ rõ khuôn mặt của họ. Xét cho cùng thì đã 46 năm rồi, hơn một nửa đời người dài dằng dặc còn gì nữa!

TÔI TRỞ THÀNH PHẬT TỬ

Quan trọng hơn hết là tôi được giới thiệu với vị lãnh tụ và học giả vĩ đại Phật giáo Hikkaduwe Sumangala Thero, Hòa thượng ở Peak và Galle, Hiệu trưởng Trường Tu sĩ Widyodaya - đây là vị lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Nam truyền bác học nhất và được kính trọng nhiều nhất. Và cuộc viếng thăm trước kia ở hòn đảo dễ thương là Tích lan, cả Đại tá Olcott lẫn bà Blavatsky đều công khai tuyên cáo đức tin Phật giáo và đã được chính thức cho gia nhập tôn giáo này, giờ đây bà Blavatsky hỏi tôi xem liệu tôi có sẵn lòng noi gương họ về phương diện ấy không. Bà nhấn mạnh với tôi rằng nếu tôi tiếp theo bước đó thì ấy là bước tiến và trách nhiệm hoàn toàn của chính tôi chứ bà không muốn thuyết phục tôi về vấn đề này; nhưng bà thiết tưởng rằng vì tôi là tu sĩ Kitô giáo cho nên việc công khai chấp nhận một tôn giáo lớn Á Đông ắt tiến xa tới mức thuyết phục cả tín đồ Ấn Giáo lẫn tín đồ Phật giáo về lòng thành của tôi; và điều đó khiến cho tôi có thể hữu ích hơn nhiều khi làm việc cho các Chơn sư trong hàng ngũ tín đồ Ấn giáo và Phật giáo. Tôi trả lời rằng tôi cảm thấy rất tôn kính Đức Phật và toàn tâm toàn ý chấp nhận giáo huấn của Ngài; tôi cảm thấy rất vinh hạnh được đăng ký làm tín đồ của Ngài nếu việc đó không khiến tôi phản bội đức tin Kitô giáo mà tôi đã từng được rửa tội nhập đạo. Bà quả quyết với tôi rằng, không yêu cầu tôi phải chối bỏ Kitô giáo và không có sự tương kỵ nào giữa Phật giáo với Kitô giáo chân chính, mặc dù không một Phật tử sáng suốt nào lại có thể tin vào những tín điều thần học thô thiển mà các nhà truyền giáo thường rao giảng. Bà bảo rằng Phật tử không phải là vấn đề tín điều mà là sinh hoạt; người ta không yêu cầu tôi chấp nhận bất cứ tín điều nào mà phải cố gắng sống theo những huấn điều của Đức Phật. Dĩ nhiên tôi cảm thấy hoàn toàn dễ chịu, cho nên tôi dần xếp để mình được giới thiệu với Hòa thượng cho nhập đạo. Chính cái tước hiệu Hòa thượng ấy là việc gọi không đúng, mặc dù trong đám chúng tôi thường sử dụng tước hiệu này để nói về Sumangala. Nói cho thật chính xác thì một số tước hiệu như thế chẳng hạn như Tu viện trưởng có vẻ gần với sự thật hơn. Thực ra trong Phật giáo không có điều gì giống như tu sĩ, không cần phải hiến tế, không cần phải phụng sự công khai. Các Huynh đệ áo vàng vốn là một đặc điểm thi vị xiết bao trong sinh hoạt của mọi xứ Phật giáo được miêu tả tốt nhất là những tăng sĩ, và điều gần nhất khi họ phụng sự công khai chính cái gọi là truyền giới cho những người có nhu cầu; điều này có nghĩa là họ tụng đọc bằng tiếng Nam phạn công thức thiêng liêng về Tam qui và Ngũ giới mà mọi Phật Tử giả định phải tuân theo trong sinh hoạt, thế rồi thiên hạ ngoan ngoãn lập lại những lời thệ nguyện mà người ta đọc cho họ nghe. Chính việc tuyên đọc cùng cái công thức đó tạo thành nghi lễ thiêng liêng để gia nhập Phật giáo; vì vậy tôi phải lập lại theo vị Hòa thượng công thức đó vào ngày lễ tại vườn của trường học của ông. Nó vốn thẳng thắn và đơn giản nhưng có tầm mức xa rộng. Chúng ta có thể nói rằng nó mở đầu bằng lời tán dương Đức Phật: Con xin tôn kính Đức Thế Tôn, Đấng Thánh thiện, Toàn giác.

TAM QUI

Câu này được lặp lại ba lần, rồi sau đó là Tam qui (Tisarana) thường được gọi là “ba lần qui y”. Tuy nhiên dịch như vậy không tương đương chính xác với từ ngữ Nam phạn, dường như ngụ ý nhiều hơn mức là “hướng dẫn”. Cách dịch gần đúng nhất trong tiếng Anh và ý nghĩa chân chính của tuyên cáo này là như sau: Con xin qui y Phật. Con xin qui y Pháp.

Con xin qui y Tăng. Từ ngữ Dhamma (tiếng Bắc phạn là Dharma) thường được dịch là “pháp”. Thực sự có một ý nghĩa riêng lớn hơn nhiều so với tục ngữ bằng tiếng Anh (law). Đó tuyệt nhiên không phải là một luật lệ hoặc một loạt những điều răn theo qui định của Đức Phật; đó là việc Ngài phát biểu về những định luật phổ quát mà Vũ trụ tồn tại theo đó; vì thế cho nên con người có những bổn phận là một phần của cơ cấu tổ chức hùng mạnh này. Chính theo ý nghĩa ấy mà những thành ngữ nêu trên được Phật tử sử dụng. Khi tuyên cáo Tam qui, Phật tử sẵn sàng chấp nhận Đức Phật là người hướng dẫn và dạy dỗ mình; y tuân theo giáo lý mà Đức Phật đã dạy dỗ và y công nhận dòng tu vĩ đại gồm các tăng sĩ Phật giáo là những người thực hành thuyết giải ý nghĩa của giáo lý. Điều này tuyệt nhiên không hàm ý chấp nhận bất kỳ tăng sĩ đặc thù nào mà chỉ là chấp nhận Dòng tu theo ý nghĩa phổ quát nhất. Y tin rằng sự thuyết giải chỉ chính xác khi được chấp nhận bởi toàn thể tăng sĩ ở mọi lúc mọi nơi - như vậy bám rất sát với lời tuyên bố vĩ đại của Công giáo theo đó ta chỉ nên tin những gì đã được chấp nhận semper, ubique et ab omnibus - ở bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu và bởi bất cứ ai. Nhưng dường như là trong một số trường hợp ít ra cũng có một hàm ý rộng lớn hơn gắn liền với ý tưởng về Tình Huynh Đệ, tạo thành cộng đồng huynh đệ sao cho nó không chỉ bao hàm Dòng tu hiện nay đang tồn tại trên cõi vật lý, mà là trọn cả Dòng tu ngay từ đầu tương ứng với thuyết của Kitô giáo về sự Hiệp thông của các Thánh - có lẽ ngay cả Hiệp thông với chính Quần Tiên Hội nữa.

NGŨ GIỚI

Tiếp ngay sau lời tuyên bố này là Ngũ giới (Pancha Sila), thường được gọi là “Năm Huấn điều được tụng đọc”. Lại nữa “huấn điều” hầu như cũng không đúng, mặc dù ta có thể dùng nó để dịch từ ngữ Sila; “lời thệ nguyện” gần đúng với sự thật hơn mặc dù hầu như không ai cho phép nó được dùng để dịch. Chúng thường được so sánh với Mười điều răn trong Do Thái giáo, nhưng thật ra chúng khác hẳn về tính cách và mặc dù có số lượng ít hơn nhưng lại bao quát hơn nhiều. Ngũ giới như sau: (1) Tôi nguyện không sát sinh. (2) Tôi nguyện không lấy cái gì không phải của mình. (3) Tôi nguyện không tà dâm. (4) Tôi nguyện không vọng ngữ. (5) Tôi nguyện không sử dụng rượu gây say hoặc thuốc ma túy. Hầu như là bất cứ người thông minh nào cũng chịu ấn tượng của nó, theo lời Đại tá Olcott viết: Kẻ nào tuân theo những điều này nghiêm ngặt ắt thoát khỏi mọi nguyên nhân gây ra khốn khổ cho con người, bởi vì nếu chịu khó nghiên cứu lịch sử, chúng ta ắt thấy rằng sự Khốn Khổ của con người bắt nguồn từ một trong những nguyên nhân nêu trên. Minh triết nhìn xa trông rộng của Đức Phật được biểu hiện rành rành nhất qua giới điều thứ nhất, thứ ba và thứ năm, bởi vì sát sinh, tà dâm và dùng rượu hoặc thuốc gây say ít ra cũng là 95% nguyên nhân gây đau khổ cho loài người. Thật thú vị mà lưu ý thấy rằng mỗi một trong những giới điều này tiến xa hơn điều răn tương ứng trong Do Thái giáo. Thay vì được bảo rằng không nên giết người, ta thấy mình được lệnh không sát sinh bất cứ sinh mệnh nào; thay vì được bảo không trộm cắp, chúng ta có giới điều có tầm mức xa rộng hơn là không lấy điều không thuộc về mình, đây rõ ràng là bao hàm cả sự chấp nhận lời khen đúng ra không dành cho ta và còn nhiều trường hợp khác nữa nằm ngoài tầm cái được gọi là trộm cắp. Ta cũng quan sát thấy rằng giới điều thứ ba bao gồm nhiều thứ hơn điều răn thứ bảy của Moise, chẳng những cấm một loại quan hệ bất hợp pháp đặc thù mà còn là mọi loại. Thay vì cấm làm chứng gian trước tòa án, ta được lệnh tránh hoàn toàn nói dối. Tôi thường nghĩ rằng thật là điều tốt nếu mọi xứ sở Âu Mỹ đã chấp nhận giáo huấn của đấng Kitô, nếu thánh Moise theo huyền thoại

bao gồm trong mười điều răn của mình với điều thứ năm của Phật tử là huân lệnh không được uống rượu gây say hoặc hút thuốc ma túy. Mọi vấn đề cốt lõi của ta rất đơn giản hơn nhiều nếu điều răn này được tuân thủ ở Anh và Mỹ giống như nó được tuân thủ ở các nước theo Phật giáo! Đức tin của Phật giáo cũng có điều rất đặc trưng là ở đây không có điều răn “Con không được làm điều này điều kia” - không có mệnh lệnh của một Đấng thiêng liêng hoặc một đạo sư, mà chỉ là lời hứa âm thầm của mỗi người rằng mình sẽ không chọn theo một vài hành động rõ ràng là không đáng mong muốn.

TU VIỆN TRƯỞNG SUMANGALA

Như tôi có nói, thế rồi tới công thức mà tôi phải lập lại theo Hòa thượng Sumangala; đồng thời ngài giải thích ngắn gọn cho tôi về điều đó và hàm ý của nó. Tôi cũng nhớ rằng trước khi thu nhận tôi ngài có hỏi tôi liệu tôi có hiểu rõ cái tôn giáo mà tôi đã được sinh ra. nhập đạo, nêu rõ ràng việc sinh ra như vậy không phải là ngẫu nhiên và tôi phải tin chắc rằng tôi đã học những bài học như thế theo đúng như nó phải dạy cho tôi. Ngay cả cái lần đầu tiên mà tôi có dịp được tiến cử cho ngài thì tôi chịu ấn tượng rất nhiều về tính cao thượng, nhã nhặn và hiển nhiên là công bằng của Hòa thượng; người ta cảm thấy ngay rằng hiện diện trước mắt mình quả thật là một vĩ nhân. Sau này tôi còn biết về ngài nhiều hơn nữa, khi tôi dần thân học tập ở Tích lan trong vài năm, thì tôi luôn luôn thấy ngài bác học, có năng lực và tử tế, chưa kể có một óc hài hước giúp cứu chuộc người khác. Mặc dù trong giai đoạn này thuộc câu chuyện của tôi, đó không phải là giai đoạn mà có lẽ phải hai năm sau mới xảy ra chuyện, nhưng ở chỗ này tôi cũng xin kể thêm một diễn biến nho nhỏ dường như khá đặc trưng đối với ngài. Bởi vì trường Widyodaya không ở cách quá xa so với trạm xe lửa chính lúc đó ở Colombo, và cũng trong tầm viếng thăm của những người khách đi viếng cảnh đổ bộ xuống từ chiếc tàu lớn chở thư, cho nên Hòa thượng có khá nhiều khách viếng thăm người Âu Mỹ, đặc biệt là những người chú ý tới tôn giáo Á Đông đều khiến ngài phải quan tâm. Tôi còn nhớ chẳng hạn như có một dịp, vị giáo sư tiếng Bắc phạn ở một Đại học lớn ở Âu châu xuất hiện trên diễn đàn thì ngài Sumangala vui vẻ hoan nghênh ông bằng một diễn từ chào đón bằng tiếng Bắc phạn, nhưng ngài rất ngạc nhiên khi thấy rằng vị giáo sư học giả ấy không hiểu nổi một từ bằng tiếng Bắc phạn, bởi vì xét theo biểu kiến ông ta chưa bao giờ coi tiếng Bắc phạn là một ngôn ngữ nói. Mặt khác khi ngài Edwin Arnold tới Colombo, ngài được tán dương như một ông hoàng và trong trường hợp đó không có sự thất vọng vì ngài chẳng những có thể hiểu và trân trọng sự hoan nghênh ái hữu dành cho mình mà còn đáp từ bằng một bài tiếng Bắc phạn dài dòng và lưu loát. Diễn biến đặc biệt mà tôi đề cập tới có tính cách hơi khác một chút. Trong trường hợp này thì khách viếng thăm là một nhà khoa học Pháp lỗi lạc, ông đến gặp Tu viện trưởng có lẽ chủ yếu là do tò mò hoặc có lẽ để bày tỏ sự nhã nhặn đối với một người có học mà ông đã từng nghe tiếng ở Âu châu. Nhà quý tộc này nói về triết lý của Đức Phật một cách tôn kính, nhưng phàn nàn sự thật là đôi khi Ngài có phát biểu về những đề tài khoa học mà người ta không thể biện hộ được. Hòa thượng yêu cầu ông đưa ra một ví dụ và người Pháp có trích dẫn một lời khẳng định cho rằng đất dựa trên nước, đến lượt nước dựa trên gió và gió dựa trên không gian trống rỗng. Sumangala lắng nghe một cách lịch sự nhất và bảo rằng dĩ nhiên ông biết rõ những phát minh kỳ diệu của khoa học Âu Mỹ và luôn luôn rất vui mừng học hỏi bất cứ điều gì có thể được. Thế rồi ông hoàn toàn ngây thơ hỏi nhà khoa học xem đâu là những kết luận mới nhất về đề tài này xét theo quan điểm Âu Mỹ. Ông bảo rằng: “Bây giờ nếu chúng ta có thể

đào thẳng xuống dưới chân mình ngay chỗ ta ngồi ở đây, xuyên suốt qua phía bên kia trái đất thì liệu ta ắt tìm thấy gì ở đầu bên kia cái lỗ đó?”. Nhà khoa học suy nghĩ trong một lúc rồi trả lời: “Nếu tính toán một cách thô thiển thì tôi thiết tưởng ta sẽ ra tới Thái Bình Dương”. Tu viện trưởng trả lời một cách rất chú ý: “Đúng vậy, và nếu ta tiếp tục đào xuyên qua đại dương thì liệu kế tiếp ta sẽ tìm thấy gì?” Nhà khoa học trả lời: “Được thôi, dĩ nhiên ta sẽ ra tới tận bầu khí quyển”. Tu viện trưởng hỏi tiếp: “Và nếu ta tiếp tục đi xuyên qua bầu khí quyển ?” Nhà khoa học trả lời: “Được thôi, lúc bấy giờ tự nhiên ta sẽ đi tới không gian liên hành tinh” Sumangala ôn tồn bảo: “Thế thì dường như những kết luận của khoa học hiện đại xét cho cùng không khác bao nhiêu với những kết luận của Đức Phật!”.

ĐẶT CHÂN TỚI MADRAS

Sau một hai ngày ở Colombo, chúng tôi lại tiếp tục du hành trên tàu Navarino và đi thẳng tới Madras, thấy ở đó có một chỗ phình ra nặng nề khó chịu khiến cho việc đổ bộ của chúng tôi rõ rệt là không dễ chịu và thậm chí công việc khá phiêu lưu. Cách đây vài năm về trước, người ta đã dựng nên một cái đê chắn sóng nhưng nó tỏ ra không đủ mạnh để chống lại việc nước biển dâng lên do gió mùa, khiến cho mọi thứ còn lại chỉ là một vài đồng đá rải rác. Vì thế cho nên chúng tôi phải ra khỏi tàu trong những chiếc thuyền không lò thuộc một loại rất bất bình thường. Chúng được kiến tạo bằng những tấm ván dường như không được đóng dính lại với nhau theo kiểu thông thường, mà có thể nói là được dây thừng khâu lại với nhau sao cho hai bên mạn sườn do rất dễ bị bung ra một cách kỳ lạ. Người ta bảo chúng tôi rằng cái phương pháp kiến tạo này khiến cho chúng tôi có thể chống lại tác động của đợt sóng ghê gớm tốt hơn mức nếu chúng quá cứng rắn. Những chiếc thuyền có chiều sâu rất lớn và những người chèo thuyền có những mái chèo dài tụ tập ở một cách nào đó hai bên mạn sườn vốn là chủ yếu của con thuyền, trong khi những người hành khách bất hạnh bị nhồi nhét vào khoảng lõm ở trung tâm sâu bên dưới chân của người chèo thuyền nơi cái ắt là chỗ trước của con thuyền nếu nó có bong. Có lẽ ta phải hiểu rằng việc từ tàu thủy đi xuống một cái thuyền như thế vốn phải lặn nặng nề qua những con đường mở ngõ (bởi vì dĩ nhiên lúc đó không có gì giống như một hải cảng) đòi hỏi người ta phải rất nhanh nhẹn, và quả thật là một thành tích nguy hiểm vì đôi khi con thuyền ở mức nhất thời trên cầu tàu rồi trực tiếp sau đó dưới 20 - 30 bộ Anh vì biển cả rõ ràng là gập ghềnh như núi. Người ta phải nhảy đúng lúc và từng người một thì hành khách đều nhảy được mặc dù rất sợ hãi; hầu hết co cụm lại một cách khó thương và nhục nhã ở dưới đáy thuyền. Hiển nhiên là bà Blavatsky không thể chơi trò thể thao thuộc loại này và phương án duy nhất là cột kỹ lưỡng bà vào một chiếc ghế dựa rồi dùng một cái tời vận chuyển hàng thông thường hạ thấp bà xuống thuyền. Tôi hầu như khỏi cần nói rằng bà không đánh giá cao thao tác này và tôi thiết tưởng rằng ngôn ngữ của bà trong dịp này gây ngạc nhiên khá nhiều ngay cả đối với những thuyền viên chai đá. Tuy nhiên bà cũng được hạ thấp xuống và đón tiếp một cách hoàn toàn an toàn, mặc dù qui trình này đã là không được đàng hoàng lắm, song tôi thiết tưởng một số những người còn lại trong chúng tôi khá ganh tị với bà. Chẳng bao lâu sau tất cả chúng tôi đều xuống thuyền an toàn, ướt sũng, nhưng dù sao cũng không bị thương. Chúng ta phải nhớ rằng bà Blavatsky trở về Ấn Độ để gặp gỡ đương đầu với cả đám những lời buộc tội nói xấu và độc ác nhất mà những nhà truyền giáo Trường Kitô Madras nêu ra chống lại bà. Cái gọi là những nhà truyền giáo này đã tự tin tiên đoán rằng bà chẳng bao giờ có thể trở về để đương đầu với những lời buộc tội đó, vì thế cho nên dân Ấn Độ coi bà là một anh hùng và

thánh tử vì đạo, ngàn người đã ùa xuống tung hô bà như thể nghi lễ dành cho một vị tướng khải hoàn.

CUỘC ĐÓN TIẾP CHÚNG TÔI

Học sinh Trường Pachappa đóng vai trò rất nổi bật trong lễ đón tiếp, xét theo biểu kiến là biểu tình chống lại Trường đối lập Kitô Madras; có thể chính họ chịu trách nhiệm về sự xuất hiện của một đoàn người trình diễn đủ thứ nhạc cụ kỳ quặc của Ấn Độ, mà theo chỗ tôi nhớ thì hầu hết là sáo thổi ngang hoặc thổi dọc, mặc dù cũng có một số trống. Bất cứ ai chịu trách nhiệm về cuộc diễu hành này ắt phạm sai lầm chết người khi gửi đoàn người này ra tận tàu trong cái thuyền masuli khủng khiếp và vì họ bị quăng lên quật xuống ít nhất cũng 20 phút trên thuyền khi biển động trong khi người ta dàn xếp để đưa bà Blavatsky và những hành khách khác lên bờ, cho nên họ hoàn toàn bị mê lả vì say sóng, thay vì tiếp đón người Lãnh đạo bằng thái độ vui vẻ khi ghé dựa của bà được đưa xuống thì họ chỉ biết nằm bò rên rỉ bơ vơ ở đáy thuyền. Chúng tôi được đưa dọc theo một cầu tàu mà chúng tôi chỉ đổ bộ lên đó một cách rất khó khăn - thật vậy, một số thành viên của ban nhạc phải được bạn bè nhắc lên bờ. Dọc theo cầu tàu có một đường xe điện và có một xe cổ lỗ một toa trong hoàn cảnh bình thường được kéo bằng ngựa; nhưng vào khoảng một tá những học sinh nhiệt thành nhất đã bu lấy xe rồi khăng khăng kéo bà lên bờ trong sự hoan hô nồng nhiệt đặc trưng của đám đông. Có cả đám người Âu châu cũng xuống xem đám vui và ngồi trong xe ngựa của mình ở cuối cầu tàu. Tôi thiết tưởng rằng ông bà Oakley cảm thấy mình rõ rệt đang nổi bật và khó chịu. Tôi phải thừa nhận rằng bản thân tôi cũng hơi bối rối, bởi vì toàn thể đám rước ít ra cũng có thể nói là không theo qui ước, nhưng bà Blavatsky đón nhận sự vinh danh này với đầy đủ tư cách coi đó là vấn đề phẩm giá dĩ nhiên và quả thật có vẻ khá thú vị về nó. Còn một nét hài hước thêm vào cho cảnh tượng đó, là ban nhạc bất hạnh vẫn còn tuyệt vọng vì bị say sóng phải xếp hàng trước cái xe và được lệnh đi lùi lại trước nó, chẳng những lúc nào cũng biểu diễn khó khăn mà còn phải cúi đầu hướng về cái xe khi bước đi. Tôi không tìm được lời lẽ để mô tả cái đám rước kỳ diệu ấy; nếu bạn đọc có óc tưởng tượng phong phú thì có lẽ y có thể hình dung ra ban nhạc dững cảm này vẫn còn xanh mét và đi loạng choạng vì say sóng, mà lại bước đi hoặc nói cho đúng hơn là đi loạng choạng về phía sau, thường xuyên cúi đầu sâu xuống nhưng lại cao thượng phất phơ lên một vài nốt nhạc từ đủ thứ nhạc cụ giữa những cơn co giật khó chịu cấp tính; cái đám rước quái đản này đi xuyên qua một đám đông đặc nghệt người hò reo như điên dại, tất cả đều phất cờ và rú lên hết mức. Cái cầu tàu có vẻ rất dài nhưng cuối cùng chúng tôi cũng tới đầu mút ở bờ biển và thấy một số vị Đại vương có thiện cảm đã gửi tới một xe ngựa để đón bà Blavatsky, rồi chờ bà tới Sân đường Pachappa nơi bà được học sinh đọc bài diễn văn chào mừng.

Ở SÂN ĐƯỜNG PACHIAPPA

Chúng tôi chen lấn nhau xuống tận cái bực nơi Đại tá Olcott và bà Blavatsky đã ngồi chễm chệ trong hai chiếc ghế bành có tay dài. Sân đường đặc nghệt người quá mức và tiếng hoan hô ồn ào khiến cho người ta hoàn toàn không thể nói được trong nhiều phút. Dĩ nhiên là chúng tôi được choàng những vòng hoa theo phong tục tử tế và hoa hòe hoa sói của Ấn Độ, và người ta toan tính đọc diễn văn chào mừng mặc dù những đợt hò reo không ai

kèm chế nổi, khiến cho người ta khó lòng theo dõi được nó. Thế rồi Đại tá đứng lên trả lời nhân danh bà Blavatsky và người ta có thể hi vọng rằng diễn từ của ông được phép kết thúc buổi hội, nhưng có nhiều huynh đệ Ấn Độ khác muốn bày tỏ sự đồng cảm của mình và lòng căm phẫn bùng cháy của họ trước sự độc ác tàn bạo của đám người truyền giáo. Người ta khăng khăng đòi hỏi chính bà Blavatsky đáp từ và mặc dù bà thường không nói trước công chúng, nhưng cuối cùng bà cũng đồng ý làm như vậy trong cái dịp đặc biệt này. Tự nhiên là bà Blavatsky được đón tiếp bằng những đợt vỗ tay vang như sấm kéo dài đến nỗi bà phải ngồi xuống trở lại chờ cho đến khi thiên hạ hết vỗ tay. Khi cuối cùng bà được phép ngỏ lời thì bà bắt đầu rất khéo bằng cách bảo rằng bà thật sự xúc động xiết bao trước sự đón tiếp nhiệt thành này, và điều đó cho thấy cái mà bà đã luôn luôn biết đó là nhân dân Ấn Độ không ngoan ngoãn chấp nhận những lời nói xấu hèn hạ, hèn nhát, ghê tởm và cực kỳ đáng khinh bỉ được lưu hành bởi những kẻ không biết nói làm sao. Nhưng ở đây bà dùng những hình dung từ mạnh mẽ đến nỗi Đại tá phải vội vã can thiệp, và bằng cách nào đấy thuyết phục bà ngồi xuống, trong khi ông yêu cầu một hội viên Ấn Độ đưa ra một vài nhận xét. Tôi đặc biệt còn nhớ một diễn từ cực kỳ xuất sắc của một luật gia trẻ, ông Gyanendranath Chakravarti; trước đó tôi không hề có ý niệm gì về sự lưu loát và cách đọc tuyệt vời của diễn giả Ấn Độ có trình độ giáo dục cao. Cuộc họp ở Sân đường Pachiappa có vẻ hầu như là vô tận, nhưng rốt cuộc chúng tôi cũng được phép khởi hành đi Adyar, và lần đầu tiên tôi thoáng thấy được Tổng hành dinh mà sau này tôi biết rất rõ, thậm chí giờ đây đối với tôi còn có vẻ là ngôi nhà có thực hơn bất cứ nơi nào khác trên thế giới. Ở đây dĩ nhiên còn có một buổi đón tiếp khác dành cho bà Blavatsky, và tôi thiết tưởng rằng ngay cả quyết tâm sắt đá của bà cho đến lúc này cũng gần đạt tới giới hạn, vì những người còn lại trong chúng tôi hầu như quá kiệt sức cho nên không thể trân trọng cái cảnh tượng quá kỳ diệu ấy.

CHƯƠNG VIII

CUỐI CÙNG TỚI ADYAR

Tổng hành dinh mà tôi đến đó vào tháng 12 năm 1884, khác hẳn chuỗi dinh thự mà giờ đây du khách đến nhìn thấy khi băng ngang qua Cầu Elphinstone từ phía Madras. Đại tá Olcott đã mua bất động sản này chỉ hai năm trước thời điểm ấy và còn chưa khởi sự hàng loạt cải tạo và mở rộng, chẳng bao lâu sau sẽ biến đổi hoàn toàn như dinh thự này. Lúc bấy giờ bất động sản bao gồm 37 mẫu Anh và căn nhà này thuộc loại hình Anh Ấn thông thường - không lớn, nhưng được xây dựng tử tế và khoáng đảng, hai bên sườn nó có hai khu nhà vườn nhỏ hình bát giác, mỗi khu có hai buồng cùng với khu chuồng ngựa thông thường và khu dinh thự ở ngoài, tuy nhiên được bổ sung bằng một hồ bơi. Tiếc thay chúng tôi không có những hình chụp rõ nét về tòa nhà ấy vào lúc đó, mặc dù có một ảnh in nhỏ được cắt ra từ một tạp chí cũ nào đấy chỉ chụp được một phần, và một số những ảnh chụp các đại hội thời kỳ đầu cũng cho thấy một phần khu dinh thự. Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó thì trên tầng trệt có một sảnh đường trung tâm hình vuông, mỗi bên là hai phòng có tiện nghi. Ở phía sau lưng sảnh đường là một loại tiền phòng, thế rồi lại có một buồng lớn hiển nhiên được dự tính là phòng khách chính yếu, nó chạy hầu hết dọc theo bề dài của dinh thự và mở ra tới tận một sân thượng rộng nhìn ra sông Adyar. Phòng này được dùng làm văn phòng của Thư ký Ghi chép của Hội và Ban quản lý Tạp chí nhà Thông Thiên Học, chúng tôi cũng duy trì ở đó cửa hàng nhỏ bán sách mà hạt nhân của nó đã phát triển thành doanh nghiệp

rộng lớn là Nhà Xuất bản Thông thiên học ngày nay. Theo thông lệ ở Ấn Độ, toàn thể tòa nhà được che phủ bằng một mái che xi măn. Phía trên mái che này khi tòa nhà thuộc quyền sở hữu của Hội thì có một căn phòng lớn (giờ đây chia thành hai phòng ngủ) và trên đường đi xuống cầu thang có một căn phòng nhỏ nơi Damodar sinh sống - đây là một loại chỗ ở riêng có cửa sổ nhìn ra phía Tây hướng về cầu lớn. Bà Blavatsky thoát đầu ở căn phòng lớn trên nóc, nhưng không hoàn toàn thỏa mãn với nó cho nên khi bà vắng mặt đi Âu châu năm 1884 thì người ta dựng lên cho bà một căn phòng khác ở góc Đông Bắc trên nóc; bà tiếp thu chỗ ở của mình nơi phòng này khi chúng tôi tới đó vào cuối năm 1888. Vào lúc ấy Đại tá Olcott sống ở một trong các tòa nhà phụ ở vườn nơi phía Đông tòa nhà chính. Tiến sĩ Franz Hartmann ở trong căn phòng bát giác, còn Đại tá Olcott ở căn phòng hình chữ nhật ngay phía sau phòng nêu trên. Khi chúng tôi từ Âu châu tới Adyar, một hai đêm tôi vinh hạnh được phép ngủ trên ghế trường kỷ trong phòng Đại tá. Tôi còn nhớ vào nửa đêm hôm đó, khi thức dậy tôi thấy một hình bóng người cao cao, tay cầm chiếc đèn lồng đứng bên cạnh giường Đại tá, điều này làm tôi khá ngạc nhiên vì tôi biết rằng cửa đã khóa. Tôi nhòm dậy khỏi giường nhưng khi tôi thấy rằng khách viếng thăm đã đánh thức Đại tá dậy, xét theo biểu kiến thì Đại tá nhận ra khách cho nên tôi an tâm nằm xuống. Sau một vài cuộc chuyện trò đầy tâm huyết thì hình bóng đó đột nhiên biến mất; đây là gợi ý đầu tiên cho tôi biết rằng đó không phải là khách viếng thăm bình thường trên cõi vật lý. Vì Đại tá đã nhòm dậy khỏi giường lại nhanh chóng nằm xuống và tiếp tục ngủ trở lại, cho nên tôi thấy rằng tốt hơn mình cũng làm như thế; nhưng đến buổi sáng thì tôi đánh bạo kính cẩn nói cho Đại tá biết rằng tôi đã nhìn thấy điều gì. Ông cho tôi biết rằng sứ giả là Chon su Djwal Kul - bây giờ là thành viên của Quân Tiên Hội, nhưng vào lúc đó là đệ tử chính yếu phụ tá Chon su Kuthumi - đó cũng chính là đáng mà tôi đã từng nhìn thấy nơi khách sạn Phương Đông ở Cairo, mặc dù trong trường hợp này ánh sáng không đủ mạnh khiến cho tôi có thể nhận ra ngài. Ít lâu sau trong năm, khi bà Blavatsky rời Adyar đi Âu châu thì thể theo nguyện vọng của bà, Đại tá Olcott chiếm dụng căn phòng mới được xây cho bà ở góc của nóc nhà và từ đó trở đi Hội trường ở đó - những thay đổi từ đó trở đi trong tòa nhà Tổng hành dinh có tính cách triệt để đến nỗi khách viếng thăm hiện nay hầu như không thể tái tạo trong trí mình cái tòa nhà xưa kia ra sao và ngay cả những người trong chúng tôi vốn biết rõ nó vào thời kỳ đầu cũng thấy khó mà truy nguyên được những cột mốc xưa cũ.

SẢNH ĐƯỜNG CỦA TỔNG HÀNH DINH

Vào năm sau tức năm 1885, Đại tá Olcott đã tiến hành cuộc cải tạo lớn đầu tiên với mục đích cung cấp một sảnh đường trường tồn, trong đó ta có thể cử hành việc họp Đại hội. Khi tôi đến nơi thì Đại hội năm 1884 sắp sửa khai mạc; nó được cử hành trong cái gọi là pandal, một sảnh đường lớn tạm bợ, có những bức vách và mái bằng lá cây cọ; sảnh đường này có rất nhiều điều bất tiện cũng như phải được chi tiêu hằng đại hội một, cho nên Ủy ban điều hành Hội đã quyết định phê chuẩn việc xây dựng một tòa nhà trường cửu hơn. Theo thông lệ trong Hội Thông Thiên Học thì khó khăn lớn mà chúng tôi phải đương đầu vẫn dài dài là vấn đề tài chính. Ngay cả vào cái thời cách đây rất lâu, việc xây dựng một sảnh đường đáp ứng trọn vẹn mục đích của chúng tôi, cũng phải tiêu tốn mất ít ra là 1000 bảng Anh và số tiền như vậy hầu như không sẵn có. Nhưng sự tài khéo của Đại tá Olcott đáp ứng được cơ hội này; ông nghĩ ra một kế hoạch khiến cho chúng tôi có được một sảnh đường đẹp đẽ và thuận tiện hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu của chúng tôi mà chỉ tiêu tốn mất khoảng một

phần sáu dự toán. Dọc theo mặt tiền của căn nhà - phía trước sảnh đường hình vuông mà ta mô tả trước kia cùng với những căn phòng ở hai bên - có một hàng hiên rộng lớn theo thông lệ Ấn Độ có lẽ dài 100 bộ Anh và rộng 14 bộ Anh. Ở trung tâm cái cổng cho xe đi vào nhà ra đó bên dưới nó có một đường đi dẫn chúng tôi vào tòa nhà. Sàn của hàng hiên này cao hơn mức đường đi chừng vài bộ Anh và Đại tá Olcott tiến hành nâng sàn lên tới mép của cổng vòm rồi mở rộng nó theo cả hai hướng cho đến khi tăng gấp đôi được chiều rộng của hàng hiên. Ông nâng nóc nhà lên chừng sáu bộ Anh, xây một bức tường ở mỗi bên của hàng hiên đã được mở rộng, thế rồi làm một cổng ra vào mới hình vòm và chuyển hướng đường xe chạy để đến đúng vào nó. Bằng cách này ông cung ứng cho chúng tôi một sảnh đường theo hình chữ T - hàng hiên có chiều rộng tăng gấp đôi tạo thành phần băng ngang, còn sảnh đường vuông nguyên thủy với tiền phòng đâm vào đó tạo thành nét đi xuống ở trung tâm. Diễn đàn dành cho diễn giả được đặt ở trung tâm của cái cánh chữ T dài quay mặt vào sảnh đường vuông xưa cũ sao cho diễn giả thấy sảnh đường ở trước mắt mình, còn phần mở rộng mới ở hai bên mình. Trong nhiều năm sảnh đường này được dùng cho chúng tôi họp công khai, người ta giả định rằng nó chứa được 1500 người ngồi thoải mái, nhưng có nhiều dịp người ta đã nhét vào đó tới 2.300 người; và ngay cả lúc bấy giờ có quá nhiều người vẫn phải bị ở ngoài, cho nên cách đây một số năm chúng tôi đã từ bỏ nỗ lực để cho đám đông ngồi thoải mái trong sảnh đường mà lại tiến hành họp công khai ở dưới những nhánh cây đa lớn tại Vườn Blavatsky.

ĐẠI HỘI ĐẦU TIÊN MÀ TÔI DỰ

Người ta có thể tưởng tượng rằng tôi nhiệt thành xiết bao khi bước vào Đại hội Thông Thiên Học đầu tiên - đối với tôi đó là thấy mình cuối cùng cũng ở nơi đất thánh Ấn Độ, xen lẫn với những huynh đệ da đen mà tôi đã từng nghe nói rất nhiều - theo chỗ tôi biết thì bất cứ ai trong đám đó cũng có thể là một đệ tử Chơn sư - tôi thiết tưởng tất cả những người này dù sao đi nữa từ khi còn tấm bé cũng đã học được Kho kiến thức Linh thiêng, cho nên biết về nó nhiều hơn hẳn so với mức những người Âu Mỹ chúng tôi biết được. Tôi hoàn toàn chuẩn bị để thấy điều tốt đẹp nhất nơi mọi người và tận tụy được điều tốt đẹp nhất nơi mọi việc; tôi gặp được sự hoan nghênh tử tế nhất nơi mọi người mà tôi tiếp xúc và vì vậy bản thân tôi vô cùng vui thích. Số lượng và số chủng loại ấn tượng mới mẻ tôi tiếp nhận được lớn đến nỗi tôi bị áp đảo phần nào; thật vậy tôi chỉ còn nhớ mơ hồ những bài thuyết trình được nêu ra cùng với những huynh đệ thuyết trình lúc bấy giờ chưa ai biết tới. Đề tài thảo luận chính yếu là sự đả kích bà Blavatsky một cách đáng xấu hổ hết nói của một số người tự xưng là nhà truyền giáo Kitô - mặc dù không điều gì có thể cực kỳ phi Kitô giáo hơn là cái chiến dịch giả dối và nói xấu mà họ đã bước vào một cách háo hức đầy ác ý. Chẳng bao lâu sau, tôi thấy có quá nhiều sự khác nhau về ý kiến làm cách nào tốt nhất để đương đầu với những lời phỉ báng ghê tởm này. Bản thân bà Blavatsky tràn đầy lòng căm phẫn và rất nôn nóng chống trả lại những lời nói xấu phỉ báng bà. Nhiều bạn bè và người hâm mộ bà toàn tâm toàn ý đồng thuận với bà về điều này; nhưng trong số những hội viên Ấn Độ lỗi lạc nhất cũng có một số lớn thẩm phán, luật sư xuất sắc và chính khách thuộc về đủ thứ giới trong Ấn Độ có qui chế bán độc lập; và tất cả những người này đều nhất tề khuyên bà đừng đi theo một lộ trình như thế. Họ biết rõ sự cực kỳ cay đắng trong tình cảm của người Anh Ấn chống lại Hội Thông Thiên Học, và họ tuyên bố rằng bà Blavatsky hoàn toàn không thể có được công lý và phiên tòa xử ắt không được điều hành theo sự công bằng thông thường.

Bản thân tôi không ở vị thế đưa ra một ý kiến về vấn đề này, cho nên tôi không cần nói thêm nữa về nó ở đây, nhưng tôi xin bạn đọc hãy tham chiếu quyển 3 trong Hồi ký của Đại tá Olcott có từ trang 190-195, trong đó thấy có đầy đủ lý do đưa tới kết luận mà Ủy ban Cố vấn đạt được. Còn một nhận xét khác mà tôi thiết tưởng đã được cân nhắc rất nặng nề trong quyết định này, đó là hoàn toàn không thể ngăn cản kẻ thù nêu ra ở tòa án toàn bộ thắc mắc về sự tồn tại của các Chơn sư, sao cho tên tuổi của các ngài bị phơi bày trước sự thô tục của những kẻ nói xấu táng tận lương tâm, với mục tiêu duy nhất là gây ra càng nhiều đau khổ càng tốt cho những người yêu thương và tin theo các Chơn sư. Người ta cảm thấy rằng một sự bình luận phạm thượng như thế ắt khơi dậy sự khùng khiếp và công phẫn rộng rãi trong đám mọi người Ấn Độ đang hoang, đến nỗi mà tốt hơn nên nhẫn nhục trước bất kỳ số lượng phi báng nào so với việc tác động một luồng dư dấy dễ sợ như thế. Đại tá Olcott (bản thân ông là luật sư) nghiêng ảnh hưởng mạnh mẽ của mình về phía đám người sáng suốt hơn, cho nên cuối cùng bà Blavatsky hết sức miễn cưỡng đồng ý tuân theo quyết định của họ. Nhiều người có tên tuổi nổi bật nhất trong trí nhớ của tôi về Đại hội năm 1884 này, bây giờ đã qua đời và ở đây mà đề cập tới họ thì chỉ là biên tập một danh mục hầu hết đều ít ai biết tới đối với thế hệ các nhà Thông Thiên Học hiện nay. Họ xuất hiện trong quyển Hồi ký của Đại tá Olcott và hình chụp của nhiều người còn được thấy trong một loạt những hồi ký về những người xứng đáng nhất trong Hội Thông Thiên Học đã xuất hiện cách đây vài năm trong Tạp chí nhà Thông Thiên Học cũng như trong tác phẩm đồ sộ của ông C. Jinarajadasa tức là Quyển sách Vàng về Hội Thông Thiên Học. Nhiều người trong số đó có địa vị cao và danh tiếng cao cả, tôi thấy rằng thật vinh hạnh mà được biết họ cho dù là chỉ sơ sài. Thư ký Ghi chép vào thời đó là một thanh niên Mahratta Bà la môn, tên là Damodar Keshud Mavalankar, và theo chỗ tôi còn nhớ thì y và một người Bà la môn nào đó ở phía Nam, là những người thanh niên duy nhất đóng vai trò nổi bật trong công việc, mặc dù có nhiều trăm học viên tham dự những buổi họp công khai. Thanh niên Bà la môn ở phía Nam này là một điều gì đó thật bí mật; tôi biết rằng tên thật của y là M. Krishnamachari, nhưng vào thời kỳ mà tôi đang viết sách thì người ta thường gọi y là Babaji (tức Bawaji) Darbhagiri Nath. Thế mà là một tên gọi miền Bắc chứ không phải miền Nam và dường như khi tham chiếu một trong những quyển sách của ông Sinnett thì quả thật có một Babaji Darbhagiri Nath ở miền Bắc Ấn Độ vốn đóng một vai trò nào đấy trong lịch sử buổi sơ thời của Hội; nhưng ông này chắc chắn không phải là chính cái người mà tôi đã thấy ở Adyar, bởi vì người ta mô tả ông là một người cao lớn lực lưỡng trong khi thanh niên này hầu như là lùn tịt. Lúc bấy giờ y có vẻ tận tụy, sùng tín sâu sắc với bà Blavatsky và khi ít lâu sau bà đi Âu châu thì y cũng là một trong những người hộ tống bà; nhưng về sau y quay sang chống lại bà vì một lý do nào đó mà chẳng ai biết và đã kích bà một cách thô tục nhất. Tôi còn nhớ rằng bà Blavatsky có viết một bức thư cho tôi trong đó bà phàn nàn cay đắng về hành động độc ác và đầy ác ý của y; trên đường bức thư được chuyển tiếp qua bưu điện (thời đó thường như vậy) nó được Chơn sư Kuthumi chú thích vào đó, bảo rằng cái người lùn tịt này đã thất bại. Vì một lý do nào đấy, thanh niên này và Damodar trong Đại hội năm 1884 có mặc một bộ quần áo rất kỳ lạ, chủ yếu gồm một loại áo khoác dài bằng lụa, có gạch chéo đan xen nhau, những đường xéo màu xanh lơ và màu trắng. Tự nhiên là người ta đồn rằng đây là một loại đồng phục được qui định cho các đệ tử Chơn sư. Nhưng kể từ đó trở đi tôi chưa bao giờ thấy ai mặc bộ y phục này.

THĂM VIẾNG MIỀN ĐIỆN

Chẳng bao lâu sau khi Đại hội qua rồi, thì Đại tá Olcott yêu cầu tôi tháp tùng ông đi giới thiệu Thông Thiên Học ở Miền Điện. Tôi tin rằng ông đã nhận được một thông điệp do vua Theebaw mời hoặc dù sao đi nữa gợi ý rằng nhà vua rất tò mò muốn tiếp kiến một người da trắng đã trở thành Phật tử và ông sẽ hoan nghênh cuộc viếng thăm. Vì thế cho nên chúng tôi lên tàu thủy Á châu của hãng Anh Ấn đi Rangoon. Tàu thủy của hãng Anh Ấn vào thời đó không giống như ngày nay và tàu Á Châu chỉ có vận tải 1200 tấn tới 1300 tấn. Vào thời đó thì tàu thủy không chạy thẳng tới Rangoon mà ghé qua Masulipatam, Cocanada, Vizagapatam và Bimlipatam ở chỗ cuối cùng này nó mới chạy thẳng qua vịnh. Thuyền trưởng tàu Á Châu vào thời đó là một bạn học cũ của tôi (chính cái người mà lần đầu tiên tôi nghe nói về bà Blavatsky) và tôi vui mừng có cơ hội được đi tàu với y. Tôi còn nhớ rằng y cho chúng tôi biết cái buồng tốt nhất trên tàu là số 11 và y khuyên chúng tôi hãy đặt chỗ cho bản thân và chúng tôi đã làm như thế.

MỘT SỰ KIỆN NHỎ KỶ DIỆU

Ở đây lại có một ví dụ về hiện tượng lạ vật vĩnh nhưng kỳ lạ vốn có về ám ảnh Đại tá. Việc ông thảo luận với các học giả Ấn Độ đã gây ấn tượng cho ông rất nhiều về tầm quan trọng của con số 7 linh thiêng; kết quả là ông luôn luôn rình mò cơ hội có được con số này nơi đủ thứ vấn đề lặt vặt trong sinh hoạt hàng ngày. Người ta có thể mỉm cười về việc này, coi đó là điều mê tín dị đoan nhỏ vô hại, nhưng sự thật là con số nêu trên quả thật ám ảnh ông một cách bất bình thường nhất. Trong Tạp chí nhà Thông Thiên Học số ra tháng 3 năm 1892, ông có viết về bà Blavatsky như sau: Trong quyển sách của ông Sinnett tôi chú ý có thấy sự trùng hợp là bà đến New York vào ngày mùng 7 tháng 7 năm 1873, nghĩa là vào ngày thứ 7 thuộc tháng thứ 7 của năm sinh thứ 42 của bà ($42=6 \times 7$) và cuộc gặp gỡ của chúng tôi bị trì hoãn cho đến khi tôi đủ 42 tuổi. Ta cũng phải nhận xét rằng bà từ trần vào tháng thứ 7 thuộc năm thứ 17 trong mối quan hệ Thông Thiên Học với chúng ta. Thêm vào điều này còn có sự kiện khác nữa là bà Annie Besant đến xin bà Blavatsky nhận làm hội viên vào tháng thứ 7 thuộc năm thứ 17 sau khi rút cuộc bà không giữ phép thông công của Kitô giáo (khi đó bản thân bà Besant được 42 tuổi) và ở đây chúng ta có một loạt những sự trùng hợp kỳ diệu cần phải nhớ. Chắc chắn tôi sẽ chết vào cái ngày làm gia trọng tính định mệnh của con số 7 trong lịch sử của Hội ta cùng với hai người sáng lập. Lời tiên tri của ông đã được nghiệm đúng vì ông qua đời lúc 7 giờ 17 phút sáng ngày 17 tháng 2 năm 1907. Nhưng như tôi có nói, con số này hoàn toàn ám ảnh ông trong sinh hoạt đời thường một cách rất thú vị. Tôi thường đi du hành với ông và sự thật là ông hầu như không lấy vé xe lửa hoặc thậm chí vé xe điện nếu vé đó không có con số 7; và do một sự may mắn kỳ lạ nào đây nếu chính số 7 không xuất hiện thì những chữ cái của con số ất cộng lại thành 7 hoặc bội số của 7. Trong trường hợp tôi vừa đề cập tới, chúng tôi đặt phòng số 11 và nó đã được ghi đúng vào óc của chúng tôi; nhưng khi chúng tôi xuống tàu vào ngày ra khơi thì anh bạn thuyền trưởng của tôi đến gặp tôi rồi rít xin lỗi vì do một sự nhầm lẫn nào đó phòng số 11 đã được đặt trước hai lần và vì vậy chúng tôi được chuyển sang phòng số 7. Lại nữa, tôi còn nhớ rằng cũng vào chuyến đi ấy, chúng tôi lạc đường mất một ngày khi đi tản bộ ở ngoại ô Rangoon, và chẳng bao lâu sau chúng tôi thấy có một người cảnh sát đứng ở giao lộ của hai con đường, Đại tá nhận xét rằng chúng tôi nên gặp y để hỏi đường. Nhưng khi chúng tôi đến gặp người ấy thì Đại tá thì thào nói với tôi: “Hãy xem con số này”; tôi nhìn vào con số trên

mũ người ấy và bật cười khi thấy đó là số 77. Tôi tuyệt nhiên chẳng biết cái hiện tượng lạ nho nhỏ kỳ diệu này ngụ ý là gì hoặc nó được dàn xếp ra sao; nhưng tôi có thể chắc chắn chứng nhận rằng đó là sự thật; còn Đại tá mặc dù cười nhạo nó, thế nhưng nửa tin nửa ngờ coi đó là dấu hiệu của sự may mắn. Ấy là vì khi chúng tôi nhảy vào một xe điện mang cái con số thần bí ấy hoặc lập đi lập lại số đó thì ông bảo rằng: “À! Bây giờ tôi biết mình đang đi tới chỗ họp suôn sẻ”

SINH HOẠT CỦA CHÚNG TÔI Ở MIỀN ĐIỆN

Trong trường hợp chúng tôi đi Miền Điện thì thật là hấp dẫn, vì rất dễ chịu và việc chúng tôi lưu ngụ ở xứ này đã thành công thú vị. Lúc bấy giờ Rangoon là một đô thị khác hẳn thời nay, hầu như toàn bộ thị trấn này đều bao gồm bằng những căn nhà bằng gỗ. Tôi còn nhớ chúng tôi ở với một ông Moug Htoon Oung nào đấy, ông sống ở chỗ lúc bấy giờ là đỉnh cao của Phố Phayre, và tôi thường đi tản bộ lâu dài xuyên qua rừng rậm tới vùng ngoại ô Kemmendine và Insein, ở một trong những vùng đó tôi có một trải nghiệm kỳ diệu là giáp mặt với một con thú thuộc loại báo, nó nhìn tôi bằng cặp mắt rực lửa dường như kéo dài nhiều phút mặc dù có lẽ thật ra chỉ vào khoảng 30 giây, trước khi nó quyết định rằng tôi vô hại rồi bình an đi con đường riêng của mình. Chúng tôi thấy có nhiều điều thú vị qua việc Đại tá thuyết trình về Phật giáo. Mỗi buổi chiều có một số nhà quý tộc Miền Điện tụ tập ở buồng tiếp khách của chúng tôi và chúng tôi thường thảo luận một cách thoải mái và hữu ích. Tuy nhiên thú vị không chỉ hạn chế vào những người bản địa của nước này. Ở đây cũng có một số dân đáng kể người Tamil và cũng giống như Đại tá, họ có thể nói lưu loát với nhiều thông tin về Phật giáo cho người Miền Điện thì ông cũng nói lưu loát về Ấn giáo đối với số dân người Tamil. Cũng giống như vậy, tôi có nghe ông thuyết trình hàng giờ về Bái hỏa giáo với thánh giả theo đạo này; và vì hoàn toàn hiển nhiên rằng ông tuyệt nhiên không phải là học giả đối với bất kỳ Kinh điển Á Đông nào theo nghĩa bình thường về học giả, cho nên tôi đã có lần hỏi ông làm thế nào mà ông biết tỉ mỉ, song le ông lại có thể xiển dương giáo lý của đủ thứ tín ngưỡng, và trong trường hợp nào ông cũng soi sáng thêm cho chúng tôi với những điều mà chính các giảng sư của từng tín ngưỡng ấy đều không đưa ra. Đại tá trả lời: “Con ơi! dĩ nhiên ta không biết tỉ mỉ về mọi tôn giáo này, nhưng ta có biết Thông Thiên Học và ta thấy rằng nó luôn luôn ăn khớp giải thích được mọi chuyện khi thiên hạ nêu ra đủ thứ vấn đề của mình, ta lắng nghe cẩn thận rồi mới dùng tới óc phân biệt phải trái bình thường của mình”. Tôi có thể chứng nhận chắc chắn rằng kế hoạch này hữu hiệu. Đại tá cũng làm quen với một số nhà quý tộc Âu Mỹ và Âu Á, họ quan tâm sâu sắc tới hiện tượng lạ thuật thôi miên mesmer; và vì bản thân Đại tá lại là một nhà thôi miên mesmer có thần lực, cho nên chẳng bao lâu sau ông có thể hình thành nhóm học viên nhỏ theo đường lối đó. Nhưng ngay khi mọi công việc này đang khuếch trương theo đủ thứ hướng thì có một điện tín của Damodar gửi Đại tá, khẩn khoản kêu gọi ông về ngay tức khắc vì bà Blavatsky đang bị bệnh rất nguy hiểm. Dĩ nhiên ông đáp chuyến tàu thủy kế tiếp đi tới Madras, bỏ tôi lại Rangoon để cố gắng tập hợp đủ thứ yếu tố này lại - nói cho đúng hơn là một nhiệm vụ nghiêm trọng đối với một người lính mới về cái loại công việc đặc thù này. Tuy nhiên tôi đã làm hết sức bình sinh mặc dù tôi e rằng mình hoàn toàn thiếu cái sự nhanh trí và ứng đáp dễ dàng của Đại tá. Khi về tới Madras thì Đại tá thấy bà Blavatsky ở một tình trạng rất nghiêm trọng; quả thật tôi thiết tưởng rằng trong vòng ba bốn ngày ông hoàn toàn không chắc chắn là bà có phục hồi hay chẳng; nhưng vào lúc kết thúc thời gian đó thì Sư phụ bà đến thăm bà,

trong đó Ngài để cho bà được quyền chọn lựa hoặc là cam chịu cái tình trạng yếu đuối khủng khiếp ấy trong một thời gian để làm nốt một phần việc nữa, trước khi cuối cùng vứt bỏ nó hoặc là vứt bỏ nó ngay. Điều này dường như đã xảy ra nhiều lần trong đời sinh hoạt của bà và mỗi khi bà chọn con đường khó khăn hơn thì bà lại tiếp nhận từ Ngài sức mạnh để tiến hành công việc thêm một chút thời gian nữa. Trong trường hợp này, bà trở nên hoàn toàn đột ngột khá hơn, đến nỗi bà sẵn lòng đồng ý để cho Đại tá trở lại Miến Điện sao cho ông trở về trong cùng chuyến tàu thủy đó (cái tàu thủy đã đưa ông về Ấn Độ) tức tàu thủy Á Đông. Tôi hầu như không thể nói gì hơn là rất vui mừng khi đón tiếp ông và nghe nói rằng bà Blavatsky đã phục hồi một cách kỳ diệu. Ông lại tiếp tục công việc một cách nhiệt tình nhất và hình thành ít ra là ba Chi nhánh riêng biệt của Hội Thông Thiên Học Miến Điện: Chi nhánh Shwe Dagon dành cho người Miến Điện nghiên cứu Phật giáo, Hội Thông Thiên Học Rangoon dành cho hội viên người Tamil và Hội Thông Thiên Học Irrawaddy dành cho học viên thôi miên mesmer người Âu Mỹ và Âu Á. Shwe Dagon là một ngôi chùa nguy nga bằng vàng ở trên chỗ lồi ra của những khu đồi ngay bên ngoài thị trấn, và nghe đâu nó có những di tích chẳng những của Đức Phật Thích Ca mà còn của ba vị Phật tiền nhiệm của Ngài trong kiếp này - đó là một mái vòm hình cái chuông rất kỳ diệu vượt cao 370 bộ Anh trên bực nền; bực nền này bản thân nó đã cao 166 bộ Anh vượt trên vùng xung quanh. Toàn thể mái vòm lớn ấy được bao phủ bằng lá vàng thường xuyên được đổi mới sao cho ta có thể tưởng tượng rằng hiệu quả thật là rực rỡ và ngôi chùa ấy là một cột mốc mà đứng ở nhiều dặm xung quanh vẫn nhìn thấy rõ. Bực nền dài 900 bộ Anh, rộng 700 bộ Anh có nhiều đền thờ nhỏ, phòng thờ cúng và nhà nghỉ, trong đó có hàng trăm hình ảnh của Đức Phật được vô số tín đồ trình bày từ năm 588 trước Công Nguyên, khi bắt đầu dựng ngôi chùa này mặc dù người ta cho rằng địa điểm này đã linh thiêng nhiều thế kỷ trước đó. Tôi còn nhớ tác dụng nghệ thuật kỳ diệu diễn ra ngay sau khi mặt trời mọc vào buổi sáng. Đại tá thuyết trình trên bực giảng, bản thân ông đứng trên chóp đỉnh của cầu thang nhỏ còn thính giả ngồi một cách kỳ lạ trên một cái bực nền lớn bằng đá. Lễ phục của người Miến Điện sặc sỡ hơn bất kỳ ai khác trên thế giới và khi ngồi dưới chân Đại tá nhìn ra quan sát thính giả, tôi có thể chỉ so sánh nó được với một cánh đồng lớn gồm những đóa hoa màu rực rỡ nhất, giống như khi người ta nhìn thấy từ trên xe lửa ở Hòa Lan vào cái mùa mà hoa thủy tiên và hoa tulip đang nở rộ. Nhiều năm sau này bản thân tôi cũng thuyết trình trên cái bực giảng ấy, và thậm chí thuyết pháp cho một đám đông người ở đây và lúc nào người ta cũng thấy cái tác dụng kỳ diệu đó. Trong quá trình đàm đạo lâu dài với khách viếng thăm và những người bạn Miến Điện khác - tất cả đều là bậc trưởng lão đóng vai trò quan trọng trong cộng đồng Phật giáo Rangoon - Đại tá đi tới chỗ nghi ngờ rất nghiêm trọng sự khôn ngoan và hữu ích của lời đề nghị viếng thăm của vua Theebaw ở thủ đô Mandalay, vùng Thượng Miến Điện. Trong Hồi Ký của mình Đại tá cho ta biết rằng những cố vấn của chúng tôi bảo rằng vị vua có tính tình rất tồi và tiếc nuối công nhận rằng Vua là một bạo chúa trụy lạc, một con quái vật đầy thói xấu và độc ác. Động cơ thúc đẩy ông ta mời khách viếng thăm chỉ là tò mò muốn tiếp kiến một Phật tử người da trắng chứ không phải nhiệt thành với Phật giáo mà bản thân nhà lãnh đạo hoàn toàn không xứng đáng là một Phật tử gương mẫu. Người ta cũng cho biết rằng cách đối xử ngạo mạn và bất công của vua đối với một vài thương nhân người Anh hầu như nhanh chóng dẫn tới việc bùng nổ chiến tranh, chắc chắn sẽ vô hiệu hóa bất kỳ toàn tính nào du nhập Thông Thiên Học vào lãnh thổ của ông. Thế là Đại tá quyết định hủy bỏ chuyến du hành lên phương Bắc theo lời đề nghị và thay thế vào đó là chuyến du hành đi qua Hạ Miến Điện, Assam và Bengal. Song le ngay cả kế hoạch này cũng không được thực

hiện hóa vào lúc đó, bởi vì chúng tôi bị hồi hải gọi về do có tin bà Blavatsky bị tái phát bệnh ở mức độ đáng báo động.

HAI NHÀ LÃNH ĐẠO TÔN GIÁO

Trước khi đề cập tới chuyến du hành trở về, tôi không quên ghi lại hai cuộc phỏng vấn thú vị. Cuộc phỏng vấn đầu tiên là với Tha-tha-na-baing tức Tu viện trưởng ở Mandalay, một loại Tổng giám mục ở Cantrebury Miến Điện, ông này viếng thăm Rangoon trong lúc chúng tôi lưu ngụ ở đó và cũng tử tế đứng mức để tiếp kiến chúng tôi. Tôi còn nhớ phải ngồi ba tiếng đồng hồ trong một tư thế rất khó chịu và gò bó để tôn kính vị chức sắc Giáo hội này, trong khi ông ta tiến hành thảo luận sôi nổi với Đại tá Olcott về đủ thứ đề tài trong giáo lý Phật giáo. Dĩ nhiên ông không nói được tiếng Anh, do đó mọi câu chuyện trao đổi phải được thông ngôn và thường khó mà đạt được sự thông hiểu lẫn nhau. Tuy nhiên tôi thiết tưởng rằng ông già quý tộc này vốn vô cùng có năng lực và khá đa nghi, rốt cuộc cũng hoàn toàn mãn nguyện rằng chúng tôi quả thật là các Phật tử chân chính! Cuộc phỏng vấn khác cũng diễn ra với một chức sắc Giáo hội, nhưng là người thuộc loại khác hẳn, đó là Giám mục Công giáo La Mã Bigandet rất dịu dàng và thánh thiện, lúc bấy giờ là Giám quản Tông tòa ở Nam Miến Điện. Trong khi giữ chức vụ này lâu dài ở đó, ông đã vô cùng quan tâm tới tôn giáo của nước này và đã viết một cuốn sách đồng cảm rất có giá trị là quyển Huyền thoại về Phật Thích Ca được xuất bản thành hai quyển trong Tủ sách Á Đông của Trubner. Thế là cũng đã cảm thấy chắc chắn rằng khi ghé thăm ông chúng tôi thấy có nhiều điểm chung và không thất vọng. Ông tiếp đón chúng tôi một cách dễ thương nhất, ca ngợi quyển Vấn đáp giáo lý Phật giáo của Đại tá Olcott mà ông bảo rằng không có quyển sách nào về tôn giáo của Phật Thích Ca Mâu Ni lại hữu ích hơn quyển này. Ông nhấn mạnh đoạn chắc với chúng tôi rằng ông không nghi ngờ gì về sự cứu chuộc của những người bạn và người láng giềng Phật tử thuần thành của mình so với sự cứu độ của chính ông và ông đánh giá rất cao tính liêm khiết tự tế và nói chung là đức hạnh của họ. Đại tá chịu ân tượng sâu sắc về ân huệ của ông và vì không quen ứng xử với những người thuộc đẳng cấp giáo sĩ cho nên cứ khăng khăng gọi ông này là “Thượng tọa” thay vì quen gọi là “Ngài!”

HÀNH TRÌNH TRỞ VỀ CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi rời Rangoon trên tàu thủy Himalaya của hãng tàu thủy Anh Ấn, đó là cuộc du hành đáng chú ý nhất. Chúng tôi ắt đã phải khởi hành với những điềm báo tử vì không thuận lợi, bởi hàng ngày khi chúng tôi băng qua Vịnh Bengal thời tiết tốt đẹp thì có một số điều rủi ro kỳ lạ nhỏ nhỏ lại xảy ra cho chúng tôi. Trên bong tàu có một số nhà truyền giáo và thủy thủ ở hầu hết mọi nước đều thừa biết và coi họ là những con chim báo điềm xấu, chắc chắn mang lại nhiều rủi ro sao cho trước khi chúng tôi tới Bimlipatam thì thủy thủ đoàn Laskar đã ở tình trạng khiếp đảm và hầu như sắp nổi loạn. Mới ngày đầu tiên là máy tàu bị hỏng; nhưng vào thời đó nhiều tàu thủy cũng có buồm và tàu chúng tôi biến thành tàu hai buồm, do đó vẫn đi biển như một du thuyền nhiều giờ với tốc độ khoảng hai hải lý một tiếng đồng hồ cho đến khi sửa máy xong. Ngày hôm sau lại có một hành khách trên bong tàu rơi từ trên bong tàu xuống biển, khiến cho tàu phải ngừng lại, thả xuống cứu hộ xuống rồi chạy vòng vòng để vớt hành khách lên. Có một điều kỳ lạ là Đại tá cho chúng tôi biết

rằng năm tháng trước ở Paris có một nhà thần nhãn đã mô tả cảnh tượng này, bảo rằng mình thấy Đại tá đi trên tàu thủy ở một miền xa xôi, có một người rớt từ bong tàu xuống khiến cho tàu phải ngừng lại, thả xuống cứu hộ và tàu thủy cứ chạy vòng vòng. Vì tàu thủy thường không chạy vòng vòng trừ phi la bàn nghiêng ngả, cho nên điều này gây ấn tượng cho Đại tá thật là kỳ lạ, và ông có ghi chép nó cũng chẳng mấy trông mong là linh ảnh này ắt tỏ ra tiên tri được một diễn biến xảy ra gần nửa năm sau ở phía bên kia trái đất. Sau khi cứu được hành khách thì diễn biến này không có hậu quả nghiêm trọng, nhưng thủy thủ đoàn vẫn còn bắt đầu cẩn thận và sự căng thẳng thần kinh của họ gia tăng một cách đáng tha thứ khi kể đó người ta phát hiện thấy một ngọn lửa không ai giải thích được cháy bùng trong chỗ chứa hàng hóa. Chẳng bao lâu sau lửa bị dập tắt mà không thiệt hại bao nhiêu, nhưng cảm giác bất ổn vẫn tiếp tục và nó đạt tới đỉnh vào ngày hôm sau nữa khi có trường hợp đậu mùa được tuyên bố trong đám hành khách đi vé hạng chót. Có lẽ cũng đúng lúc chúng tôi thấy bờ biển Ấn Độ vào tờ mờ sáng ngày hôm sau, thì mới không còn dịp nào để một cơn bất hạnh khác giáng xuống đầu chúng tôi.

CHƯƠNG IX

BẤT ỔN Ở ADYAR

Khi chúng tôi tới Adyar thì thấy tình hình ở đó hoàn toàn không thỏa đáng. Tổng hành dinh tuyệt nhiên không phải là bên đậu để nghỉ ngơi an bình, mà thay vào đó là bầu không khí đầy nghi kỵ và không yên. Bất chấp Nghị quyết của Đại hội, đám giữ nhà vẫn chia rẽ nhau về vấn đề liệu bà Blavatsky có nên kiện đám truyền giáo về tội nói xấu phi báng chẳng. Có nhiều người chủ trương rằng chỉ bằng một vụ kiện thành công thì bà mới có thể tái lập được địa vị mình trước mắt thế giới; bản thân bà hầu như không có khuynh hướng bất đồng ý kiến với họ, còn những người khác lại thấy rằng một lộ trình như thế chỉ dẫn tới thảm họa. Vào lúc đó, yếu tố Âu Mỹ ở Tổng hành dinh rất bất mãn với việc Đại tá Olcott điều hành công việc của Hội, và mong muốn ông bàn giao việc kiểm soát Hội cho một Ủy ban bao gồm những người mà nếu tôi nhớ không lầm thì trong số đó có một nhà quý tộc người Ấn Độ. Đối với cá nhân tôi thì đây có vẻ là một gợi ý bất công quái gở và tôi từ chối không tham gia vào bất cứ sự bạo động nào, và tự nhiên là cũng đủ cho Đại tá Olcott không cảm thấy rằng mình có thể bàn giao trách nhiệm Hội trưởng cho những kẻ bất mãn. Trong khi Đại tá vắng mặt thì những người này đã miễn cưỡng đồng ý nửa vời với kế hoạch của bà Blavatsky khi bà quá đau bệnh, cho nên không hiểu đầy đủ tầm cỡ gợi ý của họ. Họ đã báo động với bà bằng những lời tiên tri kiểu sấm truyền Cassandra về sự tan rã và sụp đổ ngay trước mắt của Hội nếu người ta không chọn theo phương thuốc của họ ngay tức khắc. Nhưng ngay khi bà phục hồi và Đại tá Olcott giải thích cho bà ý đồ đầy đủ trong yêu sách khiêm tốn của họ, thì bà ngay tức khắc rút lại việc miễn cưỡng đồng ý và hăng hái chối bỏ âm mưu đó.

BÀ BLAVATSKY LÊN ĐƯỜNG

Trong tình huống thường xuyên bị quấy rối bởi đủ thứ chuyện phức tạp, bà Blavatsky có vẻ hoàn toàn không thể phục hồi sức khỏe và cơn nguy cấp do cái chuỗi liên tục quấy

phá áy lớn đến nỗi bác sĩ của bà thẳng thừng tuyên bố rằng, chẳng bao lâu nữa bệnh bà sẽ chuyển sang giai đoạn tử vong nếu bà không hoàn toàn thoát khỏi môi trường xung quanh hiện nay. Chúng tôi hết sức khó khăn mới cuối cùng thuyết phục được bà tạm thời đồng ý đi cư ngụ ở Âu châu và vào khoảng cuối tháng ba bà thực sự ra đi trên tàu thủy Tibre được hộ tống bởi bác sĩ Franz Hartmann, Cô Mary Flynn, và kẻ tự xưng là Babaji Darbagiri Nath. Damodar Keshub Mavalanka đã rời Adyar vào ngày 23 tháng 2 trước khi chúng tôi từ Miến Điện trở về, và giờ đây khi nhóm người Âu Mỹ đòi hỏi được không chế đã thất bại thì họ cũng nhanh chóng rời Adyar, và Tổng hành dinh ở Ayar có vẻ trống rỗng vì mọi người đã di tản hết. Không lâu sau đó Đại tá Olcott cũng ra đi với một trong những cuộc du hành thường xuyên; nhưng trước khi đi ông đề nghị tôi chọn lựa hai đường lối làm việc: một là tôi xuống tận Galle và đảm nhiệm Trường Thông Thiên Học mới được thành lập gần đây ở đó, hai là tôi ở lại Tổng hành dinh giữ địa vị Thư ký Ghi chép của Hội. Tôi chọn phương án thứ nhì, chủ yếu vì nó để cho tôi vẫn ở lại trung tâm của phong trào nơi tôi biết rằng các Chơn sư thường trình hiện dưới dạng hiện hình. Mặc dù chức Thư ký Ghi chép được trông mong là cũng thực thi chức năng quản lý Văn phòng Tạp chí nhà Thông Thiên Học cùng với những công việc về sách vở, nhưng vào thời sơ khai thì công việc này vẫn còn nhẹ nhất. Tôi làm hết sức bình sinh nhưng e rằng mình không thành công rực rỡ về bất kỳ năng lực nào, bởi vì tôi hoàn toàn thiếu kinh nghiệm về vấn đề kinh doanh và ít có ý niệm về việc sách nào bán chạy hoặc bán không chạy. Người tiền nhiệm của tôi là Damodar như nêu trên, và trong khi tôi chẳng biết bao nhiêu về kinh doanh thì tôi thiết tưởng y thậm chí còn biết ít hơn tôi nữa, vì tôi thấy mọi thứ liên quan tới văn phòng này đều ở tình trạng hỗn độn, những bức thư chưa được trả lời thậm chí chưa được mở ra xem chất đóng trên sàn nhà. Tôi thiết tưởng sự thật là Damodar sinh hoạt hoàn toàn trên các cõi cao đến nỗi y thực ra không có thời gian dành cho cõi vật lý, và tôi tưởng tượng rằng y thậm chí còn rất ghê tởm cõi này nữa. Y viết những bài báo và những bức thư rất hùng hồn và cần mẫn không mệt mỏi, còn những cân nhắc chuyện trần tục như việc điền vào đơn đặt hàng sách và công nhận sự thuê bao đơn giản là không lọt vào tư tưởng của y. Thời đó văn phòng của chúng tôi là một phòng dài ở trung tâm, có một hàng hiên rộng lớn nhìn ra sông, đối diện với bức nền và quay ra những pho tượng của các vị sáng lập. Giờ đây, nó được dùng làm một phòng đọc sách phụ trợ cho thư viện.

CÁC CHƠN SƯ HIỆN HÌNH

Bây giờ tôi nói ngay về việc các Chơn sư của chúng ta thỉnh thoảng có hiện hình trong những ngày ấy. Cần nhớ rằng vào lúc đó không có ai trong chúng tôi, trừ chính bà Blavatsky (và Damodar có một mức độ nào đó) đã phát triển thần nhãn thể vĩa khi vẫn thức tỉnh trong thể xác. Không có bất kỳ người nào khác có thể mang sự liên lạc xuyên qua từ những cõi cao hơn với sự tin tưởng thật tuyệt đối. Vì thế khi các Chơn sư của chúng tôi muốn chuyển tải bất cứ điều gì rõ ràng cho chúng tôi, các Ngài đều biểu hiện qua bà Blavatsky để viết hoặc như một lá thư được gửi bằng hiện tượng phép lạ hoặc chính các Ngài biểu lộ trong hình thức hiện hình và nói thành lời. Đó là một hình thức hiện hình mà lần đầu tiên tôi thấy cả hai vị Chơn sư đã tham gia gần gũi nhất với Hội Thông Thiên Học. Chơn sư của tôi mà bây giờ chúng ta biết Ngài là Đức Đế quân Kuthumi, tôi gặp Ngài lần đầu (trong cõi trần) ở phần mái nhà hình vuông, bên ngoài cửa phòng Hội trường chúng ta, lúc đó là nơi trú ngụ của bà Blavatsky. Từ khi có những phần phụ thêm vào đã làm thay đổi

nhều vẻ bên ngoài của mái nhà đến nỗi rằng hiện nay không dễ dàng theo dõi đúng những đường nét của tòa nhà cổ; nhưng nơi đó vào lúc ấy có một cái gì đại loại như lan can chạy dọc theo phía trước ngôi nhà ở rìa mái nhà, và tôi tình cờ nhìn về phía khi Chon sư hiện hình với chính hành động bước đi trên hàng lan can đó, mặc dù trước tiên Ngài đã bỗng bèn xuyên qua lớp không khí. Dĩ nhiên tôi chạy nhanh về phía trước và cúi mình nằm úp sấp trước mặt Ngài; Ngài nâng tôi lên với nụ cười khả ái, mặc dù Ngài nói rằng sự biểu lộ như thế để tỏ lòng tôn kính là phong tục của dân Ấn, Ngài không trông mong nơi những người mộ đạo Âu châu và Ngài nghĩ rằng có lẽ nên ít có về bất cứ tình cảm ngưỡng ngùng nào nếu mỗi quốc gia tự hạn chế về phương pháp chào hỏi riêng. Còn lần đầu tiên tôi được hân hạnh nhìn thấy Chon sư Morya là vào một trong những dịp mà tôi chỉ có liên quan thôi khi Ngài đến thăm bà Blavatsky và ban cho bà sự phục hồi sức khỏe để chịu đựng gánh nặng công việc gian khổ của bà. Những người quen thuộc với sự sắp xếp thành hình thể đặc biệt của phòng Hội trưởng khi họ đến ở vào năm 1885 sẽ hiểu ý nghĩa khi tôi nói rằng ba người trong chúng tôi gồm một phụ nữ Âu châu, một huynh trưởng Ấn độ lỗi lạc và tôi – chúng tôi ngồi trong phòng khách vốn do phòng ngủ của bà Blavatsky được phân nhánh ở một góc phải. (Phòng vuông hiện nay vị Hội trưởng chúng ta ở chưa được thêm vào lúc ấy). Người phụ nữ ngồi trên một cái đệm ngay phía bên phải cửa ra vào, dựa vào tay vịn lan can để bảo vệ cầu thang chạy dài xuống phòng tắm phía dưới. Huynh trưởng Ấn độ và tôi ngồi trên sàn nhà ở góc đối diện của phòng khách nhỏ, lưng dựa vào bờ rìa ghế dài, dựng ngay bên phải cửa cái dẫn ra phòng ngủ của bà Blavatsky.

MỘT SỰ THAY ĐỔI NHIỆM MÀU

Nhà sáng lập của chúng tôi, chính bà nằm trên giường trong tình trạng đau yếu cực kỳ, nhưng bà vừa đắm chìm trong giấc ngủ, vì thế người phụ nữ đang chăm sóc nghĩ rằng cần dành một ít thời gian để thư giãn và đã ra ngoài phòng ngồi với chúng tôi. Bà đã buồn rầu mô tả cho chúng tôi về sự đau yếu nghiêm trọng của bà Blavatsky khi bà ấy thỉnh linh tự trách mình và nói: “Ai có thể làm điều đó?”, tất cả chúng tôi đều nghe một bước đi chắc chắn, nhanh lẹ tiến tới gần và rời mái nhà mở toang phía bên ngoài phòng ngủ. Những bước chân đi xuống từ trên cao lướt nhanh qua trước cửa sổ đối diện chúng tôi khi chúng tôi đang ngồi, và rồi – Chon sư Morya đi vào phòng, nhưng người phụ nữ không nhìn thấy Ngài, vì khi Ngài bước vào, sự giật mình còn để lại trên gương mặt bà và bà chìm đắm trở lại trên chiếc đệm dường như đang trong giấc ngủ. Huynh người Ấn và tôi bật dậy trên đôi chân và chúng tôi cúi rạp mình nằm sấp xuống, nhưng Chon sư Morya đi nhanh ngang qua chúng tôi với một nụ cười rạng rỡ và Ngài vẫy tay ban ân huệ về phía phòng ngủ của bà Blavatsky. Chúng tôi nghe sự than thở của bà, vài lời của Ngài nói và rồi vài lời yêu cầu bà, và trong ít phút Ngài xuất hiện lại, cũng với bước đi nhanh lẹ, mỉm cười thấu hiểu sự chào đón của chúng tôi và đi qua làn nửa bằng lối đi mà Ngài đã đến. Chỉ ngay sau khi Ngài đã rời khỏi phòng, người phụ nữ ngồi bật dậy từ góc phòng của mình với lời than: “Ôi, người ấy là ai?” Trước khi chúng tôi có bất cứ thời gian nào để bàn bạc vấn đề, sự chú ý của chúng tôi bị xao lãng bởi tiếng kêu người y tá từ nơi bà Blavatsky trong giọng điệu lớn đến ngạc nhiên và chắc nịch: “Quần áo tôi đâu? Tôi muốn mặc quần áo”. Bà y tá nhìn chúng tôi một cách thất vọng (vì bác sĩ đã yêu cầu phải tuyệt đối nghỉ ngơi) nhưng bà Blavatsky lại rất ư là “một người phải nghe lời”, và dĩ nhiên người ta mặc quần áo cho bà theo cách phù hợp để cho bà trông giống như chính bà ngày cũ. Chon sư lúc đó đã hỏi bà liệu bà có thể từ trần được chưa

– bà rất gần tới mức qua đời và bà đang đau đớn khủng khiếp – hoặc là liệu bà nên giữ xác thân vật chất thêm vài năm nữa, để viết cho xong bộ sách vĩ đại Giáo Lý Bí Truyền. Bà đã chọn lựa sự ở lại. Tôi không nghĩ mình quá đáng khi nói rằng từ lúc này trở đi, hiếm khi bà có được một giờ thoát khỏi cơn đau đớn, nhưng bà phải chiến đấu đè nén nỗi đau xuống một cách tuyệt vời. Bà đã viết sách và đó là điều bà phải lưu lại như một đài tưởng niệm sẽ phải đứng vững qua mọi thời đại. Tôi nghĩ bà không bao giờ có thể lãng quên trong khi làm việc đó và những quyển sách khác của bà còn lưu lại sẽ nói về bà và cho bà.

MỘT SINH HOẠT TRONG CÔ TỊCH

Như tôi đã nói, khi Đại tá Olcott lìa bỏ chúng tôi trên đường du hành, còn lại Adyar trông vắng; và bất hạnh thay ngân sách cũng cùng tình trạng trông không, vì thế số ít người trong chúng tôi ở lại được chỉ thị phải tuân thủ sự tiết kiệm nghiêm ngặt nhất. Ông Cooper–Oakley và tôi là những người Âu châu duy nhất đã ở lại một thời gian lâu và bởi vì ông sống trên tầng sát mái nhà nơi một trong những phòng xa hơn (sau đó một bác sĩ người Anh trú ngụ) và tôi thì ở trong phòng hình bát giác phía Đông, tôi hầu như không biết gì về ông, ngoại trừ một sự chào hỏi, thăm viếng ngắn ngủi vào buổi sáng hằng ngày. Chúng tôi sống một cuộc đời hoàn toàn khổ hạnh, không người giúp việc thực sự, ngoại trừ hai người làm vườn và Manikam, một cậu bé để sai vặt. Tôi hoàn toàn không biết chắc ông Oakley xoay sở để thu xếp công việc nhà như thế nào; vì chính tôi mỗi buổi sáng khi thức dậy, tôi đặt vào chiếc chảo một lượng lớn món bột mì nghiền nát, ráng sắp xếp không để nó cháy khét. Kế đến tôi đi bơi ở sông Adyar (vào những ngày đó sông rất trong lành) khoảng nửa giờ hoặc hơn và rồi quay về tìm món bột mì tôi nấu ngon lành. Sau đó cậu bé giúp việc đã nói trên đây, dắt con bò đi quanh mái hiên chỗ tôi và vắt sữa vào đúng nơi chiếc bình riêng của tôi; cậu cũng mang một mớ chuối từ trong Trang trại đến cho tôi khi có bất kỳ trái cây nào. Thế là tôi tiêu thụ phân nửa bột mì, để dành lại một nửa kia cho bữa ăn thứ nhì vào khoảng bốn giờ chiều hay lúc con bò đến đi loanh quanh, và rồi tôi hâm nóng bột mì trong vài phút, dùng bữa ngay sau đó một cách xa xỉ. Ngân sách Adyar có lẽ vào thời kỳ đó ắt là đơn giản hơn mức từ trước đến nay!

DIỄN BIẾN PHÁT TRIỂN BẤT NGỜ

Cần phải hiểu rằng trong thời gian đó tôi không có được khả năng linh thị và cũng chẳng bao giờ tự cho rằng mình có được sự nhạy cảm nào. Tôi nhớ lại đã có niềm tin vững chắc rằng một người phải được sinh ra với vài khả năng tâm linh và một cơ thể nhạy cảm trước khi y có thể làm bất cứ việc gì để phát triển được trong chiều hướng đó, vì thế tôi không bao giờ nghĩ rằng sự phát triển như vậy có thể đến với tôi trong kiếp này. Tuy nhiên tôi có vài hi vọng rằng, nếu trong kiếp này tôi có những hoạt động tốt lành thì được biết có thể tôi sẽ được sinh ra ở kiếp tới với các khí thể phù hợp hơn theo hướng phát triển đặc biệt đó. Tuy vậy, một ngày nọ khi Chơn sư Kuthumi, trong một cuộc viếng thăm, đã đem vinh hạnh đến cho tôi; Ngài hỏi tôi có khi nào đã áp dụng một vài cách tham thiền liên quan đến sự phát triển một năng lực thần bí gọi là luồng hỏa hầu (kundalini) chưa? Dĩ nhiên là tôi có nghe nói đến năng lực ấy nhưng sự hiểu biết rất thô thiển và với bất cứ giá nào tôi cũng cho rằng nó tuyệt đối vượt quá khả năng của người phương Tây. Tuy nhiên Ngài đề nghị tôi hãy

cố gắng theo một chiều hướng nào đó mà Ngài căn dặn tôi không được tiết lộ cho bất kỳ ai ngoại trừ khi Ngài trực tiếp cho phép, và Ngài nói với tôi sẽ đích thân quan sát sự nỗ lực đó để không một nguy hiểm nào xảy ra. Đương nhiên là tôi vâng lời và trong sự làm việc đều đặn, mà tôi nghĩ tôi có thể nói là một cách mãnh liệt, với phương pháp tham thiền đặc biệt ấy ngày này qua ngày khác. Tôi phải thừa nhận rằng công việc rất cực nhọc và đôi khi lại rõ ràng là đau đớn nữa, nhưng dĩ nhiên tôi vẫn kiên trì, và cuối cùng thì bắt đầu đạt được những kết quả mà tôi đã từng mong ước. Vài đường vận hà cần phải khai thông và vài vách ngăn cần phá bỏ; tôi được cho biết 40 ngày là con số ước lượng hợp lý của thời hạn trung bình để đạt kết quả nếu sự cố gắng thật sự mãnh liệt và kiên trì. Tôi đã nỗ lực đến 42 ngày và cảm thấy mình sắp đến mức thành công cuối cùng, thì đích thân Chơn sư đến can thiệp giúp tôi vượt qua giai đoạn chót để hoàn tất công phu. Nó cho phép tôi sử dụng được khả năng linh thị cõi Trung giới trong lúc vẫn giữ tâm thức hoàn toàn thức tỉnh ở xác thân – sự việc ấy cũng cùng ý nghĩa khi cho rằng tâm thức và trí nhớ cõi Trung giới vẫn liên tục hoạt động dù xác thân tỉnh thức hay ngủ nghỉ. Tôi được cho biết rằng với khả năng riêng của mình, tôi có thể vượt qua giai đoạn cuối lâu hơn 24 giờ, nhưng Chơn sư đã can thiệp vì Ngài muốn sử dụng tôi ngay trong một vài công việc nào đó.

RÈN LUYỆN THÀNH THÔNG

Tuy nhiên ta không thể nào nghĩ rằng sự đạt tới khả năng đặc biệt này là đã kết thúc việc huấn luyện huyền môn. Trái lại, đó chỉ là mới khởi đầu của một năm cố gắng làm việc khó nhọc nhất mà tôi chưa bao giờ được biết. Các bạn cũng hiểu là tôi sống nơi đây, trong căn phòng hình bát giác cạnh bờ sông, mỗi ngày trong cô đơn, trải qua nhiều giờ dài dằng dặc và hầu như được giữ an toàn đối với mọi sự quấy rầy, ngoại trừ giờ cơm mà tôi đã đề cập. Vài vị Chơn sư ưu ái đến thăm tôi trong thời gian đó và khuyên nhủ tôi đôi lời; nhưng chính Chơn sư Djwal Kul dạy tôi nhiều giáo huấn quan trọng nhất. Có lẽ lý do chính của sự ưu ái ấy là vì tôi đã có sự hợp tác khá chặt chẽ với Ngài trong kiếp trước, khi tôi được học với Ngài ở đạo viện Pythagore do Ngài sáng lập tại Athens và thậm chí tôi còn được vinh dự điều khiển đạo viện ấy khi Ngài qua đời. Tôi thật không biết phải làm gì để tạ ơn Ngài vì công lao chăm sóc to lớn cùng với những khó khăn mà Ngài phải chịu để huấn luyện tâm linh cho tôi; luôn kiên trì và lập đi lập lại nhiều lần, Ngài tạo ra hình tư tưởng sống động và hỏi tôi: “Anh thấy gì? Và khi tôi cố gắng mô tả với khả năng tối đa của mình thì lời phê bình sau đây được lập lại nhiều lần: - “Không, không phải, anh thấy không đúng, anh thấy chưa trọn vẹn, hãy đào sâu hơn trong anh, hãy dùng khả năng linh thị của cõi trí cũng như của cõi trung giới, hãy tiến xa hơn chút nữa, cao hơn chút nữa”. Phương thức ấy luôn luôn được lập lại nhiều lần trước khi Ngài hài lòng. Sinh viên huyền môn phải được thử nghiệm bằng mọi cách và dưới mọi điều kiện có thể tưởng tượng được; thực vậy, vào giai đoạn cuối, các tinh linh được đặc biệt gọi đến và nhận chỉ thị bằng mọi cố gắng làm cho sinh viên bối rối hay lầm lẫn. Và không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một công việc hết sức khó nhọc và áp lực tinh thần thật tối đa mà một con người tuyệt vời có thể đủ khả năng chịu đựng một cách an toàn. Nhưng kết quả đạt được thật hết sức xứng đáng, vì nó dẫn đường trực tiếp đến sự phối hợp giữa chơn nhọn và phàm nhọn, đồng thời tạo sự hiểu biết hoàn toàn chắc chắn dựa trên thực nghiệm mà không gì có thể lung lạc được trong tương lai. Nơi cõi trần, nhà trí thức lỗi lạc Ấn độ Swami T. Subba Rao thường cho tôi vinh dự lái xe đến Tổng Hành Dinh để tham dự vào việc giảng dạy và kiểm chứng; tôi cảm nhận rằng không bao giờ có thể hiểu

hết công ơn cùng mọi sự giúp đỡ mà hai vị cao cả dành cho tôi trong giai đoạn quyết định của đời mình. Một khi con đường đạo mở ra như thế thì khả năng phát triển không ngừng và tôi nghĩ tôi có thể nói không sợ bất kỳ sự phóng đại nào rằng không ngày nào trôi qua trong 45 năm kể từ đó mà tôi không học được vài sự kiện mới mẻ. Môn yoga của người Sơ cơ, cũng như tất cả mọi yoga khác là một sự hướng thượng kiên trì tiến đến sự hợp nhất với Thượng Đế mãi mãi vươn cao, và ở các mức độ thấp hơn, một người phải hoạt động với tâm thức kiên trì hướng thượng từ cảnh này đến cảnh kia của cõi giới Bồ đề rồi sau đó, xuyên qua cõi Niết bàn và thậm chí ngoài tất cả mọi điều đó, còn có cõi khác và vô số cõi giới vẫn cần được chinh phục vì Quyền Năng, Minh Triết và Bác Ái của Đấng Vô Cùng là những châu báu vô giá của tôi hầu như người ta có thể thám hiểm ngày càng thâm sâu mà không hề cạn kiệt khả năng của chính mình; không những thế, đúng hơn là chúng còn cấu thành một biển khơi không bờ bến mà giọt sương của ta khi rớt vào đáy không hề biến mất luôn trong đó; mà cảm thấy đúng ra như thể nước hấp thu trọn cả đại dương vào chính nó. Vậy là giờ đây tôi đang sống Không phải là tôi, mà là chính Ngài Với mọi quyền năng và lòng bác ái Từ đó trở đi sống động nơi tôi. Đến đây tôi phải kết thúc mẫu tiểu sử này, vì đây là “Thông Thiên Học đến với tôi như thế nào” – trước hết xuyên qua bà Blavatsky, vị sáng lập vĩ đại của chúng ta nơi cõi trần, và rồi đầy đủ hơn ở mức độ cao hơn xuyên qua các thành viên khác của Đại Đoàn Huynh Đệ Bạch Đạo (Quần Tiên Hội) mà bà đã giới thiệu cho tôi. Cầu xin tất cả Huynh đệ của tôi tìm thấy nơi Thông Thiên Học sự an bình và hạnh phúc mà tôi đã tìm gặp.

VẠN VẬT THÁI BÌNH